BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
-------ꕥ0ꕥ-------

NGUYỄN THANH HẢI

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục

Mã số: 62.14.01.14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. Nguyễn Dục Quang

2. PGS.TS. Nguyễn Xuân Thanh

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Thanh Hải

Lời Cảm Ơn!

Với tình cảm chân thành tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Khoa Quản lý giáo dục, Phòng Sau Đại học – Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội và quý thầy cô giáo đã quản lý, giảng dạy tôi trong suốt quá trình học tập khóa 32 Nghiên cứu sinh (2012 – 2016).

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Dục Quang và PGS.TS. Nguyễn Xuân Thanh đã tận tình giúp đỡ và động viên tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn đến các thầy cô giáo là cán bộ quản lý, giảng viên và các em sinh viên của trường đại học Phạm Văn Đồng, trường đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng, trường đại học Duy Tân, trường đại học Quy Nhơn, trường đại học Huế, trường đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh (chi nhánh Quảng Ngãi), trường đại học Quảng Nam đã tận tình cung cấp thông tin giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu, hoàn thành luận án này.

Trong quá trình học tập và nghiên cứu tôi đã cố gắng hết sức mình nhưng do một số điều kiện khách quan, điều kiện nghiên cứu còn hạn chế nên luận án không tránh khỏi những sai sót kính mong được thầy cô giáo, các đồng nghiệp và bạn bè tiếp tục giúp đỡ góp ý; Tôi xin nghiêm túc tiếp thu và lấy đó làm bài học kinh nghiệm.

Hà Nội, tháng 06 năm 2017

Tác giả luận án

Nguyễn Thanh Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI 1
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU 4
3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU 4
4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC 4
5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU 4
6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU 5
7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 5
8. LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ 7
9. ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN ÁN 7
10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN 8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC 9
1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề 9
1.1.1. Các nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 10
1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ... 18
1.2. Đổi mới giáo dục Đại học và những vấn đề đặt ra với quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 22
1.2.1. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học 22
1.2.2. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên những vấn đề đặt ra trước yêu cầu đổi mới giáo dục 24
1.3. Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 26
1.3.1. Khái niệm 26
1.3.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên 27

1.3.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 29
1.3.4. Nội dung và loại hình hoạt động chủ yếu của hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 32
1.3.5. Các nguồn lực để tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ... 34
1.4. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 36
1.4.1. Một số khái niệm cơ bản 36
1.4.2. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 42
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 52
1.5.1. Nhận thức của Giảng viên đối với HĐGDNGCK 52
1.5.2. Sự phối kết hợp giữa các tổ chức trong nhà trường và các lực lượng hỗ trợ 52
1.5.3. Tác động của vị trí địa lý nhà trường ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng quản lý nhà trường trong đó có chất lượng hoạt động GDNGCK 52
1.5.4. Kinh phí hoạt động cho việc tổ chức HĐGDNGCK chưa đáp ứng với những nội dung tổ chức 53
1.6. Nghiên cứu kinh nghiệm Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở các nước trên thế giới. 53
1.6.1. Hệ thống quản lý sinh viên 53
1.6.2. Trung tâm hỗ trợ sinh viên (Trung tâm sinh viên) 54
1.6.3. Mô hình Dịch vụ học tập và sinh viên (Student and Learning Services) ...55
1.6.4. Quản lý SV thông qua các hoạt động xã hội 57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 59

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC 61
2.1. Khái quát về giáo dục Đại học khu vực duyên hải miền Trung 61
2.2. Tổ chức nghiên cứu 64
2.2.1. Mục đích khảo sát 64
2.2.2. Nội dung khảo sát 64
2.2.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát 65
2.2.4. Phương pháp và công cụ khảo sát 66
2.3. Thực trạng hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 67
2.3.1. Thực trạng về nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trong nhà trường: 67
2.3.2. Thái độ và hứng thú của sinh viên đối với hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 75
2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 76
2.4.1. Thực trạng về nhận thức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 76
2.4.2. Thực trạng quản lý việc lập kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. 80
2.4.3.Thực trạng công tác tổ chức bộ máy hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học 81
2.4.4. Thực trạng công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 82
2.4.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên 87

2.5. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 89
2.6. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. 96
2.7. Nhận xét đánh giá chung 98
2.7.1. Những kết quả đạt được của quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 98
2.7.2. Những tồn tại và khó khăn trong hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 100
2.7.3. Những nguyên nhân của yếu kém 104
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 107
Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC 108
3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp 108
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học 108
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, nhất quán 108
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi 108
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phát huy được vai trò của chủ thể và các yếu tố của quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 109
3.1.5. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phải đảm bảo tính đồng bộ, tác động vào các khâu của quá trình rèn luyện của SV 109
3.2. Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục 110
3.2.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 110

3.2.2.Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 113
3.2.3. Kế hoạch hoá hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 115
3.2.4. Thực hiện phân cấp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường. 119
3.2.5. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa 122
3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên. 129
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. 135
3.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp .. 136
3.5. Thử nghiệm biện pháp 139
3.5.1. Mục đích thử nghiệm 139
3.5.2. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm 139
3.5.3. Nội dung thử nghiệm 140
3.5.4. Quy trình thử nghiệm 140
3.5.5. Kết quả thử nghiệm 140
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 143
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 145
CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ 151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

QLHĐGDNGCK	:	Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
HĐGDNGCK	:	Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
CBQL	:	Cán bộ quản lý
GD&ĐT	:	Giáo dục và đào tạo
GV	:	Giảng viên
SV	:	Sinh viên
CSV	:	Cơ sở vật chất
VHVN	:	Văn hóa văn nghệ
TDTT	:	Thể dục thể thao
KTX	:	Ký túc xá
CĐ	:	Cao đẳng
UBND	:	Ủy ban nhân dân
ĐV-TN	:	Đoàn viên thanh niên
CT CTHSSV	:	Công tác chính trị học sinh sinh viên

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Quy mô về giáo dục đại học, cao đẳng của 7 tỉnh,thành phố..... 61
Bảng 2.2: Phân bố phiếu khảo sát CBQL, GV theo trường 65
Bảng 2.3: Phân bố phiếu khảo sát SV theo trường..... 66
Bảng 2.4: Nhà trường đã tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên với những nội dung và hình thức 67
Bảng 2.5: Mục đích, động cơ học tập của sinh viên..... 71
Bảng 2.6: Thái độ học tập của sinh viên 71
Bảng 2.7: Những hình thức HĐGDNGCK của sinh viên..... 74
Bảng 2.8: Hứng thú của sinh viên thi tham gia các HĐGDNGCK..... 75
Bảng 2.9. Lý do tham gia các HĐGDNGCK..... 75
Bảng 2.10: Nhận thức về tầm quan trọng của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên. 76
Bảng 2.11: Nhận thức về nội dung HĐGDNGCK của CBQL và SV..... 77
Bảng 2.12: Nhận thức về ảnh hưởng của HĐGDNGCK đối với sinh viên..... 78
Bảng 2.13: Nhận thức về vai trò của các lực lượng tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên 79
Bảng 2.14: Đánh giá công tác Đoàn - Hội trong Nhà trường của cán bộ quản lý 81
Bảng 2.15: Đánh giá công tác Đoàn - Hội trong Nhà trường của cán bộ quản lý 83
Bảng 2.16: Đánh giá của CBQLGD về công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV 87
Bảng 2.17: Cán bộ quản lý đánh giá về tổ chức HĐGDNGCK..... 88
Bảng 2.18: Ảnh hưởng của năng lực tổ chức hoạt động tập thể của các khoa, phòng ban, các tổ chức đoàn thể. 90

Bảng 2.19: Ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính đến QLHĐGDNGCK..... 90
Bảng 2.20. Đánh giá của CBQLGD về các điều kiện bảo đảm cho công tác QLHĐGDNGCK của SV92
Bảng 2.21. Đánh giá của SV về các điều kiện bảo đảm cho công tác QLHĐGDNGCK của SV 94
Bảng 3.1. Kết quả kiểm chứng về mức độ cần thiết của các biện pháp ... 137
Bảng 3.2. Kết quả kiểm chứng về tính khả thi của các biện pháp138
Bảng 3.3. Tổng hợp khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp..... 138

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Con người là nhân tố rất quan trọng tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển, giữ vị trí trung tâm, quyết định đối với toàn bộ hệ thống các nhân tố khác tạo nên sự phát triển chung của xã hội. Trong thời đại mới, khi xã hội phát triển càng nhanh, càng sâu sắc nhờ ảnh hưởng và tác động của khoa học kỹ thuật, công nghệ thì thông qua giáo dục, sự phát triển trí tuệ của con người có địa vị hết sức trọng yếu. Nhờ có trí tuệ phát triển cao, con người lại tạo nên những giá trị cao trên tất cả các giá trị khác, tạo nên quyền lực, nói cách khác nếu giáo dục làm đúng, làm tròn trách nhiệm của mình sẽ tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của xã hội.

Đối với thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên, mục đích giáo dục là làm cho họ trở thành những nhân cách toàn diện. Một lớp thanh niên có văn hóa, có khoa học và kỹ thuật, tích cực năng động và sáng tạo, có khả năng lao động và lao động có năng suất cao trong một nền công nghiệp tiên tiến. Một lớp thanh niên có ý chí vươn lên vì sự thành đạt, vì sự tiến bộ của bản thân và sự phồn vinh của đất nước.

Trong xu thế hiện nay giáo dục Đại học giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo dựng mặt bằng dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy việc nâng cao chất lượng giáo dục Đại học trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó học sinh sinh viên là người đóng một vị trí trung tâm trong quá trình giáo dục.

- Điều 2 luật giáo dục (2005) ghi rõ: “ *Mục tiêu giáo dục đào tạo là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, có tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*

- Những giá trị đạo đức và nghề nghiệp của thanh niên được hình thành không chỉ bằng giờ học trên lớp mà còn được rèn luyện, củng cố thông qua các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa là một khâu, một bộ phận của toàn bộ quá trình giáo dục, phát triển của sinh viên. Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa sẽ góp phần củng cố, mở rộng tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển xúc cảm, tình cảm, đạo đức của sinh viên...bằng sự gián tiếp trong tập thể, giữa các tập thể và với xã hội. Từ đó hình thành cho sinh viên kỹ năng tự quản và tổ chức các hoạt động, đặc biệt hình thành cho các em tính năng động, sáng tạo, kỹ năng sống, khả năng giao tiếp...

Thực tế những năm gần đây cho thấy hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ngày càng đa dạng và phong phú. Ngoài giờ học ở nhà trường các em có thể tham gia học tập để nâng cao kiến thức, có thể đi làm để kiếm thêm thu nhập trang trải cho việc học tập, có thể tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa văn nghệ - TDTT ... do nhà trường, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị trong và ngoài nhà trường tổ chức cho sinh viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, một vài hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên hiện nay xuất hiện rất rõ những mặt tiêu cực. Sự giao thoa của các nền văn hoá đã phần nào làm thay đổi định hướng giá trị trong HS-SV, việc sinh viên tham gia vào các loại tệ nạn xã hội: rượu, chè, cờ bạc, mại dâm, ma túy ... vấn đề đáng báo động.

Công tác quản lý HĐGDNGCK của các trường đại học còn bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nhưng nguyên nhân cơ bản là Nhà trường còn xem nhẹ công tác giáo dục toàn diện trong đó có tổ chức các HĐGDNGCK, chỉ quan tâm đến giáo dục chính trị tư tưởng, học tập NCKH, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao một cách đơn thuần do các tổ chức đoàn thể và các phòng ban chức năng trong

Nhà trường tổ chức, chưa có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động này một cách có hệ thống.

Trong những năm gần đây yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục Đại học với mục tiêu; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.

Việc chuyển sang đào tạo tín chỉ đã làm thay đổi rất lớn cách nhìn của sinh viên đối với các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Đối với công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cho sinh viên phải thay đổi rất lớn để đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của sinh viên.

Mặc khác lĩnh vực này còn ít người nghiên cứu hoặc nghiên cứu không sâu, chưa có nhiều nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở bậc đại học, mà chỉ có ở trường phổ thông.

Nhận thấy được tầm quan trọng của các hoạt động giáo dục ngoài giờ trong việc nâng cao kỹ năng sống góp phần giáo dục toàn diện cho sinh viên học sinh, tháng 2 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư quy định về việc Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trong đó sinh viên các trường cao đẳng, đại học là một trong những đối tượng áp dụng. Đây có thể là một thể chế để công tác quản lý các hoạt động giáo dục ngoài giờ của sinh viên được hiểu một cách sâu sắc hơn. Nhận thức được trách nhiệm về việc nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phù hợp, khả thi, góp phần hạn chế được những yếu kém tồn tại, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và uy tín của công tác quản lý giáo dục và đào tạo. Điều đó đã thúc đẩy tôi chọn đề tài: ***"Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học khu vực Miền Trung trong bối cảnh đổi mới giáo dục"*** làm luận án Tiến sĩ.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất hệ thống biện pháp quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở trường đại học, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục toàn diện cho sinh viên Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở trường đại học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Việc quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở trường đại học khu vực duyên hải Miền Trung trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả song vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Nếu xác lập được hệ thống các biện pháp quản lý hoạt động này một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của trường đại học thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở trường đại học.

5.2. Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của sinh viên ở trường đại học khu vực Miền Trung.

5.3. Đề xuất hệ thống các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học khu vực Miền Trung.

5.4. Thử nghiệm các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

6.1. Nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho sinh viên Đại học hệ chính qui của các trường đại học ở Việt Nam.

6.2. Khảo sát thực trạng quản lý các HĐGDNGCK ở một số trường đại học ở Miền Trung Việt Nam: trường đại học Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng, trường đại học Phạm Văn Đồng, trường đại học Tài chính Kế Toán, trường đại học Quy Nhơn, trường đại học Huế, trường đại học Quảng Nam, trường đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi), trường đại học Duy Tân.

6.3. Đối tượng khảo sát

- CBQL, GV, SV hệ chính quy của một số trường đại học ở khu vực Miền Trung Việt Nam.

- Một số tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ quản lý hành chính nhà nước ở một số địa phương nơi có các trường đại học đóng trên địa bàn.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Các quan điểm phương pháp luận

Chúng tôi dựa trên những cơ sở PP luận tiếp cận như sau:

7.1.1. Tiếp cận hoạt động: Nghiên cứu hoạt động GDNGCK và QLHĐGDNGCK ở trường đại học để có thể đề xuất những biện pháp quản lý hiệu quả góp phần nần cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện cho sinh viên.

7.1.2. Tiếp cận hệ thống cấu trúc: Nghiên cứu công tác QLHĐGDNGCK ở trường đại học và các yếu tố khác...giúp người nghiên cứu hiểu sâu rộng, biết chọn lọc, tích hợp những biện pháp QLHĐGDNGCK hiệu quả và mang tính khả thi.

7.1.3. Tiếp cận quá trình: Nghiên cứu thực trạng công tác QLHĐGDNGCK để hiểu rõ về công tác tổ chức các HĐGDNGCK, mức độ tổ chức cũng như các hứng thú của sinh viên trong hoạt động này để có định hướng rõ hơn về cách chỉ đạo trong việc tổ chức các HĐGDNGCK.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

Chúng tôi sử dụng phối hợp các PP nghiên cứu lý thuyết

- Thu thập thông tin, tài liệu từ thư viện, mạng internet, nguồn tài liệu từ thầy cô trong và ngoài nước về đề tài nghiên cứu các tài liệu sách báo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Đọc, phân tích các kết quả nghiên cứu để hiểu sâu sắc ưu điểm, thành tựu cần kế thừa và những hạn chế cần tránh.

- Trên cơ sở đọc, phân tích các kết quả được nghiên cứu, chúng tôi tiến hành tổng hợp để có tầm nhìn tổng thể về biện pháp QLHĐGDNGCK cho sinh viên ở trường đại học.

- Từ những thành tựu khoa học về đề tài đã được nghiên cứu chúng tôi tiến hành phân loại, tập hợp những kiến thức theo đặc trưng các nội dung lý luận về HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK. Từ đó hệ thống hóa lý thuyết theo logic khoa học luận đề, luận điểm, luận cứ, luận chứng....để xây dựng hoàn thiện cơ sở lý luận của đề tài.

7.3. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

1. Quan sát: Thực trạng quá trình QLHĐGDNGCK, quá trình tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên Đại học.

2. Điều tra: CBQL, SV, GV và một số tổ chức có liên quan qua bảng hỏi để nắm được nội dung, hình thức các hoạt động, mức độ tổ chức các hoạt động ngoài giờ cho sinh viên, hứng thú của sinh viên khi tham gia các hoạt động ngoài giờ.

- Phỏng vấn: CBQL, SV, GVđể hiểu sâu sắc về thực trạng HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK cũng như ý kiến đánh giá của họ về tác động của HĐGDNGCK đối với sinh viên.

- Thực nghiệm sư phạm: Chúng tôi tiến hành thực nghiệm một số biện pháp QLHĐGDNGCK để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu.

7.4. Phương pháp xử lý thông tin

Chúng tôi dùng Toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lý số liệu cho đề tài.

8. LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

8.1. HĐGDNGCK của SV các trường đại học là yếu tố quan trọng trong việc rèn luyện, phát triển nhân cách, năng lực cho sinh viên làm cho sinh viên có khả năng thích ứng, năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

8.2. HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK ở khu vực duyên hải Miền Trung có vai trò quan trọng trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Nếu có một hệ thống quản lý thống nhất sẽ nâng cao công tác giáo dục toàn diện cho sinh viên.

8.3. Các biện pháp QLHĐGDNGCK được xây theo tiếp cận chức năng quản lý sẽ giải quyết được những hạn chế và nâng cao chất lượng HĐGDNGCK ở trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

9. ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN ÁN

9.1. Làm sáng tỏ và phong phú thêm lý luận về QLHĐGDNGCK của SV các trường đại học

9.2. Đánh giá được thực trạng công tác QLHĐGDNGCK của SV tại các trường đại học tại khu vực Miền Trung ở Việt Nam.

9.3. Đề xuất được các biện pháp QLHĐGDNGCK của SV trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn áp dụng cho các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu của xã hội.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận án gồm 3 chương với tổng số là ... trang.

- Mở đầu

***Chương 1*:** Cơ sở lý luận về quản lý HĐGDNGCK của sinh viên ở Trường Đại học

***Chương 2*:** Thực trạng QLHĐGDNGCK của sinh viên ở trường đại học

***Chương 3*:** Các biện pháp QLHĐGDNGCK của sinh viên ở trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

- Kết luận và kiến nghị
- Danh mục các công trình lên quan đến luận án đã công bố
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HĐGDNGCK CỦA SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

HĐGDNGCK là những hoạt động giáo dục tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của sinh viên, góp phần thực hiện nguyên lý "Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội" và cũng để góp phần phát triển toàn diện thế hệ trẻ.

Muốn phát triển toàn diện nhân cách của thế hệ trẻ thì không thể dừng lại ở những hoạt động trên lớp, trang bị kiến thức, mà phải có những hoạt động giáo dục ngoài giờ học để giúp các em biết ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, qua đó các em khắc sâu thêm được những kiến thức và có thêm nhiều kỹ năng, kỹ xảo trong các hoạt động khác nhau của cuộc sống.

Tổ chức HĐGDNGCK là một yêu cầu không thể thiếu trong quá trình giáo dục nhân cách cho sinh viên. Thông qua hoạt động giáo dục sinh viên được kiểm nghiệm những tri thức đã tiếp thu trong sách vở và trong giờ học trên lớp. Đồng thời hoạt động này còn là môi trường, là điều kiện giúp các em có cơ hội giao lưu với nhau, tiếp xúc với cuộc sống, với tự nhiên và dần dần hình thành nên các mối quan hệ xã hội, để qua đó các em có thể tự khẳng định mình với tư cách là một chủ thể tích cực của một xã hội đang phát triển. Thông qua các hình thức hoạt động, những năng lực toàn diện của các em được dịp bộc lộ, được mọi người đánh giá và quan trọng nhất là các em biết tự đánh giá, tự điều chỉnh mình và có thể phát huy được những điểm mạnh, hay khắc phục những điểm còn yếu theo mục tiêu giáo dục của nhà trường và của xã hội.

Như vậy, muốn phát triển toàn diện nhân cách của thế hệ trẻ thì không thể dừng lại ở những hoạt động trên lớp, trang bị kiến thức hàn lâm

mà phải có những hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa để giúp các em biết ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, qua đó khắc sâu thêm kiến thức và có thêm nhiều kỹ năng, kỹ xảo trong các hoạt động khác nhau của cuộc sống.

HĐGDNGCK được tiến hành trong mối quan hệ biện chứng với việc tổ chức hoạt động dạy học ở trên lớp giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách toàn diện.

1.1.1. Các nghiên cứu về HĐGDNGCK

1.1.1.1. Trên thế giới

Trong quá trình phát triển của khoa học giáo dục, hoạt động dạy học được nghiên cứu một cách có hệ thống từ thời Cômenxki tới nay; nhưng HĐGDNGCK dường như ít được sự quan tâm của các nhà khoa học, tuy trong lịch sử cũng có những nghiên cứu đề cập đến vấn đề này. Rabơle (1494 - 1553) cho rằng: " *trí dục, đạo đức, thể chất và đã có sáng kiến tổ chức các hình thức giáo dục như ngoài việc học ở lớp và ở nhà còn có các buổi tham quan các xưởng thợ, các cửa hàng, tiếp xúc các nhà văn, các nghệ sỹ, đặc biệt là mỗi tháng một lần thầy và trò về sông ở nông thôn một ngày.*" (20, trang 39,40) [tr 20, 39-40].

J.A.Cômenxki (2009) đã cho rằng: "*Học tập không phải là lĩnh hội kiến thức trong sách vở mà lĩnh hội kiến thức từ bầu trời, mặt đất, từ cây sồi, cây dẻ...*" [16]. Petxtulôzi Robert Owen đã rút ra kết luận là phải kết hợp giáo dục với lao động với các hoạt động xã hội. Lê-nin có nhận định: "*Chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết lao động và hoạt động xã hội cùng với công nhân và nông dân*"...

Đến thế kỷ XX Smakarenco - nhà Sư phạm nổi tiếng của Nga vào thập niên 20,30 đã nói về tầm quan trọng của công tác giáo dục ngoài giờ chính khóa. Ông nói: "*Tôi kiên trì nói rằng các vấn đề giáo dục, phương pháp giáo dục, không thể hạn chế trong các vấn đề giảng dạy, lại càng không thể để cho*

quá trình giáo dục chỉ thực hiện trên lớp học mà đáng ra phải trên mỗi mét vuông của đất nước chúng ta…(1, trang 63)

Các nhà giáo dục phương Tây cũng rất quan tâm đến HĐGDNGCK. J.DeWey cho rằng giáo dục không phải là chuẩn bị cho đời sống mà chính là cuộc sống. Phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục trong lớp, trong trường với giáo dục ngoài lớp, ngoài trường. Học cách làm với nguyên tắc giáo dục không phải là thu nhận mà là hành động. Học đường là xã hội với nguyên tắc giáo dục không chỉ cá thể hóa mà cần xã hội hóa [38]

Khổng Tử (551-479 TrCN), một triết gia, một nhà giáo dục lỗi lạc của Trung Quốc cho rằng tạo ra lớp người "Trị quốc", học gắn liền với hành. Ông khẳng định: "*Đọc thuộc ba trăm thước kinh thư giỏi, giao cho việc hành chính không làm được, giao cho việc đi sứ không có khả năng đối đáp, học kiểu như vậy chẳng có ích gì*" [36;8].

Thomas More (1478-1535) - Nhà giáo dục không tưởng đầu thế kỷ XVI đã đánh giá rất cao vai trò của lao động đối với con người và đối với xã hội nên việc giáo dục con người phải được thực hiện kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục ngoài nhà trường, trong lao động và hoạt động xã hội [dẫn theo 22].

Pétxtalozi (1746-1827) - Một nhà giáo dục lớn của Thụy Sỹ, người đương thời gọi ông là "ông thầy của các ông thầy". Bằng con đường giáo dục thông qua thực nghiệm ông muốn kéo vớt trẻ em mồ côi, con nhà nghèo. Nhân dân dựng tượng ông và ghi dòng chữ: "*tất cả cho người khác, không gì cho mình*". Ông dựng ra trại mới giúp trẻ vừa học văn hóa, vừa lao động ngoài lớp, ngoài trường học. Ông cho rằng hoạt động ngoài lớp không những tạo ra của cải vật chất mà còn là con đường giáo dục toàn diện cho học sinh. Ông quan niệm giáo dục gia đình đi trước, giáo dục trường học là sự tiếp nối "*giờ nào sinh ra trẻ em thì giờ đó bắt đầu sự giáo dục*" [dẫn theo 22].

Robert (1771-1858) - Nhà giáo dục lớn, một nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu thế kỷ XIX cho rằng muốn cải tạo xã hội bằng con đường giáo dục đi từ cuộc thực nghiệm giáo dục mới mẻ trong công xưởng của ông ở nước Anh. Qua cuộc thực nghiệm giáo dục vĩ đại này ông đặt ra một tác phẩm bất hủ là "*Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất*", "*kết hợp giáo dục trong trường lớp với giáo dục trong lao động và hoạt động xã hội*" [dẫn theo 22]

C. Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) - Người sáng lập ra học thuyết cách mạng XHCN và là ông tổ của nền giáo dục hiện đại, hai ông xác định mục đích nền giáo dục XHCN là tạo ra con người phát triển toàn diện. Muốn vậy phải theo phương thức giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Đây chính là phương thức giáo dục hiện đại.

V.I.Lê-nin (1870 -1942) - Người phát triển học thuyết GD XHCN của C.Mác và Ph.Ăngghen đã vận dụng phương thức giáo dục này vào thực tiễn và coi là một trong những nguyên tắc của GD XHCN. Trong bài phát biểu nhiệm vụ của Đoàn thanh niên, Người nói: "*Chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết lao động và hoạt động xã hội cùng với công nhân và nông dân*".

N.K.Crupxkaia (1869-1939) - Nhà giáo dục Xô viết vĩ đại đã phân tích sâu sắc ý nghĩa của hoạt động lao động, hoạt động chính trị xã hội. Bà đánh giá cao vai trò hoạt động của Đoàn thanh niên, của Đội thiếu niên, qua các hoạt động ngoài trường, ngoài lớp. Bà cho rằng qua hoạt động thực tiễn thế hệ trẻ được "*tự giáo dục"*, qua đó hình thành và phát triển nhân cách của người lao động mai sau [dẫn theo 22].

Kanar,C.C. một tác giả người Mỹ với tác phẩm: *Sinh viên tự tin (The confident student)* phát hành năm 2001 đã cho rằng một thực trạng khá phổ biến là sinh viên của các trường đại học bỏ học không phải vì họ thấy chương trình học tập của những khóa học tại trường khó khăn, mà bởi vì các sinh viên trở nên quá tải với khối lượng công việc học tập và không thể quản lý các cam kết

nghiên cứu do công việc cá nhân và cuộc sống. Từ đó Kanar đưa ra những biện pháp để sinh viên phát triển một cách tích cực thái độ học tập và đối phó với căng thẳng, giúp cho sinh viên quản lý thời gian bằng cách tổ chức duy trì sự cân bằng lành mạnh trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Điều này sẽ giúp cho sinh viên giảm thiểu căng thẳng và giúp sinh viên luôn có động lực trong học tập.

Vào lúc bắt đầu của thế kỷ XXI, nhiều trường cao đẳng và các trường đại học ở Mỹ có một nhiệm vụ giáo dục: "*Sinh viên toàn diện*". Tham gia các hoạt động ngoài giờ học chính khóa là một công cụ quan trọng trong việc phát triển cá nhân đối với sinh viên. Việc tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ không chỉ để giải trí, hưởng thụ đơn thuần mà quan trọng nhất là nâng cao kỹ năng sống cho sinh viên. Chính vì thế các mục tiêu chính của các hoạt động giáo dục ngoài giờ tập trung vào mức độ cá nhân sinh viên, mức độ thể chế, và mức cộng đồng rộng lớn hơn. Những hoạt động này tồn tại để bổ sung cho chương trình giảng dạy học tập của trường đại học và để làm tăng thêm kinh nghiệm giáo dục của sinh viên.

Theo một bài viết năm 1993 bởi Alexander Astin: “hầu như bất kỳ các hoạt động ngoài giờ của sinh viên trong trường đại học đều có ảnh hưởng tích cực đến học sinh học tập và phát triển của nhà trường. Hoạt động ngoài giờ học chính khóa cung cấp môi trường để sinh viên tham gia và tương tác với các sinh viên khác, vì sự phát triển của cá nhân toàn diện là mục tiêu chính của các hoạt động giáo dục ngoài giờ học. Các trường đại học tổ chức các hoạt động đủ để tác động đến tình cảm, trí tuệ, xã hội và phát triển giữa các cá nhân. Bằng cách làm việc cùng nhau với các cá nhân, sinh viên để đàm phán, giao tiếp, quản lý xung đột và dẫn dắt người khác. Tham gia vào các hoạt động ngoài giờ chính khóa sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng tư duy phê phán, quản lý thời gian, khả năng học tập và trí tuệ. Tham gia vào các hoạt động giúp học sinh trưởng thành xã hội bằng cách cung cấp một thiết lập cho tương tác học sinh,

hình thành mối quan hệ và thảo luận. Làm việc bên ngoài lớp học với các nhóm đa dạng của các cá nhân cho phép sinh viên đạt được tự tin hơn, tự chủ và đánh giá cao sự khác biệt và tương đồng của người khác. Sinh viên tham gia vào các hoạt động ngoại khóa cũng tích cực tác động đến trình độ học vấn.

Ernest T. Pascarella và nghiên cứu 1991 của Patrick T. Terenzini chỉ ra rằng: Các sinh viên tham gia hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa có kết quả giáo dục lớn hơn nhiều so với những sinh viên không quan tâm đến hoạt động này.

Theo nghiên cứu 1987 Vincent Tinto sinh viên sẽ có nhiều khả năng tồn tại ở Đại học nếu họ cảm thấy họ đã có cuộc gặp gỡ bổ ích với các hệ thống xã hội và học của một trường đại học. Thông qua hoạt động ngoài giờ, sinh viên thường xuyên tương tác với các nhiều đối tượng và là nơi để sinh viên tổ chức học tập lớn và chuyên nghiệp hỗ trợ các thành viên của họ có được kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề nghiệp của họ lựa chọn và giúp đỡ trong việc tìm kiếm việc làm. Sinh viên họp để thảo luận về các vấn đề thích hợp liên quan đến lĩnh vực mà họ quan tâm và học kỹ năng việc nghiên cứu hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau và nguồn gốc dân tộc và chủng tộc. Nhiều trường tài trợ lễ hội, các buổi hòa nhạc, các bài giảng và thảo luận nâng cao nhận thức đa văn hóa trong khuôn viên trường, trong đó sinh viên có thể tham gia. Ngoài ra, tham gia vào các hoạt động này có thể là một bước quan trọng hướng tới phát triển chủng tộc, dân tộc.

Pauk,W. Với công trình: *Phát triển những kỹ năng nghiên cứu cần thiết (Developing essential study skills)* năm 2000 tại Mỹ đã đưa ra những số liệu nghiên cứu thực tế để cho thấy rằng nhiều điều cần thiết hơn để trở thành một sinh viên thành công so với việc đơn giản chỉ học tập để đọc, viết và làm các phép tính toán học. Mà các kỹ năng mềm khác như việc tham gia các hoạt động ngoại khóa, các công việc ngoài giờ học, kỹ năng sống, kỹ năng tư duy

phê phán... đã tác động rất mạnh mẽ vào sự phát triển toàn diện cho sinh viên, giúp cho sinh viên kiểm soát được bản thân, quản lý thời gian, quản lý được căng thẳng của bản thân.

Ở hầu hết các nước Anh, Đức, Nga, Pháp, Mỹ và các nước trong khu vực đều khuyến khích tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham gia các HĐGDNGCK. Học đặc biệt quan tâm hình thành các câu lạc bộ, các trung tâm văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao nhằm phát triển năng khiếu ở học sinh. Các trường tổ chức những hoạt động dã ngoại tham quan, du lịch, tổ chức tìm hiểu về văn hóa nghệ thuật, môi trường thiên nhiên. Những năm đầu thế kỷ XX, UNESCO còn tổ chức các hoạt động giao lưu giữa các trường phổ thông của toàn thế giới. Tổ chức "Các trường liên kết" ra đời, cho đến nay có gần 100 nước tham gia, thu hút khoảng 5000 trường THPT và THCS. Việt Nam có 10 trường được công nhận là trường liên kết UNESCO. Việc ra đời các trường liên kết của UNESCO đã khẳng định được vai trò của hoạt động giao lưu đối với nhân cách học sinh.

UNESCO đã có những tư tưởng định hướng cho Giáo dục thế kỷ 21: "Giáo dục vì một xã hội toàn cầu, vì một thế giới đa văn hóa". Những kỹ năng sống như xử lý tình huống, làm việc theo tinh thần cộng đồng... sẽ nằm trong tay học sinh, nếu học tham gia những hoạt động xã hội và nghề nghiệp song song với việc học tập[39].

Hiện nay ở một số nước rất coi trọng HĐGDNGCK. Ví dụ như một số trường đại học ở Hoa Kỳ tuyển sinh có ưu tiên dành cho các học sinh có thành tích trong thể thao, lãnh đạo các tổ chức hiệp hội, đoàn thể. Chứng nhận về hoạt động tình nguyện về cuộc sống cộng đồng đôi khi là điều kiện bắt buột đối với đầu vào tuyển sinh Đại học. Một học sinh muốn vào trường y phải tình nguyện chăm sóc bệnh nhân... trong cuộc khảo sát 292 SV Đại học, Mary Rombkas phát hiện: Có tương quan dương giữa việc

tham gia các HĐGDNGCK ở trường trung học và thành tích học tập ở Đại học như việc tìm kiếm tri thức, kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội, lòng tự tin, tự trọng...[92].

Mô hình quản lý dựa vào nhà trường của Hoa Kỳ và bài học tạo lập sự tham gia trong nhà trường: School - Based Management (SBM) đã được thực hiện ở các ban Chicago, Florida, Virgnia, NewYork và sau đó là các ban khác. Động lực của hầu hết các cải cách nhằm tìm kiếm hiệu quả, tăng cường năng lực của GV, sự tham gia của cộng đồng vào nhà trường và tăng cường thành tích của HS, các mô hình SBM của Hoa Kỳ được đánh giá ở mức độ trung bình đến tương đối mạnh.

Tuy nhiên các nhà nghiên cứu HĐGDNGCK ở các nước quan niệm là hoạt động tự nguyện, tự giác, có tổ chức của nhà trường và xã hội. Do không được thể chế hóa nên chưa đạt hiệu quả như mục tiêu giáo dục mong đợi.

1.1.1.2. Ở Việt Nam

Trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta và Hồ Chủ tịch từ trước đến nay đã chú ý đến giáo dục cho thế hệ thanh thiếu niên, coi đó là mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp giáo dục Cộng sản chủ nghĩa. Với tư tưởng chỉ đạo đó, Đảng và Nhà nước ta không ngừng tạo ra những điều kiện kinh tế và xã hội thuận lợi để biến học thuyết phát triển con người toàn diện thành hiện thực. Đảng ta đã có nhiều nghị quyết nói về vấn đề xây dựng con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội được thông qua tại đại hội lần thứ VII của Đảng (1991) cũng nhấn mạnh: "kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành con người mới. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi; Sống có văn hóa và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính.

HĐGDNGCK ở Việt Nam đã được quan tâm. Từ năm 1990 về trước HĐGDNGCK được coi là hoạt động ngoại khóa. Những tác giả đặt dấu mốc cho nghiên cứu HĐGDNGCK là Phạm Hoàng Gia, Nguyễn Huy Tú[28], Đỗ Hồng Anh, Nghiêm Thị Phiến, Nguyễn Lê Đắc[22], Vũ Hồng Khanh, Hà Nhật Thăng[42]. Do nhận thức chưa đúng, chưa thống nhất tổ chức quản lý, kiểm tra đánh giá.... nên việc thực hiện HĐGDNGCK đạt hiệu quả thấp.

Giai đoạn từ năm 1990 đến 1995, các hoạt động ngoại khóa được định hướng với yêu cầu giáo dục mới. Đặng Vũ Hoạt[30] với ý tưởng đưa hoạt động ngoại khóa thành một hoạt động có định hướng theo yêu cầu, mục tiêu giáo dục Việt Nam trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Ông đã xác định vị trí, nhiệm vụ, nội dung, hình thức, con đường, quy trình, thiết kế những HĐGDNGCK cụ thể và cung cấp những thông tin, tư liệu cần thiết cho việc thực hiện. Có thể nói, đây là công trình có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn về HĐGDNGCK, nhưng do chưa đưa vào chương trình bắt buộc, chưa quan tâm thực hiện nên hiệu quả chưa cao.

Từ năm 1979, Viện Khoa học giáo dục thực hiện đề tài dài hạn nghiên cứu về "Các hoạt động ngoài giờ chính khóa và sự hình thành nhân cách" do Trung tâm nghiên cứu giáo dục đạo đức chủ trì. Đã có một số tác giả nghiên cứu vấn đề này với một số bài viết được đăng trên các tạp chí nghiên cứu giáo dục và tạp chí thông tin khoa học của một số nhà nghiên cứu như: Đặng Thuý Anh, Phạm Hoàng Gia, Lê Trung Phấn, Phạm Lăng…

- Một số cuốn sách viết về HĐGDNGCK của một số tác giả như: Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức,* Phùng Đình Mẫn (Chủ biên), Trần Văn Hiếu - Thiều Thị Hường (2005), *Tổ chức HĐGDNGCK ở trường THPT…*

Tác giả Hà Nhật Thăng trong cuốn: " Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục"[56] cũng đã đề cập đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục.

Công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Minh Hạc và các cộng sự: "*Chiến lược phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*"

1.1.2. Các nghiên cứu về QLHĐGDNGCK

1.1.2.1. Trên Thế giới

Đối với các công trình nghiên cứu về HĐGDNGCK và một số nghiên cứu có liên quan, tác giả Sỹsuvăn Sỹph ômPhăcdy với: "*Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của sinh viên nội trú các trường đại học CHDCND Lào*" đã nghiên cứu về việc quản lý các HĐGDNGCK của sinh viên nội trú với rất nhiều giải pháp hay, tuy nhiên trong luận án, tổng quan các vấn đề nghiên cứu còn sơ sài, chưa đi vào trọng tâm của vấn đề giải quyết, việc quản lý HĐGDNGCK chỉ dừng lại ở góc nhìn đối với sinh viên nội trú, đây là một hướng làm cho đề tài chưa mang tính khả thi cao.

Công trình nghiên cứu của tác giả Phaylat Khănkeo va Pan Nha Xuxat ở Thái Lan: "*Sự nghiên cứu về công tác QLSV, ĐH Khonken*" và *"HĐQLSV của Đại học kỹ thuật SaCon NaKhon*" cho rằng: Việc QLSV ở bậc Đại học có 4 nhiệm vụ:

Nhiệm vụ có tính phúc lợi (welfare funtion): Hướng nghiệp, vệ sinh sức khỏe, thức ăn giúp đỡ bằng tiền bạc và tìm việc làm.

Nhiệm vụ hoạt động hợp tác theo chương trình (Co curricular Activities): Hội SV, hoạt động xã hội - văn hóa, hoạt động trao đổi giao lưu và hoạt động cộng đồng.

Nhiệm vụ Quản lý: Đón SV, giữ gìn phép lịch sự của sinh viên, thực hiện đúng nội quy của nhà trường.

Nhiệm vụ có tính chất đào tạo (Teching funtion), hướng dẫn, dạy thêm, bồi dưỡng, bố trí SV đi dạy trong và ngoài trường.

Công trình nghiên cứu của tác giả Phunkeo PhanThai Inthavong ở Lào: "*Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐTDTT trong trường ĐHQG Lào.*"

Với những công trình nghiên cứu đã nêu trên có thể nói việc quản lý các hoạt động cho sinh viên nói chung, các hoạt động ngoài giờ chính khóa cho sinh viên là công việc quan trọng của các trường đại học để giúp cho sinh viên sẵn sàng học tập, giúp sinh viên phát triển về mọi mặt như: tư tưởng chính trị, tri thức và tình cảm.... để họ sẵn sàng đóng góp vào quá trình xây dựng đất nước khi tốt nghiệp ra trường.

1.1.2.2. Ở Việt Nam

Đối với nghiên cứu QLHĐGDNGCK và một số vấn đề liên quan, Luận án Tiến sỹ của Đặng Thị Kim Dung: "*Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của sinh viên các trường đại học theo quan điểm tăng cường tính tự quản*". Đây là một nghiên cứu rất có tâm huyết của tác giả đối với công tác QLHĐGDNGCK ở trường đại học. Việc đưa ra những giải pháp quản lý để các HĐGDNGCK ở trường đại học hoạt động mặc dù chưa có một văn bản, thông tư nào của cấp trên chỉ đạo về HĐGDNGCK đối với cơ sở GDĐH. Tác giả đã đề xuất các giải pháp chỉ đạo đặc biệt là việc đẩy mạnh Trung tâm hỗ trợ sinh viên đối với các cơ sở GDĐH. Mặc dù rất cố gắng để chuyển rất nhiều ý tưởng có tính khả thi thực hiện các HĐGDNGCK ở trường đại học nhưng dưới góc nhìn vấn đề tăng cường tính tự quản của sinh viên nên đề tài cũng chưa thể khai thác hết được các góc độ của các nhà quản lý: Đảng ủy, BGH, các Phòng ban chức năng có liên quan và do chưa thống nhất về mặt chỉ đạo từ cấp trên nên chưa mang tính khả thi.

Tác giả Huỳnh Mộng Tuyền với Luận án: "*Bồi dưỡng năng lực hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên cao đẳng sư phạm*". Đây cũng là một vấn đề nghiên cứu về lý luận việc tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh

viên ở các cơ sở GDĐH, tác giả đã nghiên cứu rất hay về nội dung, hình thức tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên, đưa ra những giải pháp để tổ chức các HĐGDNGCK hiệu quả, tác giả đã nghiên cứu việc bồi dưỡng năng lực cho sinh viên để về tổ chức hoạt động ở trường phổ thông. Đây cũng là một biện pháp cho việc nghiên cứu quản lý các HĐGDNGCK của sinh viên.

Trịnh Ngọc Thạch với Luận án: "*Hoàn thiện mô hình quản lý đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các trường đại học Việt Nam"* đã đề xuất những mô hình rất hay với mục đích nâng cao giáo dục toàn diện để có một thế hệ vừa hồng vừa chuyên.

Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Anh với Luận án: "*Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học Sư phạm trong giai đoạn hiện nay"* công trình này đã làm rõ cơ sở lý luận của quản lý công tác giáo dục đạo đức, mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên, vai trò, mục tiêu của quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường sư phạm; Luận án cũng đã điều tra thực trạng đạo đức của sinh viên các trường đại học Sư phạm và thực trạng công tác giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học Sư phạm. Từ đó đề xuất mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học Sư phạm.

Tác giả Đoàn Trung Dung với nghiên cứu: *Các giải pháp quản lý HĐGDNGCK của sinh viên nội trú trường đại học khoa học tự nhiên.*

Các tác giả có thể là những người có ý tưởng thay đổi quan niệm về HĐGDNGCK chỉ có ở phổ thông mà ở bậc đại học cũng rất cần thiết và quan trọng, các tác giả đã đưa ra những giải pháp để quản lý HĐGDNGCK ở bậc đại học ở mỗi góc nhìn khác nhau và có nhiều ứng dụng trong thực tế, tuy nhiên việc đưa ra biện pháp trước đây chưa có văn bản chỉ đạo của các Bộ, Ngành nên các nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc là một nghiên cứu lý thuyết, chưa được áp dụng nhiều đối với các cơ sở GDĐH.

Hiện nay đã có giáo trình, tài liệu phục vụ cho đào tạo, bồi dưỡng HĐGDNGCK cho sinh viên và giáo viên phổ thông. Nguyễn Dục Quang và Ngô Quang Quế đã biên soạn giáo trình HĐGDNGCK. Tác giả chủ yếu giới thiệu chương trình, các loại hình HĐGDNGCK, đánh giá kết quả, phối hợp lực lượng thực hiện HĐGDNGCK. Phạm Thị Minh Hạnh nghiên cứu: " Tổ chức dạy học môn HĐGDNGCK ở trường CĐSP". Tác giả đã thiết kế giáo án điện tử để dạy học lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng HĐGDNGCK cho sinh viên CĐSP. Các công trình nghiên cứu trên đã xây dựng cơ sở lý luận và có những gợi ý thực hành, tổ chức HĐGDNGCK cụ thể.

Nhiều tác giả quan tâm đến nghiên cứu các kỹ năng HĐGD như Phạm Thị Hiền, Đinh Thị Hà nghiên cứu tìm giải pháp rèn luyện kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp cho SV các trường CĐSP. Trần Thị Hường nghiên cứu: "Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành rèn luyện kỹ năng HĐGD trong dạy học giáo dục ở Đại học Sư phạm". Nguyễn Thị Oanh nghiên cứu tìm một số biện pháp rèn luyện kỹ năng tổ chức HĐGD cho SV CĐSP Hải Dương. Đoàn Trung Dung tìm các giải pháp quản lý HĐGDNGCK của sinh viên nội trú ở trường đại học.

Lĩnh vực này đã thu hút nhiều lực lượng nghiên cứu như các nhà khoa học, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và GV ở các trường cao đẳng, đại học... kết quả nghiên cứu đã đạt được thành tựu về lý luận và thực tiễn nhưng cần được nghiên cứu hoàn thiện hơn, nhất là thực hành, ứng dụng....

Qua hệ thống các nghiên cứu nói trên, cho thấy các tác giả đi sâu vào nghiên cứu cơ bản HĐGDNGCK, nghiên cứu thực nghiệm, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn nhằm xây dựng quy trình tổ chức và đổi mới nội dung phương pháp HĐGDNGCK. Các nghiên cứu về QLHĐGDNGCK ở các trường đại học, cao đẳng hầu như chưa được thực hiện nhiều. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay việc đổi mới giáo dục Đại học đặt ra một thách thức rất lớn

đối với các trường đại học. Làm thế nào để các sản phẩm giáo dục của chúng ta đáp ứng được nhu cầu của xã hội mà HĐGDNGCK sẽ góp phần rất lớn trong công tác giáo dục toàn diện đối với sinh viên.

1.2. Đổi mới giáo dục Đại học và những vấn đề đặt ra với QLHĐGDNGCK

1.2.1. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đại học

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời khắc phục những hạn chế của nền giáo dục nước nhà, ngày 04/11/2013 Ban chấp hành Trung Ương Đảng cộng sản Việt Nam đề ra Nghị quyết số 29-NQ/TW "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Mục tiêu đổi mới đối với giáo dục đại học: tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục Đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, trong đó có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Trường học, nhất là trường đại học là môi trường mở về tri thức. Việc cung cấp tri thức cho sinh viên vô cùng quan trọng, nhưng quan trọng hơn là cung cấp cho họ cách tiếp nhận tri thức, cách hành xử với tri thức. Tri thức, đặc biệt là tri thức khoa học - kỹ thuật có thể được nhận và tiếp thu như mì ăn liền, như những linh kiện được đóng gói sẵn. Cái khó là hình thành cho người học một tâm thế tự do, tự do lựa chọn, tự do tiếp thu, tự do sáng tạo. Tự do học thuật cho cả thầy và trò mới thực sự là cốt lõi của dân chủ trong trường đại học.

Cùng với quá trình đổi mới đất nước nói chung, đổi mới nền giáo dục nước nhà, trong đó có giáo dục Đại học, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Văn kiện Đại hội XI của Đảng khẳng định "Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế"(9). Ngày 04-11-2013, Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết số 29-NQ/TW về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"

Thứ nhất, xây dựng triết lý giáo dục cho nền giáo dục nước nhà trong giai đoạn hiện nay, đồng thời mỗi trường đại học, mỗi cơ sở giáo dục cũng cần có triết lý giáo dục riêng phù hợp với tôn chỉ, mục đích và hướng tới hội nhập vào dòng chảy phát triển chung của giáo dục quốc tế.

Thứ hai, việc đổi mới tư duy giáo dục hiện nay cần "gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; hệ thống giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến ở khu vực"(10) như Nghị quyết Hội nghị Trung Ương 8 khóa XI của Đảng khẳng định. Các cấp, các ngành, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự thay đổi một cách mạnh mẽ về tư duy trong tổ chức giáo dục đại học, như thay đổi cách tuyển sinh, lựa chọn "đầu vào" theo hướng thoáng hơn, cho phép các cơ sở giáo dục đại học tự đặt ra các tiêu chuẩn tuyển sinh và chịu trách nhiệm với người học bằng chính "uy tín" đào tạo của mình, cho phép hình thành nhiều mô hình đào tạo Đại học khác nhau, kiểm soát chặt chẽ "đầu ra" của mỗi cơ sở đào tạo để bảo đảm chất lượng chung…

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học), nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi. Về phương pháp, cho phép sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc "lấy người học là trung tâm", giảm tải tối đa giờ giảng trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu. Tất nhiên, các cơ sở đào tạo cần thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan, chặt chẽ để bảo đảm tính hiệu quả của việc dạy và học.

1.2.2. HĐGDNGCK của sinh viên những vấn đề đặt ra trước yêu cầu đổi mới giáo dục

Đất nước ta đang trên con đường hội nhập kinh tế, đó là cơ hội để chúng ta giao lưu, học hỏi, hợp tác với các quốc gia trên thế giới nhằm phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên để làm được điều đó đòi hỏi sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, trong đó, lực lượng sinh viên Việt Nam - những trí thức trẻ của đất nước cần phải đi tiên phong, tự tin hội nhập.

Trong những năm qua, sinh viên cả nước sinh viên Việt Nam đã phát huy tài năng và sức trẻ của mình, đóng góp công sức để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh của những con người trẻ tuổi thông minh, năng động, giàu nhiệt huyết đang ngày đêm miệt mài học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động xã hội luôn là hình ảnh đẹp, xứng đáng được ngợi ca và khuyến khích phát huy. Hiện nay, hầu hết sinh viên của chúng ta đều nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của mình trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế, họ có ý thức chuẩn bị những hành trang cần thiết để tu thân, lập nghiệp. Sự thông minh, nhanh nhẹn và sáng tạo của tuổi trẻ đã giúp các bạn sinh viên

không còn bó hẹp phạm vi tiếp cận thông tin, giao lưu, học hỏi trong nước mà có thể mở rộng giao tiếp, tiếp cận thông tin rộng rãi và nhanh chóng trong khu vực và trên toàn thế giới, nắm bắt nhiều cơ hội phát triển bản thân, quảng bá hình ảnh của Việt Nam với bạn bè quốc tế, góp phần nâng vị trí của đất nước sánh với các cường quốc trên thế giới.

Hội nhập tốt là một nhân tố để quyết định thành công của mỗi sinh viên trên con đường tu thân lập nghiệp trong thời đại ngày nay Ngoài giờ học trên lớp các hoạt động ngoài giờ chính khóa sẽ làm cho sinh viên năng động hơn. với bản chất năng động, sáng tạo và bản lĩnh của tuổi trẻ, thanh niên, học sinh- sinh viên đã xung kích trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hăng hái thi đua trên công trường xây dựng, trong nhà mày, công sở, học sinh- sinh viên hăng hái trong học tập, nghiên cứu khoa và trưởng thành trong hoạt động xã hội vì cộng đồng như: phong trào "Sinh viên 5 tốt", các cuộc thi Eureka, Olympic các môn khoa học Mác–Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Robocon..). Hình ảnh xung kích đi đầu trong các phong trào tình nguyệt đã trở thành nét nẹp của tuổi trẻ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Từ hình mẫu người thanh niên xung phong sau giải phóng "Ba sẵn sàng, Năm xung phong" đến chiến dịch " Ánh sáng văn hóa hè" . Đến nay, phong trào thanh niên tình nguyện không ngừng phát triển và thu hút sự tham gia của hàng triệu lượt thanh niên, học sinh-sinh viên, với nhiều nội dung thiết thực, hiệu quả, hình thức ngày càng phong phú, đa dạng.

Trong những năm qua, các đội thanh niên tình nguyện chung sức vì cộng đồng tại các địa phương đã góp phần phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo; tham gia các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, chăm sóc thiếu niên nhi đồng; tuyên truyền phổ biến pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông; tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Phong trào đã tạo nên một hình ảnh đẹp về lớp thanh niên trong giai đoạn hiện nay, là môi trường tốt để tuổi trẻ cống hiến và trưởng thành.

Bên cạnh những hình đẹp về thanh niên, học sinh-sinh viên, dưới tác động của những mặt trái kinh tế thị trường và toàn cầu về văn hóa ngày càng sâu rộng cũng đã xuất hiện một bộ phận không nhỏ tầng lớp thanh niên, học sinh - sinh viên có lối sống lệch lạc, sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, thiếu ý thức chấp hành pháp luật; có lối sống thực dụng, đua đòi, lãng phí, có biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống, cá biệt có một số thanh niên sa vào tệ nạn xã hội.

Một lối sống cao đẹp cho giới trẻ là rất cần thiết. Để có được điều đó, theo tôi trước hết phải xây dựng được môi trường sống xã hội mang tính nhân văn cao - một xã hội học tập - năng động và sáng tạo, sinh viên sớm được rèn luyện, thử thách để hình thành các phẩm chất cá nhân tích cực. Hình thành phẩm chất cá nhân trước hết và quan trọng nhất là tự thân vận động của thanh niên và phụ thuộc vào kinh nghiệm của bản thân, sự chín muồi về cuộc sống. Vấn đề này thanh niên sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, thanh niên lại có những mặt vượt trội, đó là sức mạnh về hệ thần kinh, về não bộ và về cơ bắp, nếu được giáo dục tốt thanh niên cũng có thể và thực tế đã có những thanh niên trở thành những cá nhân có bản lĩnh.

Thanh niên cần phải nhận thức được mình là ai, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố. Đem sức trẻ, trí tuệ, sự năng động sáng tạo, nhạy bén đi đầu trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước - đó là trách nhiệm vinh quang của tuổi trẻ.

1.3. HĐGDNGCK ở trường đại học

1.3.1. Khái niệm

HĐGDNGCK là những hoạt động giáo dục tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của sinh viên, góp phần thực hiện nguyên lý "Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội" và cũng để góp phần phát triển toàn diện thế hệ trẻ.

Muốn phát triển toàn diện nhân cách của thế hệ trẻ thì không thể dừng lại ở những hoạt động trên lớp, trang bị kiến thức, mà phải có những hoạt động giáo dục ngoài giờ học để giúp các em biết ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, qua đó các em khắc sâu thêm được những kiến thức và có thêm nhiều kỹ năng, kỹ xảo trong các hoạt động khác nhau của cuộc sống.

Tổ chức HĐGDNGCK là một yêu cầu không thể thiếu trong quá trình giáo dục nhân cách cho sinh viên. Thông qua hoạt động giáo dục sinh viên được kiểm nghiệm những tri thức đã tiếp thu trong sách vở và trong giờ học trên lớp. Đồng thời hoạt động này còn là môi trường, là điều kiện giúp các em có cơ hội giao lưu với nhau, tiếp xúc với cuộc sống, với tự nhiên và dần dần hình thành nên các mối quan hệ xã hội, để qua đó các em có thể tự khẳng định mình với tư cách là một chủ thể tích cực của một xã hội đang phát triển. Thông qua các hình thức hoạt động, những năng lực toàn diện của các em được dịp bộc lộ, được mọi người đánh giá và quan trọng nhất là các em biết tự đánh giá, tự điều chỉnh mình và có thể phát huy được những điểm mạnh, hay khắc phục những điểm còn yếu theo mục tiêu giáo dục của nhà trường và của xã hội.

HĐGDNGCK được tiến hành trong mối quan hệ biện chứng với việc tổ chức hoạt động dạy học ở trên lớp giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách toàn diện.

1.3.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên

1.3.2.1. Vị trí, vai trò

Ngày nay, sinh viên có những bước nhảy vọt về chất trong quá trình học tập và rèn luyện. Các em mạnh dạn hơn, suy nghĩ táo bạo hơn, có những nhu cầu mới hơn, đặc biệt là nhu cầu về hoạt động. Mặc dù hoạt động học tập vẫn là hoạt động chủ đạo, song nội dung và tính chất hoạt động ở lứa tuổi này khác rất nhiều so với lứa tuổi trước. Nó đòi hỏi ở các em tính năng động và độc lập cao hơn, tư duy logic nhiều hơn. Những yêu cầu đó vừa phải được thể hiện

trong hoạt động học tập, vừa phải cụ thể hóa trong các hoạt động giáo dục. Đây là một trong những đặc điểm rất rõ nét của sinh viên. Vì vậy có thể nói HĐGDNGCK đối với sinh viên chiếm một vị trí rất lớn trong quá trình giáo dục, nhằm điều chỉnh và định hướng quá trình giáo dục toàn diện đạt hiệu quả.

1.3.2.2. Ý nghĩa

Do tính mục đích, có tổ chức, do đặc điểm của sinh viên (lứa tuổi thanh niên) và với vị trí đặc biệt đã được xác định, HĐGDNGCK có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục, góp phần tích cực củng cố kết quả hoạt động dạy - học trên lớp.

HĐGDNGCK là sự nối tiếp hoạt động dạy học, tạo nên sự hài hòa, cân đối của quá trình sư phạm toàn diện, thống nhất nhằm "hiện thực hóa" mục tiêu của quá trình dạy học.

Hơn nữa, việc đào tạo thế hệ trẻ khó có thể tiếp cận mục tiêu đào tạo nếu chỉ đóng cửa trường để truyền thụ kiến thức văn hóa khoa học, không gắn bó trường học với cuộc sống xã hội, nếu chỉ tiến hành giáo dục qua các giờ chính khóa mà không mở ra nhiều con đường, tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ để giáo dục sinh viên.

Vì vậy, giáo dục trên lớp và giáo dục ngoài giờ là hai bộ phận hữu cơ hợp thành thể thống nhất trong quá trình giáo dục để hình thành nhân cách cho sinh viên. Điều đó khẳng định tính định hướng cho trường học, không có hoạt động nào có thể thay thế giờ học chính khóa, cũng như không gì có thể thay thế hoạt động giáo dục ngoài giờ. Giáo dục ngoài giờ kế tục giáo dục trong giờ chính khóa, mở rộng, đào sâu, hoàn thiện kết quả giáo dục trong giờ chính khóa. Dĩ nhiên mỗi hoạt động có tính độc lập riêng và bao gồm các hoạt động mang tính đa dạng.

HĐGDNGCK góp phần phát triển giáo dục toàn diện. Nó bao gồm các loại hoạt động về nhận thức, về kỹ thuật, về tình cảm thuộc các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, chính trị xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao… Thực tế chứng

minh, chỉ có thông qua việc tổ chức HĐGDNGCK mà sinh viên là chủ thể mới hình thành trong sinh viên nhu cầu phát triển toàn diện (hiểu biết và hoạt động). Thực tiễn cũng thấy, có sinh viên tuy "học giỏi" nhưng đã phát triển lệch lạc như thế nào.

HĐGDNGCK đáp ứng các sở thích và thiên hướng riêng của sinh viên, thu hút đông đảo sinh viên tham gia các hoạt động khác nhau để tiến hành giáo dục. Tính "hấp dẫn", khả năng "tập hợp", "tổ chức" của HĐGDNGCK là tiền đề quan trọng của bất cứ công tác giáo dục nào đối với sinh viên. Nếu được tổ chức và quản lý một cách có hệ thống nó có khả năng khắc phục nhanh chóng những nhược điểm quan trọng của công tác giáo dục hiện nay " khô cứng", áp đặt… Trong hoạt động qua ứng xử, giao tiếp, cùng hoạt động sinh viên có dịp thể nghiệm, đối chiếu, so sánh hành vi, thái độ của bản thân với mọi người xung quanh, tạo niềm tin của các em đối với bản thân, phát triển được năng lực và hoàn thiện dần các phẩm chất nhân cách. Đồng thời, hoạt động này vừa củng cố, vừa phát triển quan hệ giao tiếp, hoạt động giữa các lớp trong trường và cộng đồng xã hội.

HĐGDNGCK ở trường đại học đã đặt sinh viên "*lứa tuổi thanh xuân*" trước những vấn đề của thời đại, của xã hội mà họ phải đối mặt trong tương lai không xa. Với vị trí và vai trò quan trọng như vậy, HĐGDNGCK thực sự là một bộ phận của hệ thống hoạt động giáo dục ở trường đại học. Tổ chức và quản lý có hiệu quả HĐGDNGCK sẽ gắn liền nhà trường với đời sống xã hội, góp phần phát huy vai trò của giáo dục trong sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước.

1.3.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của HĐGDNGCK ở trường đại học

1.3.3.1. Mục tiêu của HĐGDNGCK

** Mục tiêu bồi dưỡng về nhận thức*

Giúp sinh viên nâng cao nhận thức về các giá trị truyền thống của dân tộc, hiểu biết và tiếp thu được các giá trị tốt đẹp của nhân loại, củng cố, bổ

sung, nâng cao và mở rộng kiến thức đã được học trên giảng đường, có trách nhiệm đối với bản thân, với gia đình, nhà trường và xã hội, có sự hiểu biết về các ngành nghề khác nhau trong xã hội và có khả năng định hướng phát triển chuyên môn - rèn luyện nghiệp vụ cho bản thân.

** Mục tiêu rèn luyện kỹ năng*

HĐGDNGCK giúp sinh viên củng cố vững chắc các kỹ năng đã được rèn luyện từ các cấp học, trên cơ sở đó tiếp tục rèn luyện và phát triển các năng lực cơ bản như: Năng lực giao tiếp ứng xử, năng lực thích ứng, năng lực tự hoàn thiện bản thân, năng lực hợp tác, năng lực tự tổ chức, quản lý, năng lực hoạt động…

** Mục tiêu giáo dục thái độ*

Giúp sinh viên có thái độ đúng đắn trước những vấn đề của cuộc sống, biết chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân, biết đấu tranh với những biểu hiện sai trái của người khác và của bản thân để hoàn thiện mình, biết cảm thụ và đánh giá đúng đắn cái đẹp trong cuộc sống…

1.3.3.2. Nhiệm vụ của HĐGDNGCK

** Nhiệm vụ bồi dưỡng về nhận thức*

HĐGDNGCK giúp sinh viên bổ sung, củng cố hoàn thiện những tri thức đã được học trên giảng đường (qua những hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, tham quan, sưu tầm, sinh hoạt theo các chuyên đề…). Qua những hoạt động đó còn giúp cho các em có những hiểu biết mới, mở rộng nhãn quan với thế giới xung quanh, cộng đồng xã hội.

HĐGDNGCK giúp sinh viên biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đời sống đặt ra.Và chính việc vận dụng tri thức vào cuộc sống sẽ giúp các em khắc sâu tri thức đã học, khi cần thiết có thể vận dụng được ngay.

HĐGDNGCK giúp sinh viên định hướng chính trị xã hội, có những hiểu biết nhất định về truyền thống đấu tranh cách mạng, truyền thống xây dựng và bảo vệ tổ quốc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước… qua đó cũng tăng thêm sự hiểu biết của thế hệ trẻ về Bác Hồ, về Đảng, về Đoàn… mà thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của người thanh niên.

** Nhiệm vụ rèn luyện về kỹ năng*

HĐGDNGCK rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa, thói quen tốt trong học tập, lao động công ích và trong các hoạt động khác như tổ chức các cuộc thi văn nghệ, thể thao, các cuộc thảo luận phân tích các tình huống cụ thể…

Như vậy, thông qua HĐGDNGCK chúng ta rèn luyện cho sinh viên nhiều kỹ năng quý giá mà nếu chỉ riêng hoạt động trong giờ học trên giảng đường không làm được hoặc làm không hoàn chỉnh.

** Nhiệm vụ giáo dục về thái độ*

HĐGDNGCK từng bước hình thành cho sinh viên niềm tin vào những giá trị mà các em phải vươn tới, đó là niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa đang đổi mới mà Bác Hồ và Đảng ta đã chọn, tin vào tiền đồ và tương lai tươi sáng của đất nước… Từ đó các em có lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp thêm truyền thống của trường, của lớp, của quê hương mình, mong muốn vươn lên thành những người có những đóng góp tích cực cho xã hội.

HĐGDNGCK bồi dưỡng, xây dựng cho sinh viên lối sống và nếp sống phù hợp với đạo đức, pháp luật, truyền thống tốt đẹp của địa phương, của đất nước.

Như vậy, nếu các nhà giáo dục biết cách tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK một cách đúng đắn, phong phú, đa dạng, sáng tạo … thì sẽ tạo được điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục thái độ đúng đắn của sinh viên.

1.3.4. Nội dung và loại hình hoạt động chủ yếu của hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở trường đại học

1.3.4.1. Nội dung

HĐGDNGCK ở trường đại học tập trung vào 7 vấn đề lớn:

- Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng
- Hoạt động học tập (tự học), nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ
- Hoạt động văn hoá nghệ thuật
- Hoạt động thể dục thể thao
- Hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện
- Hoạt động tình nguyện
- Hoạt động tham quan dã ngoại, về nguồn

1.3.4.2. Loại hình hoạt động

Nội dung HĐGDNGCK được thực hiện thông qua các loại hình hoạt động sau đây:

** Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng*

Hoạt động này phải được tổ chức thường xuyên cho sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú: *Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá*, triển khai các cuộc vận động như: *Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác, mãi mãi tuổi hai mươi*… các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác Lê - nin, thi hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc, các hoạt động nhân đạo đền ơn đáp nghĩa… Phát thanh tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn. Hay là tham gia vào các đội xây dựng, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm…)… Qua đây giúp sinh viên có sự hiểu biết đúng đắn, phát huy được các vấn đề tốt đẹp của xã hội, hiểu được các sự kiện chính trị dân tộc và thế giới…

Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên sẽ hình thành cho sinh viên những phẩm chất và năng lực để thực hiện nghĩa vụ của người công dân tương lai.

** Hoạt động phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ*

Giáo dục tuyên truyền, vận động sinh viên thực hiện cuộc vận động nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện các cuộc thi tay nghề, nghiệp vụ sư phạm, sinh viên nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ. Tuyên truyền việc đổi mới phương pháp dạy và học ở Đại học...

Tổ chức nhiều hoạt động đồng hành với sinh viên như: Thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên, tư vấn và giới thiệu việc làm cho sinh viên, làm việc với các doanh nghiệp trong việc đào tạo và tuyển dụng, tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tế tổ chức các ngày hội, hội chợ việc làm...

** Hoạt động văn hoá nghệ thuật*

Hình thức hoạt động này nhằm giáo dục cho sinh viên sinh hiểu biết cái đẹp và biết phát huy cái đẹp của bản thân và xã hội. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: Sinh hoạt văn nghệ, thăm bảo tàng, triển lãm để tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc, cách mạng của nước ta và các nước khác, tổ chức các cuộc thi tiếng hát sinh viên. nữ sinh tài năng duyên dáng và tham gia các cuộc thi do các tổ chức xã hội của Trung ương và Địa phương tổ chức

** Hoạt động thể dục - thể thao*

Hoạt động thể dục - thể thao sẽ giúp sinh viên học sinh có điều kiện rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe, hình thành nhiều phẩm chất tốt… Từ đó giúp cho việc học tập tốt hơn. Hoạt động TDTT diễn ra dưới nhiều hình thức như: Thi đấu các giải thể thao: Cầu lông, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền…tổ chức cho sinh viên tham gia các môn thể thao theo sở thích bằng việc tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường như câu lạc bộ bóng bàn, câu lạc bộ cầu lông…

** Hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện*

Tổ chức cho sinh viên tham gia phổ cập giáo dục, chống mũ chữ và tái mù chữ, dạy bổ sung kiến thức cho học sinh. Tổ chức quyên góp hỗ trợ sinh

viên học sinh nghèo, tham gia các chương trình ngăn dòng bỏ học, tiếp sức đến trường, tổ chức tốt chương trình "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam". Tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo…

** Hoạt động tình nguyện*

Đây là hoạt động trong những năm qua sinh viên hưởng ứng tham gia một cách nhiệt tình: Tiếp sức mùa thi, xoá mù tin học, văn nghệ xung kích - tình nguyện; Dạy bổ sung kiến thức cho trẻ em xã miền núi đặc biệt khó khăn, các hoạt động tình nguyện tại chỗ như vệ sinh trường lớp, an toàn giao thông giờ tan trường…

** Hoạt động tham quan dã ngoại, về nguồn*

Nhằm mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết, làm cho sinh viên được liên hệ với cuộc sống xã hội rộng lớn nhiều hoạt động tham quan dã ngoại được tổ chức có hiệu quả như: Thăm di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh, tham gia các cuộc hành trình có tổ chức của sinh viên, tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế, tổ chức cho sinh viên hành hương về nguồn, về căn cứ địa cách mạng…

1.3.5. Các nguồn lực để tổ chức HĐGDNGCK

1.3.5.1. Cơ sở vật chất, tài chính

Vấn đề đặt ra là các nhà trường cần phải sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có phục vụ cho HĐGDNGCK và trên cơ sở thiết bị đã có nhà trường cần tăng cường mua sắm thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động này.

Trong thực tế việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tư liệu đòi hỏi kinh phí rất lớn. Chính vì vậy nhà trường cần phải vận dụng sự đóng góp từ nhiều phía: Nhà nước, cơ quan kết nghĩa, các doanh nghiệp tài trợ…

Ngoài ra để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho HĐGDNGCK, Hiệu trưởng cần phải xây dựng và tổ chức thực hiện một kế hoạch dài hạn về tăng cường cơ sở vật chất, trong đó xác định rõ: Các nguồn kinh phí hỗ trợ, các nguồn trang thiết bị hỗ trợ, các lực lượng nhân công đóng góp cho việc sửa sang cơ sở nhà trường. Phải cụ thể hoá kế hoạch dài hạn thành kế hoạch sửa chữa mua sắm mỗi năm, để sau khi hoàn thành kế hoạch thì nhà trường đã có cơ sở vật chất tương đối phục vụ cho HĐGDNGCK.

Muốn tổ chức tốt HĐGDNGCK thì cần phải có kinh phí. Vì vậy phải dành một phần thích hợp kinh phí trong ngân sách nói chung của nhà trường để phục vụ cho hoạt động này.

1.3.5.2. Các lực lượng hỗ trợ, liên kết

Khác với hoạt động dạy trên lớp, HĐGDNGCK đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức, trong một số lĩnh vực hoạt động (như văn nghệ, các bộ môn thể thao…). Vì vậy, để đảm bảo tính đa dạng, phong phú của nội dung và hình thức hoạt động, nhà trường phải phối hợp với lực lượng xã hội, đặc biệt là các tổ chức, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Đồng thời thông qua sự phối hợp đó, các lực lượng xã hội hỗ trợ nhà trường về phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính để tổ chức tốt HĐGDNGCK.

1.3.5.3. Lực lượng tổ chức và tham gia

Để tổ chức tốt các HĐGDNGCK cho sinh viên phải đề cập đến lực lượng đứng ra tổ chức và đối tượng tham gia các hoạt động này. Ở trường đại học lực lượng đứng ra tổ chức các HĐGDNGCK chủ yếu là Phòng Công tác Chính trị; Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên. Đây là những Phòng ban chức năng và các Tổ chức đoàn thể được nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức các HĐGD cho sinh viên. Tuy nhiên đối tượng tham gia cũng là một yếu tố không thể thiếu được. Nếu một hoạt động được tổ chức mà không có người tham gia thì chắc chắn hoạt động đó sẽ không thành công.

1.4. Quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học

1.4.1. Một số khái niệm cơ bản

1.4.1.1. Quản lý

Khái niệm

Trong quá trình phát triển của lý luận quản lý, có nhiều cách định nghĩa khác nhau về khái niệm quản lý do các nhà nghiên cứu lý luận cũng như thực hành quản lý đưa ra.

Theo từ điển Tiếng Việt do Trung tâm từ điển học biên soạn 1998, khái niệm quản lý được định nghĩa là:

Trông coi và giữ gìn theo những nhu cầu nhất định.

Tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định.

Frederick Winslow Taylor (1856 - 1915) - Người sáng lập thuyết quản lý theo khoa học đã định nghĩa: "*Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất và rẻ nhất*"[5, tr. 89]. Đó cũng là tư tưởng cơ bản của ông về quản lý.

Henry Fayol (1845 - 1925), cha đẻ của thuyết quản lý hành chính cho rằng: "*Quản lý hành chính là dự đoán và lập kế hoạch, tổ chức điều khiển, phối hợp và kiểm tra*"[5, tr. 103]. Trong định nghĩa này ông đã nêu ra 5 chức năng cơ bản của nhà quản lý.

Harold Koontz, người được coi là cha đẻ của lý luận quản lý hiện đại, đã viết: "*Quản lý là một hoạt động thiết yếu;nó đảm bảo phối hợp những nỗ lực cá nhân nhằm đạt được các mục đích của nhóm. Mục tiêu của mọi chủ thể đạt được các mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất*" [10, tr. 29].

Theo các thuyết quản lý hiện đại thì: "*Quản lý là quá trình làm việc và thông qua những người khác để thực hiện các mục tiêu của tổ chức trong một môi trường luôn biến động*" [24, tr. 8].

Tác giả Nguyễn Bá Sơn - 2000 định nghĩa: "*Quản lý là sự tác động có hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý bằng một hệ thống các giải pháp nhằm thay đổi trạng thái của đối tượng quản lý, đưa hệ thống tiếp cận mục tiêu cuối cùng, phục vụ lợi ích của con người*".

Tác giả Nguyễn Minh Đạo - 1997 định nghĩa: "*Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích đã đề ra".*

Tuy có nhiều cách định nghĩa khác nhau, song có thể hiểu một cách khái quát: "*Quản lý là một quá trình tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý trong một tổ chức, nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích đã đề ra*".

Chức năng quản lý

Khi phân loại về chức năng quản lý, các nhà nghiên cứu lý luận về quản lý cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả đều đề cập tới bốn chức năng chủ yếu đó là: Kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và trong đó thông tin vừa là phương tiện, vừa là điều kiện để thực hiện chức năng quản lý.

Chức năng kế hoạch hóa: Đây là công việc đầu tiên mà mỗi người quản lý phải làm khi tiến hành công việc quản lý của mình. Thực hiện chức năng này có nghĩa là người quản lý phải xác định mục tiêu, mục đích đối với thành quả đạt được ở tương lai của tổ chức và các con đường cũng như cách thức để đạt được mục tiêu, mục đích đó.

Chức năng tổ chức: Tổ chức là quá trình sắp xếp, phân bổ công việc quyền hành và các nguồn lực cho các thành viên của tổ chức để họ có thể giúp cho tổ chức đạt được các mục tiêu một cách hiệu quả. Nhờ tổ chức hiệu quả mà người quản lý có thể phối hợp, điều phối tốt hơn nguồn nhân lực và các nguồn vật lực. Sự thành công của một tổ chức phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người quản lý sử dụng các nguồn lực này sao cho có hiệu quả.

Chức năng chỉ đạo: Lãnh đạo là một chức năng quản lý. Thực hiện chức năng này đòi hỏi người quản lý phải dùng ảnh hưởng của mình tác động đến mỗi thành viên trong tổ chức làm cho họ tự giác, nhiệt tình và nỗ lực phấn đấu để giúp tổ chức đạt được mục tiêu. Ngoài ra người quản lý còn phải biết vận dụng một cách linh hoạt chức năng lãnh đạo để chuyển được ý tưởng của mình vào nhận thức của các thành viên trong tổ chức, hướng họ về với mục tiêu chung của tổ chức.

Chức năng kiểm tra: Kiểm tra là một chức năng quản lý, thông qua đó một cá nhân, một nhóm hoặc một tổ chức theo dõi giám sát các thành quả hoạt động và tiến hành những điều chỉnh, uốn nắn nếu cần thiết để tiếp tục chu trình quản lý ngày càng hiệu quả hơn.

Để người quản lý có thể thực hiện được bốn chức năng trên thì yếu tố thông tin là rất quan trọng. Thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời là căn cứ để hoạch định kế hoạch. Thông tin có thể được xem như là chất liệu tạo nên mối quan hệ giữa các bộ phận trong tổ chức, thông tin truyền tải mệnh lệnh chỉ đạo của người quản lý và phản hồi diễn biến hoạt động của các cá nhân, các bộ phận trong tổ chức giúp cho người quản lý xem xét mức độ đạt mục tiêu của họ từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp.

1.4.1.2. Quản lý giáo dục

QLGD là hoạt động có ý thức của con người nhằm theo đuổi những mục đích của mình. Giống như khái niệm "quản lý" đã trình bày ở trên, khái niệm "quản lý giáo dục" cũng có nhiều quan điểm khác nhau.

Theo M.I. Kônđacốp: QLGD là tập hợp những biện pháp kế hoạch hóa, nhằm đảm bảo vận hành bình thường của cơ quan trong hệ thống giáo dục để tiếp tục phát triển, mở rộng hệ thống cả về số lượng cũng như chất lượng.

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: "Quản lý giáo dục theo nghĩa tổng quát là hoạt động điều hành phối hợp của các lực lượng xã hội nhằm thúc đẩy công tác đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh."

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang cho rằng: "QLGD là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý, nhằm cho hệ vận hành theo đường lối, nguyên lý của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa giáo dục đến mục tiêu, tiến lên trạng thái mới về chất".

Tác giả Phạm Viết Vượng cho rằng: Mục đích cuối cùng của quản lý giáo dục là tổ chức quá trình giáo dục có hiệu quả để đào tạo lớp thanh niên thông minh sáng tạo, năng động, tự chủ, biết sống và phấn đấu vì hạnh phúc của bản thân và xã hội.

Theo tác giả Trần Kiểm, đối với cấp vĩ mô "QLGD là sự tác động liên tục, có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên hệ thống giáo dục nhằm tạo ra tính trội của hệ thống, sử dụng một cách tối ưu các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống nhằm đưa hệ thống đến mục tiêu một cách tốt nhất trong điều kiện bảo đảm sự cân bằng với môi trường bên ngoài luôn biến động". [14, tr.37]

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII cũng đã viết: "QLGD là sự tác động của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt tới kết quả mong muốn bằng cách hiệu quả nhất". [28]

Qua các khái niệm ở trên ta có thể hiểu quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các mắt xích của toàn bộ hệ thống giáo dục nhằm đảm bảo mục đích đảm bảo việc hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ, phát triển thể lực và tâm lý trẻ em trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội.

1.4.1.3. Quản lý nhà trường

Nhà trường là một tổ chức giáo dục, là một tế bào căn bản, chủ yếu, là đơn vị cấu trúc của hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường là nơi tổ chức thực

hiện và quản lý quá trình đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục theo yêu cầu của xã hội gồm hai chủ thể chính là người dạy và người học.

Nhà trường tổ chức cho việc thực hiện chức năng xã hội của giáo dục đồng thời huy động một cách tối ưu vào sự kiến tạo xã hội theo quan niệm xã hội.

Trường học là tổ chức giáo dục cơ sở của nhà nước - xã hội, trực tiếp làm công tác giáo dục thế hệ trẻ, trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Trường học là tế bào cơ sở của bất cứ hệ thống giáo dục nào từ Trung ương đến địa phương. Vì vậy, trường học nói chung vừa là khách thể cơ bản của tất cả các cấp quản lý, lại vừa là một hệ thống độc lập tự quản của xã hội. Với đặc điểm đó, việc quản lý trường học vừa mang tính chất Nhà nước, vừa có tính chất xã hội. Nhà nước và xã hội cùng phối hợp chăm lo xây dựng và quản lý nhà trường, ưu tiên đặc biệt cho giáo dục; Đảng cộng sản Việt Nam đã có đường lối đúng đắn trong công tác xã hội hóa giáo dục. Quản lý nhà nước các cấp phải nằm mục đích tạo mọi điều kiện tối ưu cho sự phát triển của trường học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo học sinh.

Bản chất của việc quản lý nhà trường là quản lý hoạt động dạy, quản lý hoạt động học và các hoạt động giáo dục, trong đó có HĐGDNGCK. Các hoạt động trong nhà trường bản thân nó đã có tính giáo dục song cần có sự quản lý, tổ chức chặt chẽ mới phát huy được hiệu quả của bộ máy.

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: "Quản lý nhà trường ở Việt Nam là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm, đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo với thế hệ trẻ và với từng học sinh".

Theo tác giả Trần Kiểm: Quản lý trường học là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục, để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh.

Trong tài liệu giảng dạy về Quản lý nhà trường, tác giả Bùi Minh Hiển đã viết: "*Quản lý nhà trường là quá trình tác động có mục đích, có định hướng, có tính khoa học của chủ thể quản lý nhà trường (trọng tâm là người hiệu trưởng) đến các đối tượng quản lý: Con người (giáo viên, nhân viên, học sinh ...) và các bên liên quan nhằm thực hiện những mục tiêu giáo dục đã xác định phù hợp với yêu cầu xã hội*".

Như vậy, Quản lý trường học là quản lý quá trình dạy học - giáo dục. Dạy học và giáo dục trong sự thống nhất là hoạt động trung tâm của nhà trường. Mọi hoạt động đa dạng và phức tạp khác của nhà trường đều hướng vào tiêu điểm này.

Quản lý nhà trường thực chất là quá trình quản lý quá trình lao động sư phạm của thầy, hoạt động học tập - tự giáo dục của trò, diễn ra chủ yếu trong quá trình dạy học. Nói ngắn gọn hơn, về thực chất Quản lý trường học là quản lý quá trình dạy học.

Quản lý trường học là hoạt động của các cơ quan quản lý nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục khác, cũng như huy động tối đa các nguồn lực giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

Mục đích của Quản lý nhà trường là đưa nhà trường từ trạng thái đang có, tiến lên một trạng thái phát triển mới bằng phương thức xây dựng và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực đó vào phục vụ cho tăng cường chất lượng giáo dục.

QLGD trên cơ sở Quản lý nhà trường là một phương hướng cải tiến quản lý giáo dục theo nguyên tắc tăng cường phân cấp quản lý nhà trường nhằm phát huy tối đa năng lực, trách nhiệm và quyền hạn của các chủ thể quản lý trực tiếp thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo mà xã hội đang yêu cầu.

1.4.1.4. Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

Đây là hoạt động của nhà quản lý tác động đến tập thể giảng viên viên và học sinh, sinh viên ngoài giờ chính khóa nhằm tổ chức, điều hành để đưa hoạt

động này thành nề nếp, phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu đào tạo nhân cách người học viên trong nhà trường. Hoạt động này được tiến hành xen kẻ hoặc nối tiếp chương trình dạy học trong phạm vi nhà trường hoặc trong đời sống xã hội do nhà trường quản lý. Nó diễn ra suốt năm học, khóa học. Nhà quản lý vừa phải kiểm soát được mục tiêu, vừa có các biện pháp quản lý kế học tổ chức các hoạt động, vừa nắm chắc các điều kiện cần thiết trong quá trình tổ chức, lại vừa hướng dẫn cán bộ giáo viên thực hiện sao cho hiệu quả hoạt động này.

1.4.2. Nội dung QLHĐGDNGCK ở trường đại học

1.4.2.1. Quản lý việc lập kế hoạch tổ chức HĐGDNGCK

Ở trường Đại học Đảng ủy, BGH các trường đại học chỉ đạo các đơn vị chức năng, tổ chức đoàn thể trong trường, đặc biệt là Đoàn TNCSHCM, Hội SV, Phòng công tác học sinh sinh viên xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK trên cơ sở chương trình, kế hoạch ĐT, quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của từng trường.

Việc xây dựng kế hoạch tuân thủ quy trình khoa học, thu hút sự tham gia của toàn thể cán bộ, GV của từng đơn vị; tìm hiểu nhu cầu, tâm lý của SV.

Muốn xây dựng được kế hoạch cho hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trước hết cần phải nắm chắc tình hình giảng dạy của nhà trường, các chủ trương công tác trọng tâm và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Điều tra cơ bản khả năng của giảng viên và các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường có thể hỗ trợ hoạt động. Phải dựa trên điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và cơ sở vật chất của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ chính khóa. Phải căn cứ vào hướng dẫn của Bộ, về các nội dung giáo dục cho sinh viên cũng như những chương trình hành động của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Giáo dục Đào tạo để đề ra kế hoạch cho sát.

Kế hoạch HĐGDNGCK của SV là những phương án hành động được vạch ra một cách hệ thống những công việc dự định sẽ được tiến hành trong

khoảng thời gian nhất định, theo một trình tự, thời hạn nhất định, nhằm thực hiện mục tiêu GD của nhà trường. Xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK là một khâu quan trọng trong công tác QL SV và QLHĐGDNGCK của SV. QL việc xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK của SV được thể hiện thông qua các nội dung cụ thể:

Việc xây dựng kế hoạch tuân thủ quy trình khoa học, thu hút sự tham gia của toàn thể cán bộ, GV của từng đơn vị; tìm hiểu nhu cầu, tâm lý của SV.

Xác định mục tiêu HĐ: phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu GD của nhà trường.

Thiết kế nội dung HĐ: phải cụ thể, dễ hiểu, đảm bảo tính khoa học, tính khả thi, tính hướng đích, phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhà trường.

Xây dựng phương án, biện pháp tổ chức thực hiện: sắp xếp các công việc một cách chính xác; phân phối thời gian, nhân lực, vật lực và mức độ hoàn thành chúng, đảm bảo vừa tiết kiệm, vừa đạt hiệu quả cao.

1.4.2.2. Quản lý tổ chức bộ máy QLHĐGDNGCK và triển khai thực hiện

Để tổ chức thực hiện HĐGDNGCK của SV, nhà trường phải: Sắp xếp và phân bổ công việc, quyền hạn cho các thành viên trong bộ máy QL của nhà trường một cách hợp lý; đảm bảo để các tổ chức, cá nhân phát huy tính tự chủ, trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Xây dựng, phát triển đội ngũ CBQL và nguồn nhân lực làm công tác QLSV, QLHĐGDNGCK có phẩm chất đạo đức, tâm huyết, có năng lực chuyên môn đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng những hạt nhân từ sinh viên có long nhiệt tình để tham gia đóng góp hỗ trợ nhà trường trong QLHĐGDNGCK.

Xây dựng thiết chế tổ chức phù hợp trong công tác QLHĐGDNGCK;

Xác lập các mối quan hệ giữa các bộ phận, các thành viên trong trường ĐH, đồng thời cũng phải xác lập, duy trì các mối quan hệ bên ngoài tổ chức: với cấp trên, với địa phương, với các cơ quan, tổ chức,… trong QLHĐGDNGCK của SV.

Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm quy định rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động trong QLHĐGDNGCK của nhà trường. Tức là có những quy định cụ thể về mối liên hệ giữa các đơn vị, bộ phận trong trường ĐH và quan hệ giữa trường đại học với các cơ quan, tổ chức bên ngoài về QLHĐGDNGCK; quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận chức năng, tổ chức đoàn thể trong QLHĐGDNGCK; quy trình QLHĐGDNGCK; chính sách cho CBQL, CB-GV, SV tham gia QLHĐGDNGCK.

Phân bố, sử dụng cơ sở vật chất, tài chính đủ để thực hiện các HĐGDNGCK. Lãnh đạo trường chỉ đạo, đôn đốc việc đảm bảo nguồn tài chính, cơ sở vật chất để SV có thể tự quản tốt trong HĐ tự học, HĐ văn hóa - thể thao, HĐ chính trị - xã hội, HĐ lao động.

a. Quản lý đội ngũ CBQL HĐGDNGCK cho sinh viên

QL đội ngũ CBQL SV và QLHĐGDNGCK trong trường đại học là HĐ của Đảng ủy và BGH nhà trường nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của nhà trường, đồng thời cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của họ ngày một tốt hơn.

Đội ngũ CBQL là lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ QL SV nói chung và QL các HĐGDNGCK của SV nói riêng. Để tăng cường hiệu quả của công tác QLHĐGDNGCK Đảng ủy , BGH nhà trường phải định hướng các tổ chức Đoàn thể, các phòng ban chức năng giới thiệu được những nhân sự đứng đầu vừa có tâm vừa có khả năng và lòng nhiệt tình đối với tuổi trẻ.

Đảng ủy phải quy hoạch đội ngũ làm công tác Thanh niên đặc biệt là Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch hội sinh viên, và các Phòng Ban khác, xây dựng một cơ chế hoạt động có hiệu quả giữa các tổ chức để việc quản lý HĐGDNGCK không bị chồng chéo các nội dung.

Ngoài ra Nhà trường phải tạo điều kiện về cơ chế cho các đơn vị tổ chức, QLHĐNGCK cho sinh viên được thực hiện những ý tưởng sáng tạo cho HĐGDNGCK ngày càng phong phú và có những chính sách ưu tiên cho đội ngủ làm công tác này.

b. Quản lý các điều kiện bảo đảm cho HĐGDNGCK

QL các điều kiện bảo đảm cho HĐGDNGCK là QL và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - phương tiện kỹ thuật, tài chính phục vụ cho các hoạt động như: ăn, ở, sinh hoạt tập thể, vui chơi giải trí (nhất là tại KTX); điều kiện phục vụ hoạt động tự học, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; kinh phí cho hoạt động của nhà trường và các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội SV) phục vụ cho HĐGDNGCK của SV, kinh phí giành cho việc thông tin về các HĐGDNGCK trong và ngoài nhà trường.

Đoàn TNCSHCM, Hội SV và các tổ chức tự quản của SV chủ động dự kiến các nhu cầu về cơ sở vật chất, tài chính và phương án sử dụng trong kế hoạch HĐGDNGCK trong từng khoảng thời gian cụ thể.

Xây dựng ý thức cho SV tận dụng, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất - phương tiện kỹ thuật, tài chính được nhà trường trang bị, cung cấp, hỗ trợ và huy động được từ các tổ chức, cá nhân ngoài trường.

Hướng dẫn SV, khuyến khích SV chủ động lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động lao động, sản xuất, dịch vụ để tự tạo ra kinh phí cho các HĐGDNGCK.

1.4.2.3 Quản lý công tác chỉ đạo HĐGDNGCK

a. Quản lý việc phối hợp các lực lượng tham gia tổ chức HĐGDNGCK

Thành lập ban tổ chức chỉ đạo HĐGDNGCK

Ban chỉ đạo HĐGDNGCK ở trường đại học sau khi đã đề ra kế hoạch HĐGDNGCK, để hoạt động này đạt kết quả nhất thiết phải có một tổ chức chịu trách nhiệm chính về hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ở nhà trường.

Ban chỉ đạo dưới sự chủ trì của Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng với sự tham gia của các thành viên: Đại diện Công đoàn; Đoàn TNCSHCM; Hội sinh viên, Các phòng ban chức năng liên quan…

+ Nhiệm vụ của ban chỉ đạo

Ban chỉ đạo HĐGDNGCK có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và chỉ đạo thực hiện chương trình kế hoạch đó.

Tổ chức những hoạt động lớn quy mô trường và thực hiện sự phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn và các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường trong các hoạt động.

Tổ chức hướng dẫn Giáo viên chủ nhiệm lớp, Đoàn thanh niên tiến hành hoạt động ở đơn vị mình có hiệu quả.

* Phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường

+ Trong trường:

- Tập thể giảng viên, CB CNV nhà trường.

- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên có nhiệm vụ tổ chức mọi hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của chi bộ Đảng và Ban Giám hiệu.

* Chỉ đạo hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

- Tổ chức lực lượng theo dõi, giám sát các hoạt động xen kẽ trong chương trình học tập trên lớp.

- Việc chỉ đạo hoạt động này thường được tiến hành thông qua các phong trào thi đua kế tiếp nhau, khép kín các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trong suốt năm học. Tuy vậy, có tập trung cao điểm vào những ngày lễ kỷ niệm. Vì thế, việc chỉ đạo hoạt động này thường được thực hiện theo hướng xây dựng chuẩn mực đánh giá chung cho cả đợt thi đua và theo dõi đánh giá tính điểm trong từng giai đoạn và cả đợt.

- Tuỳ theo từng hoạt động mà có sự phân công phân nhiệm và có ban chỉ đạo thích hợp.

Lãnh đạo trường chỉ đạo các nhà QLGD, GV thực hiện những hoạt động: giao nhiệm vụ và hướng dẫn các bộ phận có liên quan đến QLHĐGDNGCK của SV.

Các nhà QLGD, GV cần chỉ đạo các mặt HĐGDNGCK như sau:

- *Nội dung và hình thức HĐGDNGCK*

* Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng

CBQL, GV tác động đến HĐ chính trị - xã hội nhằm hướng cho nội dung HĐ chính trị - xã hội phù hợp với mục tiêu GD của nhà trường. HĐ

chính trị - xã hội được coi là một trong những chức năng quan trọng của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV trong nhà trường, bao gồm:

+ Các nội dung sinh hoạt chính trị của SV: đó là các hoạt động tuyên truyền, GD chính trị tư tưởng, các sinh hoạt của các tổ chức Đảng, Đoàn, Hội SV,... Nội dung sinh hoạt chính trị luôn phải phù hợp với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế của Bộ GD&ĐT, đáp ứng mục tiêu GD của nhà trường. Đề cao cảnh giác trước âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề về tôn giáo, dân tộc nhằm lôi kéo SV tham gia vào các hoạt động chống phá cách mạng.

Chỉ đạo hoạt động này phải được tổ chức thường xuyên cho sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú và chất lượng: *Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá*, triển khai các cuộc vận động như: *Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác, mãi mãi tuổi hai mươi*… các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác Lê - nin, thi hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc, các hoạt động nhân đạo đền ơn đáp nghĩa…

***** Hoạt động tự học, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ

Khi chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, việc quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học của SV cũng có sự thay đổi căn bản. Ngoài việc truyền đạt kiến thức, giảng viên phải hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho SV tự tìm kiếm kiến thức ở ngoài lớp học được thể hiện trong đề cương môn học mà mỗi giảng viên bắt buộc phải có và phát cho SV trước hoặc ngay trong buổi lên lớp đầu tiên. Đề cương môn học phải cung cấp thông tin chủ yếu về nội dung và tổ chức dạy - học của môn học; Cung cấp danh mục các tài liệu tham khảo, hướng dẫn sinh viên về mục tiêu và phương pháp đọc tài liệu tham khảo, tổ chức thảo luận, thực hành và các hoạt động chuyên môn khác.

- Hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu ở nhà và phải có hình thức kiểm tra, kiểm soát và đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (qua nội dung phát biểu thảo luận trên lớp, thời gian và chất lượng hoàn thành bài tập ở nhà do giảng viên giao).

CBQLGD, GV cần tác động đến HĐ tự học nhằm hướng cho nội dung tự học các môn chuyên môn và các môn ngoại khóa, nghiên cứu khoa học,… phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo và mục tiêu, yêu cầu của chương trình học tập đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả. GV là người có trách nhiệm hướng dẫn nội dung tự học cho SV. Nội dung tự học gồm 2 phần:

+ Hệ thống các nhiệm vụ mang tính chất bắt buộc đối với SV: CBQL, GV cần phải nắm được mức độ thực hiện yêu cầu trong việc nghiên cứu giáo trình, tài liệu của SV để điều chỉnh hợp lý. Ngoài ra, CBQL, GV cần tư vấn cho SV về nội dung, phương pháp tự học bám sát mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường và thực tế đời sống, XH.

Chỉ đạo công tác giáo dục Giáo dục tuyên truyền, vận động sinh viên thực hiện cuộc vận động nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện các cuộc thi tay nghề, nghiệp vụ sư phạm, sinh viên nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ. Tuyên truyền việc đổi mới phương pháp dạy và học ở Đại học...

* Hoạt động văn hoá nghệ thuật

+ Chỉ đạo thực hiện nội dung HĐ văn nghệ đảm bảo tính hấp dẫn, phù hợp với tâm lý lứa tuổi SV, có sự kết hợp hài hòa giữa tính hiện đạo với tính truyền thống. Nội dung các tiết mục văn nghệ cần được thẩm định, kiểm duyệt, đáp ứng mục tiêu GD của nhà trường. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần biết tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại một cách có chọn lọc, đồng thời phải loại trừ những văn hóa phẩm độc hai.

Chỉ đạo các hình thức tổ chức văn hóa nghệ thuật hiệu quả, hấp dẫn thường xuyên chỉ đạo các đoàn thể tổ chức những đêm văn nghệ có chủ đề các cuộc thi tiếng hát sinh viên. nữ sinh tài năng duyên dáng và tham gia các cuộc thi do các tổ chức xã hội của Trung ương và Địa phương tổ chức....

* Hoạt động thể dục - thể thao

+ Thực hiện nội dung HĐ thể thao, vui chơi giải trí dành cho SV. Nội dung HĐ phải lành mạnh, hấp dẫn, bổ ích, có tác dụng rèn luyện thể chất, rèn luyện tính kỷ luật, tinh thần đồng đội, tạo bầu không khí vui tươi, sôi nổi, giúp SV học tập tốt hơn.

Chỉ đạo các hình thức TDTT đa dạng sẽ giúp sinh viên học sinh có điều kiện rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe, hình thành nhiều phẩm chất tốt… Từ đó giúp cho việc học tập tốt hơn. Hoạt động TDTT diễn ra dưới nhiều hình thức như: Thi đấu các giải thể thao: Cầu lông, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền… tổ chức cho sinh viên tham gia các môn thể thao theo sở thích bằng việc tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường như câu lạc bộ bóng bàn, câu lạc bộ cầu lông…

* Hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện

+ Chỉ đạo các nội dung HĐ XH của SV: tham gia giải quyết các vấn đề XH. HĐ tình nguyện có thể diễn ra ở cả trong và ngoài phạm vi nhà trường như: Giúp bạn nghèo vượt khó, tiếp sức mùa thi, bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống ma túy, HIV/AIDS, tệ nạn xã hội; xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chứ, ủng hội đồng bào bị bão lụt, chăm sóc, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng,…

Để chỉ đạo thực hiện tốt các HĐ chính trị - xã hội của SV nhất thiết cần phát huy tốt vai trò của các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội SV. Các tổ chức Đoàn, Hội cần phải được quan tâm, bồi dưỡng đủ mạnh để xứng tầm với vai

trò "Thủ lĩnh" của thanh niên. Các CBQL, đội ngũ GV có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn, tạo các điều kiện hỗ trợ, cổ vũ, động viên để Đoàn Thanh niên, Hội SV có thể thu hút được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia vào các HĐ chính trị - xã hội có tổ chức.

Tổ chức cho sinh viên tham gia phổ cập giáo dục, chống mũ chữ và tái mù chữ, dạy bổ sung kiến thức cho học sinh. Tổ chức quyên góp hỗ trợ sinh viên học sinh nghèo, tham gia các chương trình ngăn dòng bỏ học, tiếp sức đến trường, tổ chức tốt chương trình "Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam". Tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo…

* Hoạt động tình nguyện

Chỉ đạo các Hoạt động tình nguyện có hiệu quả về nội dung và hình thức, quan tâm đến các hoạt động tình nguyện tại chỗ. Những hoạt động tình nguyện: Tiếp sức mùa thi, xoá mù tin học, văn nghệ xung kích - tình nguyện; Dạy bổ sung kiến thức cho trẻ em xã miền núi đặc biệt khó khăn, các hoạt động tình nguyện tại chỗ như vệ sinh trường lớp, an toàn giao thông giờ tan trường sẽ được tổ chức hàng năm với nhiều địa điểm khác nhau

* Hoạt động tham quan dã ngoại, về nguồn

Chỉ đạo cho các tổ chức Đoàn thể quan tâm đến hoạt động này nhằm mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết, làm cho sinh viên được liên hệ với cuộc sống xã hội rộng lớn nhiều hoạt động tham quan dã ngoại được tổ chức có hiệu quả như: Thăm di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh, tham gia các cuộc hành trình có tổ chức của sinh viên, tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế, tổ chức cho sinh viên hành hương về nguồn, về căn cứ địa cách mạng…

b.Quản lý cơ sở vật chất

Chỉ đạo sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có phục vụ cho HĐGDNGCK và trên cơ sở thiết bị đã có nhà trường cần tăng cường mua sắm thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động này.

Chỉ đạo làm tốt công tác Xã hội hóa trong việc tổ chức các hoạt động mang tính quy mô lớn đòi hỏi chi phí hoạt động lớn. Các tổ chức Đoàn thể phải đẩy mạnh hoạt động này với các doanh nghiệp để tài trợ cho các hoạt động lớn cho SV.

Dành kinh phí cho hoạt động này cụ thể nằm trong ngân sách nói chung của nhà trường để phục vụ cho hoạt động này.

c. Quản lý các lực lượng hỗ trợ, liên kết

Chỉ đạo các Tổ chức - Đoàn thể nhà trường phải phối hợp với lực lượng xã hội, đặc biệt là các tổ chức, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Đồng thời thông qua sự phối hợp đó, các lực lượng xã hội hỗ trợ nhà trường về phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính để tổ chức tốt HĐGDNGCK.

1.4.2.4. Quản lý việc kiểm tra và đánh giá kết quả HĐGDNGCK

Việc kiểm tra đánh giá phải dựa trên chương trình kế hoạch đã được quy định. Phải có tiêu chí chuẩn mực cụ thể cho từng hoạt động, có thể định tính, định lượng được hoặc được sự thừa nhận của tập thể của xã hội trong những điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

Kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV thực chất là theo dõi, xem xét việc thực hiện kế hoạch HĐ để đưa ra nhận xét, đánh giá kết quả HĐ trên cơ sở so sánh với các mục tiêu đề ra. Nội dung kiểm tra đánh giá HĐGDNGCK của SV gồm:

- Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK
- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch HĐGDNGCK
- Kiểm tra các điều kiện về nhân lực, vật lực, tài chính, cơ chế chính sách,.. để đảm bảo cho việc thực hiện các nội dung HĐGDNGCK.
- Kiểm tra, đánh giá kết quả HĐGDNGCK của SV

Kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

Đảm bảo tính khách quan, kết quả kiểm tra phụ thuộc vào cách kiểm tra, người kiểm tra càng ít thì đánh giá càng tốt.

Đảm bảo chính xác, vì đánh giá HĐGDNGCK của SV chính là đánh giá con người, đánh giá một phần của quá trình GD, ĐT.

Đảm bảo công bằng, bình đẳng, công khai, thể hiện tính dân chủ trong GD-ĐT

Kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK cần đảm bảo có sự tham gia đánh giá của đại diện tập thể SV; Đại diện Đoàn TNCSHCM, Hội SV. Tiêu chí tích cực, chủ động, phát huy năng lực tự quản của SV và tập thể SV phải đượ

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐGDNGCK

1.5.1. Nhận thức của Giảng viên đối với HĐGDNGCK

Cán bộ quản lý, giảng viên của nhà trường chưa hình dung cụ thể HĐGDNGCK là làm gì và do ai phụ trách và quản lý như thế nào? Đây là môt vấn đề khó khăn rất lớn trong việc chỉ đạo, tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK cho sinh viên nhà trường. Đa số cho rằng HĐGDNGCK là hoạt động của Đoàn và Hội sinh viên nhà trường. Chính điều này cho nên một số giáo viên trong đó có giáo viên chủ nhiệm rất bàng quang trong các hoạt động của sinh viên.

1.5.2. Sự phối kết hợp giữa các tổ chức trong nhà trường và các lực lượng hỗ trợ

Ở trường đại học do mỗi tổ chức đoàn thể đều có chức năng và nhiệm vụ riêng, việc thực hiện kế hoạch cũng như tổ chức hoạt động cũng như quản lý có đôi lúc chồng chéo giữa các đoàn thể chính vì thế sự phối kết hợp giữa các tổ chức trong nhà trường có ảnh hưởng rất lớn đến chất luwowngjk hoạt động và quản lý hoạt động NGCK cho sinh viên.

1.5.3. Tác động của vị trí địa lý nhà trường ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng quản lý nhà trường trong đó có chất lượng hoạt động GDNGCK

Trong điều kiện của từng trường các tổ chức, khoa phòng còn ở nhiều vị trí khác nhau nên việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên gặp rất nhiều khó

khăn, việc tập hợp toàn bộ sinh viên để tổ chức các hoạt động lớn rất khó khăn.

Qua tìm hiểu phân tích sự tác động của các yếu tố trên chúng ta thấy giữa các yếu tố có sự khác biệt trong đánh giá tác động của nó tới công tác quản lý hoạt động GDNGCK ở các khoa, phòng. Chúng ta nhận thấy xu hướng tác động của các yếu tố là: Các yếu tố có tác động thuận lợi thì ở khu vực thuận lợi càng thuận lợi hơn, các tác động khó khăn thì ở khu vực khó khăn các yếu tố này càng gây khó khăn hơn cho công tác quản lý hoạt động GDNGCK.

1.5.4. Kinh phí hoạt động cho việc tổ chức HĐGDNGCK chưa đáp ứng với những nội dung tổ chức

Kinh phí cho việc tổ chức hoạt động NGCK cho sinh viên là một vấn đề ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và số lượng nội dung và hình thức các hoạt động tổ chức cho sinh viên. Ngân sách cho Hoạt động này không cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu trong việc xây dựng ý tưởng tưởng hoạt động do đó một số tổ chức Đoàn thể đã gắn với xã hội và các doanh nghiệp để có thể đáp ứng được một phần nhu cầu cho sinh viên.

1.6. Nghiên cứu kinh nghiệm QLHĐGDNGCK ở các nước trên thế giới

1.6.1. Hệ thống quản lý sinh viên

Hệ thống quản lý sinh viên lập kế hoạch, phát triển và thực hiện các quy trình cho các hệ thống quản lý SV của các bộ phận thuộc trường đại học và các trường đại học trong hệ thống trường đại học Tổng hợp Waikato; phát triển và điều phối các quá trình tham vấn và ra quyết định liên quan đến việc xác định và ưu tiên tăng cường hoạt động, bảo trì thường xuyên, bổ sung SAS - e Jade SMS; Quản lý các quy trình và hệ thống cần thiết cho việc lập thời khóa biểu của trường đại học và cung cấp một dịch vụ máy tính hỗ trợ toàn diện cho các bộ phận, bao gồm cả chuẩn đoán, giải quyết vấn đề và phát triển web.

Người quản lý nhóm chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả và hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý sinh viên.

Bên cạnh hệ thống quản lý sinh viên, trường đại học Tổng hợp Waikato còn có *bộ phận hỗ trợ sinh viên.*

Nhóm hỗ trợ sinh viên chủ yếu bao gồm các dịch vụ hỗ trợ các SV nông thôn, SV ở các địa phương, bao gồm các giáo sĩ, tư vấn, sức khỏe SV, dịch vụ hỗ trợ Tauranga và nhà ở, cũng như văn phòng nghề nghiệp và cuộc sống SV.

Quản lý nhóm chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả và hiệu quả của Nhóm Hỗ trợ sinh viên.

Tại ĐH Tổng hợp Sydney - Úc (The university of Sidney), công tác quản lý *SV do Trung tâm QL SV* thực hiện

Các cổng thông tin SV của MyUni - ĐH Tổng hợp Sydney cung cấp thông tin và tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến cho SV hiện đang theo học. SV đăng nhập vào MyUni để thay đổi địa chỉ, thay đổi ghi danh, in thời khóa biểu lớp học, xem thông tin về phí hoặc tìm ghế thi và kết quả thi của các SV. Mỗi SV cũng có thể liên kết với tài khoản email của mình và các trang web dạy học trực tuyến (eLearning và Blackboard).

Để tìm hiểu về dịch vụ CNTT của trường đại học bao gồm cả email của học sinh, máy tính (Truy cập) phòng thí nghiệm, sử dụng Internet và in ấn, hoặc để hỏi về tên người dùng và mật khẩu (Unikey), SV sẽ truy cập vào Switch.

1.6.2. Trung tâm hỗ trợ sinh viên (Trung tâm sinh viên)

Trung tâm hỗ trợ sinh viên hỗ trợ các vấn đề liên quan đến nhập học, đăng ký (ghi danh), HECS và lệ phí trong nước, thời khóa biểu, thi cử, kết quả và tốt nghiệp. Trung tâm Sinh viên cũng phát hành các tài liệu bao gồm học bạ, thư từ và bằng chứng ghi danh.

Ban công tác sinh viên

Ban công tác sinh viên chịu trách nhiệm về những công tác SV khác bao gồm các sinh viên tại chương trình nguy hiểm, kỷ luật SV và kháng cáo đối với quyết định học tập. Ban công tác sinh viên có trang web riêng cung cấp những thông tin về những vấn đề thuộc chức năng của Ban.

1.6.3. Mô hình Dịch vụ học tập và sinh viên (Student and Learning Services)

Ở các trường đại học tại một số quốc gia trên thế giới, có một bộ phận trực thuộc trường đại học có chức năng quản lý hoạt động tự quản ngoài giờ lên lớp của sinh viên; hỗ trợ sinh viên trong đời sống, sinh hoạt và học tập. Ở trường đại học Tổng hợp Sheffield Hallam - Úc - Sheffield Hallam University. Bộ phận này gọi là: Student and Learning Services - Dịch vụ học tập và sinh viên. Đây là một bộ phận làm việc dưới một cơ cấu tổ chức duy nhất để hiểu, tổ chức, cung cấp và hỗ trợ sinh viên hoạt động hiệu quả hơn trong đời sống, sinh hoạt và học tập. Tổ chức này có tám bộ phận: Phát triển học thuật quốc tế, xử lý thông tin sinh viên, các dịch vụ trước khi ghi danh, nâng cao chất lượng và các tiêu chuẩn học tập, Viện giảng dạy và học tập, hệ thống thông tin và công nghệ, học tập và các dịch vụ học tập, các dịch vụ hỗ trợ sinh viên, các dịch vụ kinh doanh.

- Hỗ trợ sinh viên

+ Thông tin về các chính sách đánh giá của trường đại học, cung cấp thông tin làm thế nào để áp dụng cho việc đánh giá bổ sung, đề nghị chấm điểm lại, đề nghị xem xét lại kết luận điểm số cuối cùng; cải thiện, xem xét sự tiến bộ của SV.

- Hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm bình thường hoặc bán thời gian. Trung tâm cung cấp cơ sở dữ liệu của các cơ hội việc làm để sinh viên có thể tìm việc làm trong khi đang học tập.

- Dịch vụ cung cấp thông tin cho SV về tiền nhập học, đăng ký, dịch vụ tài chính sinh viên và các kỳ thi:

Tư vấn về tài chính, thương lượng nợ, các khoản vay khẩn cấp, hỗ trợ ngân sách, ưu đãi, tư vấn sinh sống với thu nhập thấp.

+ Cung cấp thông tin về các khóa học, yêu cầu khi nhập học, thay đổi các khóa học.

+ Thông tin về đóng góp của SV và lệ phí hàng tháng, tiền bảo hiểm, giúp đỡ thông tin, hoặc xóa nợ trong trường hợp đặc biệt.

- Dịch vụ hỗ trợ về thể dục thể thao, giải trí và các hiệp hội sinh viên.

Thông tin về tập luyện giữ gìn sức khỏe, các lớp thể dục; Các câu lạc bộ (thể thao và không thể thao); Các chương trình xã hội, thể thao và các chương trình giải trí.

Tất cả dịch vụ đều là miễn phí và bảo mật.

Các bộ phận của dịch vụ hỗ trợ sinh viên đều có phòng làm việc, trang web, có số điện thoại riêng.

**Trung tâm Hỗ trợ học tập*

Tại trường đại học Tổng hợp Birmingham - Anh (University of Birmingham) công tác QLSV thuộc *Ủy ban nâng cao và Đảm bảo chất lượng* (Quality Assurance & Anhancement Committee - QAEC), người chịu trách nhiệm về công tác QLSV là *Trưởng phòng Phát triển và Hỗ trợ sinh viên* - thành viên của Ủy ban;

- Quản lý các dịch vụ tư vấn cung cấp bởi đội ngũ giảng viên của trường hoạt động như "những người tư vấn học tập"

- Giám sát việc thực hiện chính sách và quy định liên quan đến hỗ trợ SV trong trường đại học; hướng dẫn và theo dõi tiến triển (bao gồm cả cơ hội bình đẳng).

- Bảo đảm hệ thống thông tin của trường (bằng văn bản hoặc trên máy tính) hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên và theo dõi tiến triển.

- Hoạt động chuyên trách theo dõi tất cả các SV là "trường hợp đặc biệt" trong hệ thống (ví dụ như những người khuyết tật), để đảm bảo rằng các yêu cầu hoặc trường hợp của họ được ghi lại và nhu cầu của họ được hỗ trợ.

- Tư vấn cho sinh viên quốc tế đang gặp khó khăn khi thực hiện các chương trình cho họ.

- Mang đến sự chú ý của các Đội Phúc lợi tình tiết giảm nhẹ ảnh hưởng đến hoạt động của sinh viên quốc tế và giúp đỡ các nhóm phúc lợi trong việc giúp sinh viên quốc tế đối phó với hoàn cảnh như vậy.

- Hành động trên cơ sở phi chính thức nhiều hơn là một cố vấn học thuật bổ sung cho sinh viên quốc tế liên quan đến vấn đề học tập và vấn đề liên quan.

1.6.4. Quản lý SV thông qua các hoạt động xã hội

Các trường đại học, CĐ trên thế giới thường dành nhiều sự quan tâm, đầu tư cho các hoạt động văn hóa, xã hội, hoạt động ngoài giờ lên lớp của SV. Từ đó giúp cho SV có thể tự quản ngoài giờ chính khóa.

Tại trường cao đẳng Asian U - Thái lan (The College at Asian U), họ tổ chức các hoạt động theo chủ đề hàng tháng trong suốt năm học.

Quan điểm của trường được tuyên bố:

"Học không chỉ giới hạn bên trong các lớp học. Có nhiều hình thức học, chúng ta có thể học bằng cách nói chuyện với mọi người, chúng ta có thể học bằng các hoạt động, chúng ta có thể học bằng cách trải nghiệm những điều mới, chúng ta có thể học bằng cách khám phá bản thân" - Chủ tịch Liên hiệp Sinh viên Liên minh sinh viên (hay Hội Sinh viên) cùng với Câu lạc bộ sinh viên và Ban Công tác SV tổ chức một chương trình đầy đủ các hoạt động trong suốt cả năm - được gọi là Lịch xã hội.

Các trường ĐH Mỹ (trên thế giới) tổ chức sân chơi cho SV dưới hình thức các câu lạc bộ, Hội sở thích, nghề nghiệp của SV như:

- Hiệp hội marketing Mỹ (Tổ chức nghề nghiệp cho SV đã tốt nghiệp)
- Hiệp hội dược sĩ SV mỹ của Học viên Dược Mỹ
- Hiệp hội thiết kế nội thất
- Hội SV luật
- Hội yêu thích Ban nhạc Belles & Beaux
- Hội SV công nghệ thông tin doanh nghiệp
- Câu lạc bộ SV ủng hộ Đảng dân chủ và Câu lạc bộ SV ủng hộ Đảng cộng hòa
- Collegiate MenC, Hiệp hội Quốc gia về Giáo dục Âm nhạc
- Hội đồng sinh viên (Tổ chức chuyên nghiệp cho SV đã tốt nghiệp đại học).

Hội đồng SV (COS) là một tổ chức nghề nghiệp của sinh viên dược mà mục tiêu chính là phục vụ cho tiếng nói của sinh viên. Những mục tiêu của COS là thiết lập liên lạc hai chiều và bày tỏ quan điểm về giáo dục dược giữa sinh viên và các nhà giáo dục; thúc đẩy, duy trì tính chuyên nghiệp và tuân thủ các nguyên tắc thực hành đạo đức trong mọi lĩnh vực của dược.

Qua nghiên cứu cách quản lý HĐNGCK của SV các trường ĐH trên thế giới có tên gọi khác nhau, nhưng đều có chức năng hỗ trợ hoạt động học tập, đời sống, sinh hoạt của SV. Đặc biệt, các trường ĐH trên thế giới chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ SV trong về đời sống, học tập và sinh hoạt; Bên cạnh đó, các trường ĐH trên thế giới cũng đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV, Phát triển tính độc lập, sự tự tin của SV. Các trường ĐH coi việc này là công việc thường xuyên mà các bộ phận chức năng phải thực hiện, trong đó vai trò quan trọng của đội ngũ các tư vấn cho SV về các lĩnh vực. Đó là những điều mà các nhà QL GD Việt Nam cần tham khảo, vận dụng trong vấn đề QL HĐGDNG CK để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên.

Việc xã hội hóa nguồn tài chính cho các hoạt động của SV ở một số trường ĐH trên thế giới rất đáng để các trường ĐH Việt Nam tham khảo,áp dụng. Ở Việt Nam hiện nay, tuy đã có định hướng xã hội hóa nguồn tài chính cho các hoạt động của SV nhưng việc này chưa được coi là trọng đúng mức. Trong điều kiện nguồn tài chính do ngân sách Nhà nước cấp cho các trường ĐH công lập còn hạn hẹp thì việc tăng cường huy động nguồn tài chính từ các tổ chức, cá nhân trong xã hôi để phục vụ cho các hoạt động của SV thì có thể góp phần nâng cao hiệu quả công tác QL HĐGDNGCK.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong xu thế hiện nay giáo dục Đại học giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo dựng mặt bằng dân trí, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy việc nâng cao chất lượng giáo dục Đại học trở nên vô cùng cấp thiết, trong đó học sinh sinh viên là người đóng một vị trí trung tâm trong quá trình giáo dục.

HĐGDNGCK có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho sinh viên. Quản lý hiệu quả HĐGDNGCK sẽ là yếu tố quan trọng trong việc giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ.

Nội dung chương 1 tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận của đề tài: Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề, vị trí vai trò và ý nghĩa mục tiêu và nhiệm vụ của HĐGDNGCK ở trường đại học.

Chương 1 cũng đã nêu và phân tích các khái niệm có liên quan đến đề tài nghiên cứu, nội dung của QLHĐNGCK của sinh viên Đại học theo tiếp cận chức năng.

Tác giả đã làm rõ nội dung quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐGDNGCK.

Trong chương 1 tác giả đã khái quát về vấn đề đổi mới giáo dục và những vấn đề đặt ra đối với việc tổ chức và QLHĐGDNGCK đồng thời nghiên cứu các kinh nghiệm quản lý cũng như mô hình ở một số trường đại học trên thế giới .

HĐGDNGCK góp phần phát triển giáo dục toàn diện. Nó bao gồm các loại hoạt động về nhận thức, về kỹ thuật, về tình cảm thuộc các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, chính trị xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao… Thực tế chứng minh, chỉ có thông qua việc tổ chức HĐGDNGCK mà sinh viên là chủ thể mới hình thành trong sinh viên nhu cầu phát triển toàn diện (hiểu biết và hoạt động). Thực tiễn cũng thấy, có sinh viên tuy "học giỏi" nhưng đã phát triển lệch lạc như thế nào.

HĐGDNGCK ở trường đại học đã đặt sinh viên "*lứa tuổi thanh xuân*" trước những vấn đề của thời đại, của xã hội mà họ phải đối mặt trong tương lai không xa. Với vị trí và vai trò quan trọng như vậy, HĐGDNGCK thực sự là một bộ phận của hệ thống hoạt động giáo dục ở trường đại học. Tổ chức và quản lý có hiệu quả HĐGDNGCK sẽ gắn liền nhà trường với đời sống xã hội, góp phần phát huy vai trò của giáo dục trong sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa.

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

2.1. Khái quát về giáo dục Đại học khu vực duyên hải miền Trung

Vùng duyên hải miền Trung gồm 7 tỉnh, thành: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng đối với cả nước. Việc phát huy nội lực của vùng gắn với hội nhập và hợp tác quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là hết sức quan trọng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh vấn đề giáo dục - đào tạo gắn liền với liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế để tạo ra sức mạnh tổng hợp cho phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực huy động vốn đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của vùng.

7 tỉnh vùng duyên hải miền Trung có 50 trường đại học, xếp thứ 3 sau vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ, chiếm 12,1% số trường so với cả nước. Số sinh viên cao đẳng, đại học chính quy trong vùng khoảng 337.114 người, chiếm 12% tổng số sinh viên chính quy trong cả nước. Số giảng viên của vùng là hơn 9.482 người, chiếm tỉ lệ khoảng 10% tổng số giảng viên trong cả nước.

Bảng 2.1: Quy mô về giáo dục đại học, cao đẳng của 7 tỉnh,thành phố

	Số trường	**Giảng viên**	**Sinh viên**	**Số sinh viên tốt nghiệp**
Thừa Thiên Huế	13	2.294	119.375	26.376
Đà Nẵng	18	3.461	115.469	18.368
Quảng Nam	9	889	28.454	6.083
Quảng Ngãi	3	379	6.957	2.174
Bình Định	4	940	34.538	6.820
Phú Yên	3	940	34.538	3.490
Khánh Hòa	7	1.108	30,762	6.612
Tổng 7 tỉnh	57	9.482	344.074	69.923

Các tỉnh duyên hải miền Trung có vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống đường bộ, đường thủy, đường hàng không nối liền với tất cả các vùng, miền trong cả nước, tiếp giáp với các tỉnh Tây Nguyên giàu tiềm năng, là điểm cuối của đường xuyên Á với hành lang kinh tế Đông Tây nối thông Lào, Thái Lan, Myanmar. Phía đông có hệ thống cảng biển thuận lợi cho việc giao thương với các nước khu vực và thế giới. Xác định được tiềm năng, lợi thế đó, những năm qua, cùng với cả nước, các địa phương trong khu vực đã có nhiều cố gắng tạo điều kiện và cơ hội để hình thành và xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng lợi thế của khu vực, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nền kinh tế khu vực duyên hải miền Trung đang có xu hướng tách dần khỏi nền công nghiệp truyền thống để phát triển theo hướng công nghệ mới và chất lượng cao với những khu công nghiệp (KCN) lớn như KCN lọc hóa dầu ở Dung Quất, KCN Chu Lai - Kỳ Hà, KCN Hòa Khánh - Liên Chiểu, và mới đây thành phố Đà Nẵng đã chính thức công bố và kêu gọi đầu tư vào KCN công nghệ cao. Do vậy, vấn đề phát triển nguồn nhân lực của vùng phải phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Bên cạnh đó, có những ngành công nghệ cao đòi hỏi phải nhắm đến mục tiêu phát triển bền vững, vì vậy các sản phẩm liên quan đến ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, vật liệu mới, dược phẩm... cần được đặt lên hàng ưu tiên phát triển.

Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đòi hỏi phải có đội ngũ có khả năng tư duy năng động, luôn sáng tạo và phát triển sản phẩm mới. Liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng cách đẩy mạnh hợp tác, liên thông đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu chuyên ngành trong vùng, nhất là đối với các ngành mà vùng đang có nhu cầu cao như du lịch, tài chính - ngân hàng, hóa dầu, cơ điện tử, công nghệ thông tin, y - dược - kỹ thuật y tế, xã hội - nhân văn, văn hóa - nghệ thuật... Để thực hiện đào

tạo kết hợp với nghiên cứu khoa học ở những ngành nghề trên cần phải có đội ngũ giảng viên, nhà nghiên cứu có kinh nghiệm, bên cạnh đó là vấn đề cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm hiện đại để phục vụ trong việc giảng dạy, nghiên cứu. Do vậy, trong công tác giáo dục đặc biệt là giáo dục đại học cần thay đổi tư duy dạy chay, tập cho sinh viên có thói quen làm nghiên cứu khoa học ngay từ năm đầu tiên. Và để duyên hải miền Trung có thể nhanh chóng bắt nhịp với nền kinh tế tri thức đang ngày một phát triển mạnh mẽ, cần tập trung đầu tư, nâng cấp các trường đại học và các cơ sở đào tạo khác trong vùng nhằm hình thành nên một hệ thống đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ổn định, bền vững cho toàn vùng nói riêng và cả nước nói chung.

Trong những năm qua, nền giáo dục ở các tỉnh duyên hải miền Trung đã có bước phát triển đáng kể cả về chất lượng lẫn quy mô đào tạo. Hầu hết các tỉnh, thành phố trong khu vực đều có trường đại học, cao đẳng và các trường đào tạo nghề. Sự phân tầng về chất lượng đào tạo trong khu vực đang ngày càng rõ nét. Những trường đại học lớn làm nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao ở bậc đại học và sau đại học. Các trường đại học mới thành lập do điều kiện cơ sở vật chất và con người còn hạn chế nên chủ yếu làm nhiệm vụ đào tạo nghề nghiệp cho số đông.

So với cả nước, ngành nghề đào tạo tại các trường đại học ở các tỉnh duyên hải miền Trung đa dạng, gồm nhiều lĩnh vực như khoa học công nghệ, xã hội, quản lý cung cấp nguồn nhân lực chủ yếu cho địa phương trong khu vực. Khả năng đào tạo của các trường ở khu vực duyên hải miền Trung không những thỏa mãn nhu cầu nhân lực tại chỗ mà còn cung ứng lực lượng lao động cho những khu vực đang phát triển công nghiệp mạnh mẽ ở các tỉnh phía nam.

Chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng duyên hải miền Trung là hoàn toàn đúng đắn phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước, của ngành giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Do vậy, phải

đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu khoa học để thể hiện đúng vai trò đầu tàu dẫn dắt nền giáo dục phát triển toàn diện ở các trường đại học.

Để xã hội hóa giáo dục - đào tạo một cách toàn diện, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế cả nước nói chung, của vùng duyên hải miền Trung nói riêng đã hội nhập toàn cầu đòi hỏi từ kiến thức của cá nhân đến sự vận hành của xã hội đều phải kết nối và cập nhật kịp thời với thế giới. Khu vực duyên hải miền Trung đang đứng trước những thời cơ lớn trong phát triển kinh tế. Việc đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là khâu đột phá để phát triển kinh tế trong thời kỳ CNH - HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng QLHĐGDNGCK cho sinh viên đại học để có cơ sở đề xuất những biện pháp quản lý hoạt động này hiệu quả nhằm giáo dục toàn diện cho sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Hoạt động khảo sát được thực hiện nhằm thu thập thông tin về thực trạng các nội dung QLHĐGDNGCK của SV, bao gồm:

- Nhận thức của CBQL, GV về QLHĐGDNGCK của sinh viên
- Công tác tổ chức QLHĐGDNGCK của sinh viên
- Kế hoạch hoạt động QLHĐGDNGCK của SV
- Tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động QLHĐGDNGCK của SV
- Chỉ đạo hoạt động QLHĐGDNGCK của SV
- Quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động QLHĐGDNGCK của SV
- Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội trong quản lý SV.

- Chính sách, quy định, cơ chế QL liên quan đến hoạt động HĐGDNGCK của SV

2.2.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng công tác QLHĐGDNGCK của SV các trường ĐH, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến bằng phiếu hỏi và phỏng vấn 800SV và 300 CBQLGD, GV, chuyên viên một số trường ĐH ở Miền Trung Việt Nam: ĐH Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng, Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tài chính Kế Toán, Đại học Quy Nhơn, Đại học Huế, ĐH Quảng Nam, Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi) và Đại học Duy Tân.

Ngoài ra, chúng tôi còn phỏng vấn một số cán bộ, một số tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ quản lý hành chính nhà nước ở một số địa phương nơi có các trường đại học đóng trên địa bàn.

Bảng 2.2: Phân bố phiếu khảo sát CBQL, GV theo trường

STT	**Địa bàn khảo sát**	**Số lượng phiếu được hỏi theo địa bàn**	**Tỷ lệ %**
1	ĐHSP Đà Nẵng	50	16.7
2	ĐH Phạm Văn Đồng	30	10
3	ĐH Tài Chính Kế Toán	30	10
4	ĐH Quy Nhơn	40	13.3
5	ĐH Quảng Nam	40	13.3
6	ĐH Huế	40	13.3
7	ĐH Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quảng Ngãi)	40	13.3
8	ĐH Duy Tân	30	10
Tổng số		**300**	**100**

Bảng 2.3: Phân bố phiếu khảo sát SV theo trường

STT	Địa bàn khảo sát	Số lượng phiếu được hỏi theo địa bàn	Tỷ lệ %
1	ĐH Đà Nẵng	120	15
2	ĐH Phạm Văn Đồng	100	12.5
3	ĐH Tài Chính Kế Toán	100	12.5
4	ĐH Quy Nhơn	100	12.5
5	ĐH Quảng Nam	80	10
6	ĐH Huế	80	10
7	ĐHCông Nghiệp TP Hồ Chí Minh	120	15
8	ĐH Duy Tân	100	12.5
Tổng số		**800**	**100**

2.2.4. Phương pháp và công cụ khảo sát

Sử dụng bộ phiếu điều tra bằng câu hỏi đóng và mở. Dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm để điều tra thực trạng về mức độ nhận thức HĐGDNGCK của cán bộ quản lý và sinh viên của trường bằng cách xây dựng 2 mẫu phiếu điều tra và một mẫu phiếu trưng cầu ý kiến, tiến hành thực hiện cho cả 2 đối tượng.

- Cán bộ quản lý bao gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, trưởng các khoa, phòng, ban, các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường.

- Sinh viên.

Sau khi thu được các phiếu hỏi đã có thông tin trả lời, các ý kiến trả lời được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm SPSS và tổng hợp, phân tích.

2.3. Thực trạng HĐGDNGCK ở trường đại học

2.3.1. Thực trạng về nội dung và hình thức HĐGDNGCK trong nhà trường

Bảng 2.4: Nhà trường đã tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên với những nội dung và hình thức

TT	Nội dung và hình thức	CBQL		SViên	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Hoạt động giáo dục chính trị xã hội	276	92	623	77.9
2	Hoạt động tự học, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ	154	51.3	234	29.3
3	Hoạt động lao động, hướng nghiệp	204	68	456	57
4	Hoạt động văn hóa nghệ thuật	300	100	798	99.8
5	Hoạt động TDTT	300	100	765	95.6
6	Hoạt động nhân đạo từ thiện	260	86.7	689	86.1
7	Hoạt động tình nguyện	280	93.3	761	95.1
8	Hoạt động tham quan dã ngoại về nguồn	167	55.7	321	40.1
9	Hoạt động giao lưu với bạn bè quốc tế đang học tại trường.	57	19	362	45.3

Qua kết quả điều tra ở bảng 2.4 tác giả nhận thấy rằng mặc dù có những nhận thức chưa đầy đủ và chính xác về HĐGDNGCK nhưng nội dung và hình thức của HĐGDNGCK ở nhà trường đã được các tổ chức, đơn vị triển khai thường xuyên với tất cả các nội dung nhằm mục đích giáo dục toàn diện cho sinh viên.

Qua các báo cáo mà tác giả khảo sát của các đơn vị có liên quan như Phòng CTCT - HSSV, Đoàn trường và hội sinh viên tại các trường được khảo sát đã thể hiện khá rõ về các nội dung và hình thức của HĐGDNGCK.

* ***Hoạt động giáo dục chính trị xã hội:***

Các trường đã tổ chức cho sinh viên học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng dưới nhiều hình thức, tổ chức tốt tuần sinh hoạt chính trị

"HSSV - công dân" đầu khoá nhằm quán triệt tư tưởng, kế hoạch, nhiệm vụ năm học, nội quy, quy chế đến SV. Tổ chức cho SV học tập 6 bài học lý luận chính trị…tổ chức các lễ kỷ niệm, các chương trình văn nghệ có ý nghĩa giáo dục chính trị tư tưởng cho SV nhân các ngày lễ lớn bằng nhiều hình thức như mít tinh, thi tìm hiểu, tọa đàm, phát thanh, văn nghệ….

- Triển khai cuộc vận động "*Tuổi trẻ học tập, làm theo lời Bác*" và cuộc vận động "*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục. Nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và hiện tượng học sinh ngồi nhầm lớp*" bằng các hoạt động cụ thể: Triển khai, quán triệt nội dung cuộc vận động đến toàn thể SV;

- Thường xuyên chỉ đạo Phòng Công tác chính trị - HSSV, Ban quản lý ký túc xá, Đoàn Hội nắm bắt tư tưởng của sinh viên. Thông qua các cuộc đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với sinh viên để nắm bắt tình tình tư tưởng, lối sống của sinh viên.

Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy SV đã chủ động tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội. Bằng bảng hỏi và phỏng vấn: Bạn có thường tham gia các hoạt động xã hội do Nhà trường và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường tổ chức không? các phong trào, hoạt động do Đoàn, Hội của trường bạn tổ chức? tỷ lệ sinh viên trả lời có tham gia rất cao (trên 74%). Những hoạt động sinh viên thường xuyên tham gia nhất là những hoạt động gắn liền với nhu cầu học tập, sinh hoạt, rèn luyện hằng ngày của SV, cụ thể là: Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (91,5%); các hoạt động bảo vệ môi trường (91,2%); các hoạt động thanh niên tình nguyện (91,1%); các hoạt động hỗ trợ, khuyến khích sinh viên thi đua học tập, nâng cao trình độ chuyên môn (91,1%).

Khi khảo sát tính tích cực của SV trong tham gia hoạt động, kết quả cho thấy hoạt động hiến máu tình nguyện, tình nguyện hè và bảo vệ môi

trường được SV tham gia tích cực nhất (lần lượt là 71,1%, 61,6% và 61,1%). Các hoạt động còn lại SV đều tham gia, dù tỷ lệ sinh viên tham gia tích cực không quá cao.

Ý thức trách nhiệm vì cộng đồng của SV còn thể hiện rất rõ nét qua sự tham gia của SV đối với các phong trào do Đoàn và Hội sinh viên tổ chức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong các hoạt động tình nguyện do Hội Sinh viên tổ chức, mức độ sẵn sàng tham gia của sinh viên khá cao, 79,7% SV sẵn sàng tham gia các hoạt động tình nguyện ở địa phương với tinh thần tự nguyện, không đòi hỏi đãi ngộ. Tỷ lệ SV sẵn sàng tham gia các hoạt động tình nguyện ngày càng cao hơn. Như vậy, sinh viên ngày càng có xu hướng tham gia nhiều hơn các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng.

Và trên thực tiễn hoạt động của mình, số sinh viên tham gia vào hoạt động tình nguyện cũng chiếm đáng kể thể hiện qua việc tham gia các hoạt động thanh niên tình nguyện do Đoàn, Hội của trường tổ chức. Có 48,6% sinh viên thường xuyên tham gia, 42,5% thỉnh thoảng tham gia hoạt động thanh niên tình nguyện, và có 8,9% sinh viên chưa từng tham gia các hoạt động đó.

**** Hoạt động tự học, nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ***

Xác định học tập và rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của sinh viên nhà trường đã chỉ đạo cải tiến phương pháp dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Về ý thức tự học tập, tự nghiên cứu của SV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV (83%) nhận thức rằng vấn đề tự học là quan trọng, nhất là khi nhà trường áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ. Tuy nhiên, sức ì và tính thụ động của SV còn rất lớn. Hoạt động tự học vẫn còn mang tính hình thức, đối phó với các bài kiểm tra. Theo số liệu khảo sát SV một số trường đại học, hầu hết các SV được hỏi cho rằng tính chủ động trong học tập của sinh viên thấp. Có đến 75% ý kiến cho rằng SV không có thói quen tự học, chuẩn bị bài

trước khi đến lớp. Bên cạnh đó có khoảng 44.0% SV chọn cách im lặng nghe giảng từ đầu đến cuối mà không có những tương tác và phản ứng lại đối với giảng viên trong giờ học.

Cách thức học các môn học của SV hiện nay cũng còn rất nhiều điều cần phải quan tâm: Còn có sự thiên lệch trong việc học ở một số SV như chỉ tập trung học những môn quan trọng (20,0%) hay chỉ tập trung học những môn mình yêu thích (12,7%). Đáng lưu ý, trong SV còn có hiện tượng học "đối phó", chưa tập trung dành thời gian thường xuyên cho việc học. Những SV này thường chỉ tập trung học vào những thời điểm cận kề ngày thi (24,7%).

SV cũng dũng cảm thừa nhận có hiện tượng tiêu cực, thiếu nghiêm túc trong thi cử, kiểm tra của sinh viên (phổ biến 37%).

Một thực tế nữa hiện nay là SV khá lười đọc sách. Khi được hỏi về việc này, số đông SV đều lúng túng. 85% cho rằng họ "có đọc" nhưng chỉ một số cuốn sách chuyên ngành khi phải trình bày, báo cáo hay làm bài kiểm tra. 15% còn lại cho rằng họ không đọc tài liệu tham khảo, có những SV năm cuối chưa từng 1 lần đến thư viện tìm sách. Trong khi đó nhiều SV lựa chọn kênh thông tin trên mạng Internet. Điều này là tốt nhưng nếu quá lạm dụng, SV sẽ bỏ lỡ một kho tàng tri thức rất có giá trị từ sách tham khảo. Ngay cả khi tra cứu tài liệu trên internet, sinh viên cũng chưa biết cách thu nhập và xử lý khối lượng thông tin đa dạng đó như thế nào để thu được những kiến thức thật sự cần thiết và có hiệu quả.

Có thể khẳng định, đa số SV hiện nay có mục đích, động cơ học tập đúng đắn. Hầu hết sinh viên được hỏi cho rằng mục đích học tập của mình là để lấy kiến thức học, để có nghề tốt, thu nhập cao và học để đóng góp cống hiến cho xã hội. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận SV cho rằng học tập chỉ để lấy bằng cấp hay thể hiện vì một lý do nào khác thể hiện sự thụ động trong việc xác định động cơ học tập.

Bảng 2.5: Mục đích, động cơ học tập của sinh viên

TT	Động cơ, mục đích	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Học để có kiến thức và theo đuổi nghề nghiệp mình yêu thích	52,0	73,9	55,4
2	Học để sau dễ có việc làm, thu nhập đảm bảo cuộc sống	41,4	72,5	31,6
3	Học để có bằng cấp	3,9	38,9	3,9
4	Học vì ý muốn của cha mẹ, gia đình, dòng họ	2,1	4,7	1,3
5	Học vì chưa biết làm gì khác	1,6	-	0,9
6	Học để cống hiến, đóng góp cho xã hội	-	64,5	

Về thái độ học tập, kết quả nghiên cứu của đề tài KTN 2012-02-Viện Nghiên cứu Thanh niên cho thấy nhìn chung, SV có biểu hiện tích cực, nghiêm túc. Trong số những SV được khảo sát, có 20,1% tự đánh giá bản thân mình là người "học tập chăm chỉ"; bên cạnh đó thì một bộ phận lớn SV khác cho rằng họ "không lười nhưng cũng chưa chăm học" (61,1%). Gần 1/5 số SV tự đánh giá mình còn "chưa cố gắng học tập". Bảng dưới đây có thể mô tả rõ hơn thái độ học tập của SV.

Bảng 2.6: Thái độ học tập của sinh viên

Các biểu hiện	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không bao giờ (%)
1. Chủ động xung phong phát biểu thảo luận	30,0	66,3	3,7
2. Tranh luận với quan điểm của giáo viên khi bạn thấy không đồng tình	21,0	60,7	18,3
3. Hỏi giáo viên thêm về môn học	34,0	59,9	7,0
4. Đến thư viện đọc tài liệu	31,7	60,7	7,6
5. Mua, chụp hoặc mượn tài liệu học tập	50,3	44,0	5,7
6. Trao đổi trong lớp với các bạn bên cạnh về bài giảng khi giáo viên đang giảng	33,7	60,7	5,6

Theo kết quả điều tra của đề tài *"Tổng quan tình hình sinh viên, công tác Hội sinh viên và phong trào sinh viên nhiệm kỳ 2003 - 2008"* - Mã số: KTN 2007-01 do Nguyễn Mạnh Dũng làm chủ nhiệm cho thấy phần lớn SV cho rằng nhận định chất lượng học tập và rèn luyện của SV gần đây thấp" là đúng (73,3%). Tỷ lệ này thấp hơn không đáng kể so với cuộc khảo sát tình hình sinh viên năm 2008 là 75,2%.

Duy trì phong trào *"Thi đua học tập, rèn luyện"* trong toàn thể sinh viên, tham gia các hội thi tay nghề - nghiệp vụ sư phạm, tổ chức các biện pháp hỗ trợ nâng cao chất lượng học tập: Các khoa, tổ bộ môn tổ chức và tham gia các CLB chuyên môn...

Triển khai phong trào "Sáng tạo trẻ" trong sinh viên, có nhiều sinh viên đăng ký làm đề tài nghiên cứu khoa học. Tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi Olympic cấp toàn quốc. Những hoạt động sáng tạo cũng được nhà trường đề cao chú trọng.

Hoạt động văn hoá văn nghệ, TDTT được nhà trường chỉ đạo cho các tổ chức Đoàn thể gắn với việc chào mừng các ngày lễ, các dịp kỷ niệm như 2/9, 20/11, 9/1, 3/2, 26/3… tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho đoàn viên, thanh niên. Cụ thể:

Các hoạt động văn hoá văn nghệ trong nhà trường đã tạo những nét tươi trẻ trong sinh viên. Nhiều sinh viên rất hứng thú trong việc tham gia các hoạt động này.

- Do có sự đầu tư và tạo điều kiện của nhà trường, phong trào TDTT của trường luôn duy trì và phát triển, thu hút nhiều đoàn viên, thanh niên tham gia. Các giải thể thao nhân các ngày lễ: 20/11, 26/3 được tổ chức sôi nổi với nhiều bộ môn: Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng nam, nữ. Các liên chi đoàn khoa cũng đã tự tổ chức các giải thi đấu hoặc giao lưu với các khoa khác trong các trường.

- Thành lập các đội bóng đá, bóng chuyền nam, nữ tham gia các giải thi đấu trong tỉnh và khu vực, nhiều SV tham gia thi đấu các giải toàn quốc và giành được nhiều thành tích cao.

Trong hoạt động văn hóa, có thể nói, xu hướng thưởng thức nghệ thuật của SV hướng nhiều đến các loại hình nghệ thuật hiện đại. Kết quả khảo sát cho thấy những loại hình nghệ thuật được SV yêu tích nhất là: nhạc trẻ Việt Nam giải trí (52,0%); phim tâm lý xã hội (51,1%); ca nhạc quốc tế (48,7%); ca khúc Việt Nam hiện đại (38,4%)... Bên cạnh đó, phim khoa học (37,0%); phim tài liệu, thời sự Việt Nam (35,5%); phim truyện cách mạng Việt Nam (27,5%) cũng được một bộ phận không nhỏ SV yêu thích.

Theo kết quả nghiên cứu mới nhất năm 2013, SV đã sử dụng thời gian rỗi tham gia vào các hoạt động như: Đi gặp gỡ bạn bè (64,5%); chơi thể thao (30,8%); tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ (27,5%); nghe nhạc (55,9%); xem tivi (48,8%); xem phim trên mạng (35,5%); tán gẫu trên mạng với bạn bè (16,1%); ngủ (35,1%).

Thực tế cho thấy, nhiều SV hiện nay đang trở thành "tín đồ" của các phương tiện di động giải trí hiện đại. Sinh viên dành lượng thời gian khá lớn cho việc sử dụng internet. Gần 1/2 sinh viên được hỏi dành 1-2h/ ngày cho việc sử dụng internet và gần 1/3 sinh viên dành từ 3-5h/ ngày cho hoạt động này. Sinh viên sử dụng internet chủ yếu để vào các trang mạng xã hội; nghe nhạc, xem phim, tán gẫu với bạn bè mà ít quan tâm đến những hoạt động nâng cao trình độ học vấn, tin học, ngoại ngữ. Đặc biệt, trong khoảng 3-4 năm trở lại đây, trào lưu facebook được xem như một "cơn lốc" mới với giới trẻ nói chung, trong đó có một lượng lớn là sinh viên. Theo những con số thống kê không chính thức thì hơn 90% học sinh, sinh viên Việt Nam sử dụng facebook như một kênh giải trí thường xuyên.

Nghiên cứu trong năm 2012 và 2013 của Viện Nghiên cứu thanh niên có kết quả khá đồng nhất cho thấy rằng chỉ một bộ phận SV có hoạt động chơi thể thao trong thời gian rỗi (năm 2012 là 35,5% và năm 2013 là 35% ý kiến khẳng định). Trong số những SV có hoạt động thể dục thể thao thì phần lớn của chỉ thỉnh thoảng tham gia.

**** Hoạt động xã hội từ thiện, tình nguyện***

- Đoàn viên, thanh niên của trường đều tham gia đầy đủ các đợt vận động quyên góp: Ủng hộ động bào bị bão lụt, ủng hộ quỹ "Vì người nghèo"…

- Tổ chức nhiều đợt hiến máu nhân đạo trong sinh viên của nhà trường.

- Hoạt động tình nguyện được tổ chức thường xuyên với các hoạt động thiết thực: Dọn vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường tại trường, lao động giúp dân tại các vùng khó khăn, biểu diễn văn nghệ xung kích tại các đơn vị bộ đội, các xã vùng cao, ôn tập hè cho học sinh tại Trung tâm nuôi dưỡng đối tượng chính sách xã hội tỉnh, tiếp sức mùa thi và đón tiếp sinh viên nhập học.

Đây là một trong những hoạt động được sinh viên hưởng ứng rất lớn và được các đơn vị trong tỉnh đánh giá cao công tác tình nguyện của nhà trường.

Để một lần nữa khẳng định rằng các hình thức của nhà trường sử dụng để tổ chức HĐGDNGCK, tác giả điều tra qua bảng sau:

Bảng 2.7: Những hình thức HĐGDNGCK của sinh viên

TT	Hình thức tổ chức	SViên	
		Số lượng	%
1	Tuần sinh hoạt công dân	345	43.1
2	Các hoạt động giáo dục truyền thống, các cuộc vận động của các tổ chức, đoàn thể.	456	57
3	Hoạt động giao lưu, văn hoá - văn nghệ, TDTT, vui chơi, giải trí.	782	97.8
4	Các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.	672	84
5	Các hội thao, hội diễn, các cuộc thi	741	92.6

Qua kết quả ở bảng 2.7 cho thấy rằng HĐGDNGCK của các trường đại học được tổ chức thường xuyên và có nhiều nội dung và hình thức phong phú, đặc biệt là hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT, tình nguyện có hơn 80 % số SV điều tra cho thấy điều này với kết quả này tác giả nhận thấy rằng Nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động cho sinh viên với nhiều nội dung và hình thức phù hợp lôi cuốn được lực lượng sinh viên tham gia.

2.3.2. Thái độ và hứng thú của sinh viên đối với HĐGDNGCK

Bảng 2.8: Hứng thú của sinh viên thi tham gia các HĐGDNGCK

TT	Hứng thú	SViên	
		Số lượng	%
1	Rất tích cực	123	15.4
2	Tích cực	475	59.4
3	Ít tham gia	131	16.4
4	Không tham gia	71	8.8

Bảng2.9. Lý do tham gia các HĐGDNGCK

TT	Lý do	SV	
		Số lượng	%
1	Sợ bị trừ điểm rèn luyện	65	8.1
2	Tham gia theo bạn bè	69	8.6
3	Sự hứng thú, hấp dẫn của hoạt động.	457	57.1
4	Ý thức được vai trò, vị trí của HĐGDNGCK.	59	7.4
5	Do hứng thú nhu cầu của bản than	116	14.5
6	Do yêu cầu bắt buộc của nhà trường	34	4.3

Qua kết quả thống kê ở bảng 2.8 đã phần nào thể hiện hứng thú của sinh viên đối với HĐGDNGCK, đa số sinh viên (74,8%) tích cực tham gia các HĐGDNGCK khi Nhà trường tổ chức, bên cạnh đó vẫn còn một số SV (25,2 % ít tham gia thậm chí không tham gia 8,8%). Kết quả ở bảng 2.9 đã

khẳng định sự hứng thú của sinh viên đối với HĐGDNGCK, tuy nhiên vẫn còn nhiều sinh viên có tư tưởng đối phó, hoặc có những tư tưởng tiêu cực khi tham gia các HĐGDNGCK.

Đây là một kết quả chấp nhận được kết quả này phần nào khẳng định công tác tổ chức các HĐGDNGCK của các trường đại học đạt hiệu quả tốt được đông đảo sinh viên hưởng ứng tham gia.

2.4. Thực trạng quản lý HĐGDNGCK ở trường đại học

2.4.1. Thực trạng về nhận thức HĐGDNGCK

Nhận thức về vai trò, vị trí nhiệm vụ của HĐGDNGCK là rất quan trọng, đặc biệt đối với những người làm công tác quản lý giáo dục. Nếu các nhà quản lý nói riêng và giáo viên nói chung nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn về HĐGDNGCK thì chắc chắn hiệu quả giáo dục thu được rất cao. Kết quả thăm dò, khảo sát tại các trường đại học cho thấy: Cán bộ quản lý nhà trường và sinh viên của trường phần lớn đã nhận thấy sự ảnh hưởng của các HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên.

Bảng 2.10: Nhận thức về tầm quan trọng của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên.

TT	Tầm quan trọng	Cán bộ quản lý		Sinh viên	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Rất quan trọng	83	27.7	216	27
2	Quan trọng	195	65	475	59.4
3	Bình thường	22	0.73	88	11
4	Không quan trọng	0	0	21	2.6

Qua bảng 2.10 cho thấy, cán bộ quản lý và đa số sinh viên ở các trường đại học được khảo sát nhận thức rất rõ về ảnh hưởng của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên, tuy nhiên vẫn còn một số cán bộ quản lý và sinh viên nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí còn thiếu chính xác về

HĐGDNGCK. Họ cho rằng HĐGDNGCK chỉ đơn thuần là những hoạt động tập thể của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các bộ phận phòng CTCT - HSSV phụ trách. Một số bộ phận còn mơ hồ về nội dung, hình thức của HĐGDNGCK, họ chưa hiểu hết nội dung, hình thức của HĐGDNGCK. Từ đó dẫn đến coi việc đưa HĐGDNGCK là một hoạt động ở hàng thứ yếu, không được chú trọng. Qua phỏng vấn một số cán bộ và sinh viên về nhận thức nội dung HĐGDNGCK của CBQL và sinh viên đã cho thấy vấn đề này.

Bảng 2.11: Nhận thức về nội dung HĐGDNGCK của CBQL và SV

TT	Nội dung HĐGDNGCK	CBQL		SV	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Hoạt động Đoàn thể	145	48.3	378	48.4
2	Hoạt động vui chơi giải trí	24	8	124	15.5
3	Hoạt động giáo dục	98	32.7	101	12.6
4	Hoạt động ngoại khoá	33	11	197	24.6

Qua bảng 2.11 cho thấy: Việc nhận thức về HĐGDNGCK của các CBQL nhà trường không đầy đủ như vậy, cho nên việc đầu tư thời gian và vật chất cũng như các điều kiện khác của nhà trường cho HĐGDNGCK còn bị hạn chế. Hầu hết cán bộ quản lý chưa thực sự chú trọng tới vấn đề này. Qua kết quả ở bảng 2.11 chứng tỏ rằng sinh viên nhận thức vấn đề này còn nhiều sai lệch. Đa số sinh viên được hỏi trả lời: HĐGDNGCK là các hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và hoạt động này nhằm mục đích vui chơi giải trí, các hoạt động ngoại khoá.

Tác giả nhận thấy điều này thật mâu thuẫn trong vấn đề nhận thức của CBQL và sinh viên của nhà trường. Mặc dù có những nhận thức sai lệch về HĐGDNGCK nhưng khi chọn lý do về tầm quan trọng, về việc ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của sinh viên thì đa số CBQL và sinh viên lại đánh giá rất tốt về HĐGDNGCK.

Bảng 2.12: Nhận thức về ảnh hưởng của HĐGDNGCK đối với sinh viên

TT	Ảnh hưởng của HĐGDNGCK đối với sinh viên.	CBQL		SViên	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Biết vận dụng tri thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế	280	93.3	673	84.1
2	Giúp sinh viên hiểu thêm về truyền thống dân tộc, về quê hương, về Đảng, về Bác Hồ	295	98.3	786	98.25
3	Có hiểu biết về các vấn đề thời đại, quốc tế	186	62	564	70.5
4	Rèn luyện kỹ năng giáo tiếp, kỹ năng sống và ứng xử có văn hoá	258	86	532	66.5
5	Rèn luyện kỹ năng tự tổ chức, điều khiển và thực hiện hoạt động có hiệu quả	203	67.7	623	77.9
6	Rèn luyện cho sinh viên khả năng tự giáo dục, tự điều chỉnh bản than	201	70	435	54.4
7	Bồi dưỡng tích tích cực, năng động sáng tạo	203	67.7	602	75.3
8	Mở rộng các mối quan hệ xã hội	209	69.7	234	29.3
9	Tạo điều kiện cho sinh viên bộc lộ và phát triển năng khiếu cá nhân	296	98.7	782	97.8
10	Tận dụng và phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục khác trong công tác giáo dục học sinh	291	97	459	57.4
11	Là hoạt động không cần thiết làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập.	0	0	12	1.5

Qua bảng 2.12 cho thấy rằng phần lớn CBQL và đa số SV nhận thức rất tốt về ảnh hưởng của HĐGDNGCK đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên, tuy nhiên đa số vẫn chưa hình dung được HĐGDNGCK là hoạt động gì và do ai đứng ra phụ trách.

Để tìm hiểu vấn đề này, tác giả đã khảo sát và kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.13: Nhận thức về vai trò của các lực lượng tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên

TT	Lực lượng tổ chức HĐGDNGCK cho SV	CBQL		SViên	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Ban Giám hiệu nhà trường	12	0.4	2	2.5
2	Phòng công tác chính trị - HSSV	67	22.3	123	15.4
3	Đoàn trường	245	81.6	685	85.6
4	Hội sinh viên	165	55	356	44.5
5	Ban Quản lý KTX	42	14	123	15.4
6	Giáo viên chủ nhiệm	34	11.3	98	12.3
8	Chi đoàn sinh viên	154	51.3	167	20.9
9	Sinh viên tự tổ chức	46	15.3	102	12.8

Kết quả khảo sát ở bảng 2.13 đã chứng tỏ sự mâu thuẫn trong nhận thức của CBQL và sinh viên của nhà trường. Đa số CBQL và SV cho rằng HĐGDNGCK là hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (CBQL: 81.6%; SV: 85.6%); (55%; 44.5 %). Chính vì điều này nên việc đầu tư thời gian và vật chất cũng như các điều kiện khác của nhà trường cho HĐGDNGCK còn bị hạn chế. Hầu hết CBQL chưa thực sự chú trọng đến vấn đề này cho nên HĐGDNGCK lâu nay được tổ chức chỉ giao hẳn cho một vài đơn vị đứng ra tổ chức cho sinh viên nên việc hiểu sai lệch về vấn đề này là có cơ sở. Mặc khác các cơ sở giáo dục Đại học chưa thành lập. Ban chỉ đạo điều hành các HĐGDNGCK là chưa có, nội dung và hình thức của HĐGDNGCK tuy rất phong phú đa dạng nhưng chưa có kế hoạch cụ thể, chỉ qua các kế hoạch của các tổ chức Đoàn thể và các đơn vị có liên quan.

Qua việc khảo sát thực trạng với các đối tượng nói trên, tác giả nhận thấy rằng: Nhận thức về HĐGDNGCK ở nhà trường chưa được đầy đủ và toàn

diện. Về phía cán bộ quản lý ít quan tâm, hoặc nhận thức của CBQL bị hạn chế. Do vậy các HĐGDNGCK mặc dù được thực hiện rất nhiều nhưng chưa được hiểu đúng và chưa có kế hoạch cụ thể, chưa có một đơn vị cụ thể nào trong nhà trường chịu trách nhiệm chính về HĐGDNGCK do đó có những hạn chế rất lớn trong việc điều hành và tổ chức các HĐGDNGCK của nhà trường .

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã tiến hành tìm hiểu nội dung và hình thức HĐGDNGCK, cách tổ chức các HĐGDNGCK của các đơn vị trong nhà trường, nhằm để đánh giá một cách khách quan hơn về chất lượng QLHĐGDNGCK.

2.4.2. Thực trạng quản lý việc lập kế hoạch HĐGDNGCK

Kế hoạch QLHĐGDNGCK là những phương án hành động được vạch ra một cách hệ thống những công việc dự định sẽ được tiến hành trong khoảng thời gian nhất định, theo một trình tự, thời hạn nhất định, nhằm thực hiện mục tiêu GD của nhà trường. Xây dựng kế hoạch QLHĐGDNGCK là một khâu quan trọng trong công tác QL SV và QLHĐGDNGCK của SV.

Qua điều tra khảo sát ở các trường đại học tác giả nhận thấy rằng Đảng ủy, BGH các trường ĐH đã chỉ đạo các đơn vị chức năng, tổ chức đoàn thể trong trường, đặc biệt là Đoàn TNCSHCM, Hội SV, Phòng công tác học sinh sinh viên xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK trên cơ sở chương trình, kế hoạch của từng năm học. Tuy nhiên các nội dung của kế hoach giữa các đơn vị bị chồng chéo giữa các nội dung và đơn vị tổ chức thực hiện dẫn đến tình trạng một nội dung nhưng đến hai đơn vị tổ chức thực hiện. kết quả khảo sát ở bảng 2.14 về phần nhận thức các lực lượng tổ chức đã thể hiện rất rõ vấn đề này, bằng các phỏng vấn các CBQL và lãnh đạo các tổ chức Đoàn thể của nhà trường tác giả nhận thấy rằng các trường chưa có thành lập ban chỉ đạo chung cho HĐGDNGCK và chưa có một kế hoạch tổng thể cho hoạt động này. Chính điều này đã dẫn đến sự chồng chéo trong việc tổ chức và quản lý trong một số hoạt động cho sinh viên.

2.4.3. Thực trạng công tác tổ chức bộ máy HĐGDNGCK ở trường đại học

Ở trường đại học việc tổ chức và QLHĐGDNGCK cho sinh viên được Đảng ủy, BGH giao cho Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Phòng công tác HS-SV, Ban quản lý KTX và Trung tâm hỗ trợ sinh viên. Qua điều tra khảo sát ở các tác giả nhận thấy rằng công tác tổ chức của từng bộ phận của nhà trường đã tổ chức tốt các HĐGDNGCK đặc biệt là Đoàn thanh niên và Hội sinh viên của nhà trường, nhiều hoạt động ở các tổ chức Đoàn triển khai sâu rộng và có hiệu quả tác động rất lớn đến việc giáo dục toàn diện cho sinh viên.

Xây dựng, phát triển đội ngũ CBQL và nguồn nhân lực làm công tác QLSV, QLHĐGDNGCK đã được nhà trường rất chú trọng đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội.

Bảng 2.14: Đánh giá công tác Đoàn - Hội trong Nhà trường của cán bộ quản lý

TT	Nội dung đánh giá	Tốt SL%	Khá SL%	Trung bình SL%	Yếu SL%	Kém SL%
1	Đoàn, Hội có kế hoạch, hoạt động công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng gắn với kế hoạch nhà trường.	197 65.7	91 30.3	12 4		
2	Lựa chọn đề cử CB Đoàn, Hội chủ chốt	163 54.3	123 41	14 4.7		
3	Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, chế độ chính sách cho CB Đoàn - Hội	140 46.7	145 48.3	15 5		
4	Nội dung và hình thức hoạt động của Đoàn - Hội trong nhà trường.	167 55.7	101 33.7	32 10.6		
5	Chủ động tổ chức các phong trào	196 65.3	86 28.7	18 6		
6	Lôi cuốn được đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia hoạt động	167 55.7	113 37.7	20 6.6		
7	Phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn - Hội trong mọi hoạt động	197 65.7	100 33.3	3 1		
8	Hiệu quả các hoạt động của Đoàn - Hội	191 63.7	100 33.3	9 3		

Qua bảng 2.14 tác giả nhận thấy rằng việc quan tâm của các trường đại học trong việc lựa chọn đội ngũ những người làm thủ lĩnh rất được quan tâm đã lựa chọn được những người có phẩm chất và năng lực đảm nhận.

Tuy nhiên việc xá lập lập các mối quan hệ giữa các bộ phận trong nhà trường chưa được tốt trong việc QLHĐGDNGCK dẫn đến công tác tổ chức các nội dung còn chồng chéo.

Các trường đại học chưa xây dựng hệ thống văn bản quy phạm quy định rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động trong QLHĐGDNGCK của nhà trường. Tức là có những quy định cụ thể về mối liên hệ giữa các đơn vị, bộ phận trong trường ĐH và quan hệ giữa trường ĐH với các cơ quan, tổ chức bên ngoài về QLHĐGDNGCK; quy đỉnh rõ trách nhiệm của từng bộ phận chức năng, tổ chức đoàn thể trong QLHĐGDNGCK; quy trình QLHĐGDNGCK; chính sách cho CBQL, CB-GV, SV tham gia QLHĐGDNGCK.

Việc QL các điều kiện bảo đảm cho HĐGDNGCK là QL và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - phương tiện kỹ thuật, tài chính phục vụ cho các hoạt động như: ăn, ở, sinh hoạt tập thể, vui chơi giải trí giành cho việc thông tin về các HĐGDNGCK trong và ngoài nhà trường đã thực hiện hiện thường xuyên tuy nhiên tại một số đơn vị điều kiện và phương tiện cho các HĐGDNGCK còn chưa được quan tâm đúng mức. Kinh phí cho hoạt động này còn quá ít không đủ trang trải cho việc tổ chức đầy đủ các nội dung.

2.4.4. Thực trạng công tác chỉ đạo HĐGDNGCK

Công tác chỉ đạo có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả HĐGDNGCK của SV. Thông qua quá trình các nhà QLGD, GV tác động, ảnh hưởng tới hành vi, thái độ của SV sẽ đảm bảo cho các mặt HĐGDNGCK đi đúng hướng, đạt hiệu quả QLHĐGDNGCK và HĐ GD-ĐT.

Qua khảo sát đối với CBQL ở các trường đại học việc thành lập ban tổ chức chỉ đạo HĐGDNGCK chưa có, do đó dẫn đến việc chồng chéo ở một số nội dung như đã phân tích ở trên.

Việc quản lý đội ngũ đặc biệt là Đội ngũ làm thủ lĩnh các tổ chức Đoàn - Hội được các nhà trường quan tâm.

Hoạt động Đoàn - Hội trong Nhà trường chủ yếu là thông qua các hình thức sinh hoạt tập thể ngoài giờ chính khóa để giáo dục lý tưởng cho thanh niên sinh viên. Để tìm hiểu sự phối kết hợp giữa nhà trường và tổ chức Đoàn - Hội sinh viên trong Nhà trường. Tác giả xin ý kiến đánh giá của CBQL của Nhà trường, kết quả được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 2.15: Đánh giá công tác Đoàn - Hội trong Nhà trường của cán bộ quản lý

TT	Nội dung đánh giá	Tốt SL%	Khá SL%	Trung bình SL%	Yếu SL%	Kém SL%
1	Đoàn, Hội có kế hoạch, hoạt động công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng gắn với kế hoạch nhà trường.	197 65.7	91 30.3	12 4		
2	Lựa chọn đề cử CB Đoàn, Hội chủ chốt	163 54.3	123 41	14 4.7		
3	Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, chế độ chính sách cho CB Đoàn - Hội	140 46.7	145 48.3	15 5		
4	Nội dung và hình thức hoạt động của Đoàn - Hội trong nhà trường.	167 55.7	101 33.7	32 10.6		
5	Chủ động tổ chức các phong trào	196 65.3	86 28.7	18 6		
6	Lôi cuốn được đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia hoạt động	167 55.7	113 37.7	20 6.6		
7	Phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn - Hội trong mọi hoạt động	197 65.7	100 33.3	3 1		
8	Hiệu quả các hoạt động của Đoàn - Hội	191 63.7	100 33.3	9 3		

Qua số liệu ở bảng 2.15 chúng tôi thấy hầu hết CBQL trong trường nhận thức được vai trò của Đoàn thanh niên - Hội sinh viên trong tổ chức HĐGDNGCK, nên đã phối kết hợp khá chặt chẽ và tạo điều kiện cho hoạt động của Đoàn. Điều đó được CBQL đánh giá khá tốt từ 80% trở lên ở ở các nội dung khảo sát: Việc đánh giá rất cao tính kế hoạch, chủ động trong công việc của Đoàn - Hội cũng như sự lựa chon cán bộ chủ chốt của Đoàn trường đã thể hiện sự tin tưởng của Nhà trường đối với tổ chức đoàn thể trong Nhà trường do đó Nhà trường tạo mọi cơ sở vật chất điều kiện để tổ chức Đoàn - Hội hoạt động có hiệu quả để cùng Nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

- Một số trường đã phối hợp với gia đình HS, SV trong công tác quản lý, giáo dục bằng cách định kỹ gửi thư thông báo kết quả học tập, tu dưỡng rèn luyện của con em họ cho gia đình biết. Nhà trường lắng nghe ý kiến của các bậc phụ huynh học sinh, SV. Công tác phối hợp với gia đình HS, SV đã trở thành nề nếp thường xuyên với nhiều trường ĐH, CĐ, Trung học chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chỉ đạo, thực hiện chủ trương tăng cường công tác giáo dục thanh thiếu nhi và xây dựng Đoàn, Hội trong Nhà trường.

** Sự phối hợp, cộng tác với công an, chính quyền và nhân dân địa phương trong quản lý, giáo dục sinh viên*

Các Trường ĐH, CĐ đã phối hợp với chính quyền địa phương, với công an các cấp, nhất là công an phường, xã nơi trường đóng trong công tác quản lý SV ngoại trú, phòng chống tội phạm và tệ nạn XH. Nhà trường đã phối hợp với công an làm tốt công tác đăng kí tạm trú, tạm vắng, kiểm tra hộ khẩu, QL SV và trấn áp các đối tượng xấu bên ngoài nhà trường. Công an giúp nhà trường huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác bảo vệ và Đội thanh niên

xung kích bảo vệ an ninh. Một số trường thường xuyên tổ chức giao ban với công an địa phương để nắm tình hình, tổ chức kiểm tra khu ở ngoại trú của HSSV. Trong những năm gần đây, ngành GD&ĐT, chính quyền địa phương, cơ quan công an đã tăng cường công tác quản lý SV trên địa bàn dân cư. Các trường ĐH, CĐ đã phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan công an trong công tác SV ngoại trú nên công tác quản lý SV ngoài ký túc xá có bước chuyển biến tích cực. Theo điều tra của Trung Ương Hội Sinh viên Việt Nam trong phạm vi toàn quốc có 91.4% sinh viên đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, còn 24,3% SV cho rằng chính quyền địa phương chưa thực hiện việc kiểm tra chỗ trọ của SV. Những nơi chính quyền địa phương thực hiện việc kiểm tra chỗ trọ của SV thì mức độ trung bình là 1 quý/1 lần (chiếm 42,1%), mức độ kiểm tra 1 tháng/1 lần (chiếm 31,2%), đáng lưu ý có 27,1% SV cho rằng nhà trường và chính quyền địa phương không có mối liên hệ để quản lý SV, trong khi Bộ GD&ĐT đã triển khai thống nhất trong toàn quốc về sổ quản lý SV ngoại trú, có nhận xét, đánh giá định kỳ của chính quyền địa phương đối với SV thuê trọ. Nhìn chung, công tác quản lý SV ngoài ký túc xá tuy có chuyển biến, nhưng chậm. Việc phối hợp giữa chính quyền địa phương, công an và nhà trường còn nhiều bất cập và hiệu quả còn thấp.

Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội trong quản lý SV

* Phối hợp chặt chẽ với Đoàn TN, Hội SV, chính quyền và gia đình SV trong QL, GD SV ngoài giờ chính khóa.

- Một số trường đã phối hợp với gia đình HS, SV trong công tác quản lý, giáo dục bằng cách định kỹ gửi thư thông báo kết quả học tập, tu dưỡng rèn luyện của con em họ cho gia đình biết. Nhà trường lắng nghe ý kiến của các bậc phụ huynh học sinh, SV. Công tác phối hợp với gia đình HS, SV đã

trở thành nề nếp thường xuyên với nhiều trường ĐH, CĐ, Trung học chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục.

- Bộ GD&ĐT phối hợp với Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chỉ đạo, thực hiện chủ trương tăng cường công tác giáo dục thanh thiếu niên và xây dựng Đoàn, Hội, Đội trong Nhà trường.

** Sự phối hợp, công tác với công an, chính quyền và nhân dân địa phương trong quản lý, giáo dục sinh viên*

Các trường ĐH, CĐ đã phối hợp với chính quyền địa phương, với công an các cấp, nhất là công an phường, xã nơi trường đóng trong công tác quản lý SV ngoại trú, phòng chống tội phạm và tệ nạn XH. Nhà trường đã phối hợp với công an làm tốt công tác đăng kí tạm trú, tạm vắng, kiểm tra hộ khẩu, QL SV và trấn áp các đối tượng xấu bên ngoài nhà trường. Công an giúp nhà trường huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác bảo vệ và Đội thanh niên xung kích bảo vệ an ninh. Một số trường thường xuyên tổ chức giao ban với Công an địa phương để nắm tình hình, tổ chức kiểm tra khu ở ngoại trú của HSSV.

. Chính sách, quy định, cơ chế quản lý liên quan đến QLHĐGDNGCK

Bộ GD&ĐT đã ban hành Quy chế công tác sinh viên, học sinh ngoại trú. Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố đã ban hành quyết định về công tác SV ngoại trú.

Nhiều năm qua, ngành GD đã có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - XH trong công tác phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự trong các trường học, đã đem lại kết quả nhất định.

Thực hiện Thông tư liên bộ số 10 ngày 22/3/2002 giữa Bộ GD&ĐT và Bộ Công an về công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học, cơ sở giáo dục, các kế hoạch liên ngành số 01, 02, 03 về công tác quản lý SV ngoại trú, phòng chống ma túy, hầu hết các Sở GD&ĐT đã ký kế hoạch liên tịch, quy chế phối hợp liên ngành với Công an cấp tỉnh trong công tác đảm bảo an ninh

trật tự, phòng chống tội phạm trong trường học dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo Phòng chống tội phạm, tệ nạn ma túy, mại dâm của tỉnh. Hàng năm đều tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, nhìn chung giữa các trường ĐH với chính quyền địa phương và công an địa phương chưa có sự liên hệ thường xuyên để trao đổi, xác định và giải quyết những vấn đề liên quan đến QLHĐGDNGCK của SV; cũng như phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong SV.

2.4.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV

Bảng 2.16: Đánh giá của CBQLGD về công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV

Công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV	**Tỷ lệ % đánh giá các mức độ**					**Trung bình**
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém	
1. Kiểm tra kế hoạch HĐGDNGCK	0	6,6	79,0	13,9	0,5	3,08
2. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch HĐGDNGCK của SV	0	2,7	81,0	15,9	0,5	3,14
2. Kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch HĐGDNGCK của SV	0,7	4,6	79,8	14,4	0,5	3,09

Công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV chưa được các trường ĐH quan tâm thực hiện. Hầu hết CBQL, GV (từ 79,0% đến 81%) cho rằng công tác này chỉ đạt mức trung bình (từ 79,0% đến 81%); Có một số ý kiến đánh giá các nội dung kiểm tra kế hoạch, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch HĐGDNGCK của SV ở mức độ yếu, kém.

Để có những kết luận khách quan về thực hiện các biện pháp tổ chức HĐGDNGCK, tác giả xin ý kiến đánh giá của CBQL trong trường, kết quả đó được thể hiện ở bảng 2.20.

Bảng 2.17: Cán bộ quản lý đánh giá về tổ chức HĐGDNGCK

TT	Biện pháp	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch	5.7	22.9	42.9	28.5
2	Nắm vững tình hình sinh viên trong nhà trường	10	34.2	28.6	14.2
3	Tổ chức các hoạt động tập thể	42.9	48.6	8.6	0
4	Tổ chức các hoạt động tự quản	5.7	20	57.1	17.2
5	Tổ chức các buổi sinh hoạt có nội dung phong phú	20	51.4	28.6	0
6	Phối hợp với các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp để tổ chức HĐGDNGCK cho SV	17.1	34.3	37.1	11.4
7	Phối hợp với các tổ chức Đoàn thể tổ chức các HĐGDNGCK cho khoa, lớp	34.3	51.4	14.3	0
8	Tổ chức các phong trào thi đua	22.9	28.6	8.6	40
9	Khen chê kịp thời, sơ và tổng kết	5.7	34.3	57.1	2.86
10	Lụa chọn và bồi dưỡng hạt nhân	5.7	31.4	48.6	14.3

Qua số liệu điều tra ở bảng 2.17 cho thấy, CBQL đánh giá mức độ thực hiện các biện pháp giáo dục, tổ chức HĐGDNGCK của Nhà trường chưa cao, đa số các ý kiến đánh giá chỉ ở mức độ trung bình và khá. Chỉ có 2 nội dung: Tổ chức các hoạt động tập thể; phối hợp với các tổ chức đoàn thể; Tổ chức các nội dung sinh hoạt phong phú được đánh giá với tỷ lệ khá tốt trên 70%. Việc xây dựng kế hoạch, nắm vững tình hình sinh viên trong Nhà trường chỉ có hơn 30% điều này chứng tỏ, việc QLHĐGDNGCK chưa có kế hoạch cụ thể, đa số CBQL còn chưa nắm rõ tình hình sinh viên của mình. Việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên tự quản chưa được nhiều, việc tổng kết, khen chê kịp thời chưa được đầu tư đúng mức, công tác lựa chọn hạt nhân nòng cốt chưa được tổ chức thường xuyên. Qua thăm dò khảo sát, tác giả thấy nổi lên ở các trường

một vấn đề đó là: Lãnh đạo nhà trường chỉ tập trung chỉ đạo duy trì nề nếp kỷ cương học tập trong lớp, trong trường để nhằm thực hiện tốt nề nếp dạy - học trên lớp, chứ chưa thực sự quan tâm chỉ đạo tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên, việc tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên chỉ giao cho phòng công tác CTCT-HSSV và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phụ trách, qua kết quả về mặt nhận thức ở trên đã thể hiện rõ vấn đề này. Nghiên cứu sâu về nguyên nhân của vấn đề này tổ chức học tập cho sinh viên các hệ còn chồng chéo nên Nhà trường chỉ chú trọng đến việc ổn định công tác chuyên môn cho sinh viên, các công tác khác chưa được chú trọng nhiều, do đó việc đầu tư cho các HĐGDNGCK cho sinh viên còn chưa đúng mức.

2.5. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới quản lý HĐGDNGCK

Để tìm hiểu sâu hơn mức độ ảnh hưởng tới quản lý HĐGDNGCK của Nhà trường tác giả đã khảo sát thêm một số CBQL và giảng viên trong Nhà trường (20 CBQL và giảng viên) để làm rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến HĐGDNGCK.

* Nhận thức của Giảng viên đối với HĐGDNGCK

Cũng như điều tra ở trên đối với cán bộ quản lý, giảng viên của Nhà trường chưa hình dung cụ thể HĐGDNGCK là làm gì và do ai phụ trách và quản lý như thế nào? Đây là một vấn đề khó khăn rất lớn trong việc chỉ đạo, tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK cho sinh viên Nhà trường. Phần lớn giảng viên được điều tra cho rằng HĐGDNGCK là hoạt động của Đoàn và Hội sinh viên Nhà trường. Chính điều này cho nên một số giáo viên trong đó có giáo viên chủ nhiệm rất bàng quang trong các hoạt động của sinh viên.

* Ảnh hưởng của yếu tố năng lực tổ chức hoạt động tập thể của các khoa, phòng ban có liên quan, các tổ chức Đoàn thể thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.18: Ảnh hưởng của năng lực tổ chức hoạt động tập thể của các khoa, phòng ban, các tổ chức đoàn thể.

Mức độ	**Rất thuận lợi**		**Thuận lợi**		**Bình thường**		**Khó khăn**	
	SL	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**
Khoa, phòng ban	15	5	30	10	6	30	11	55
Đoàn thể	4	20	12	60	5	25	1	5
Lớp	1	5	3	15	4	20	12	60

Yếu tố năng lực tổ chức HĐGDNGCK của các khoa, phòng ban và ở các đơn vị lớp khó khăn còn rất lớn, năng lực tổ chức các HĐGDNGCK nói riêng và các hoạt động khác ngoài công tác chuyên môn còn rất nhiều khó khăn. Qua kết quả ở bảng trên tác giả nhận thấy rằng các tổ chức đoàn thể của Nhà trường hoạt động có hiệu quả, theo báo cáo của các tổ chức này thì đây là những đơn vị dẫn đầu trong tỉnh về hoạt động tổ chức cho sinh viên, qua các khảo sát ở trên cũng chứng tỏ điều này. Việc năng lực tổ chức của các khoa, phòng ban và chi đoàn còn yếu kém và khó khăn sẽ tác động không tốt đến công tác quản lý Nhà trường nói chung và QLHĐGDNGCK nói riêng.

* Tác động của yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính đến QLHĐGDNGCK ở Nhà trường.

Bảng 2.19: Ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính đến QLHĐGDNGCK.

Mức độ	**Rất thuận lợi**		**Thuận lợi**		**Bình thường**		**Khó khăn**	
	SL	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**
Khoa, phòng ban			2	10	7	35	11	55
Đoàn thể	1	5	10	50	6	30	3	15
Lớp					4	20	16	80

Ý kiến đánh giá tác động của yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị tài chính có sự khó khăn rất lớn. Do trường mới sát nhập các cơ sở còn thiếu thốn về phòng học, trang thiết bị phục vụ cho HĐGDNGCK hầu như không có, kinh phí để chi cho HĐGDNGCK không cụ thể, trang thiết bị, và các điều kiện khác còn quá nhiều khó khăn.

Qua phân tích đánh giá ta thấy yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính ở Nhà trường có tác động rất lớn đến việc tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK cho sinh viên.

* Các điều kiện bảo đảm cho QLHĐGDNGCK

Để có thể QLHĐGDNGCK của SV có hiệu quả thì không thể thiếu các điều kiện cần thiết để tạo điều kiện cho các bộ phận chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, kết quả tổng hợp ý kiến của CBQL, GV thể hiện các bộ phận và cá nhân có chức năng QLHĐGDNGCK của SV chưa được cung cấp đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ. Phần đông CBQL, GV đánh giá các điều kiện đảm bảo cho công tác QLHĐGDNGCK của SV ở mức trung bình, yếu, kém. Trong đó việc duy trì hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV được đánh giá thấp nhất - có tới 98,6% số người được hỏi đánh giá điều kiện này ở mức trung bình, yếu, kém; tiếp theo là các điều kiện: Xây dựng và áp dụng tiêu chí đánh giá HĐGDNGCK - 92,0%; Cung cấp nguồn lực cho tổ chức Đoàn, Hội - 90,8%; Xây dựng cơ chế phối hợp, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong và ngoài trường để QLHĐGDNGCK của SV - 90,2%; Đầu tư nâng cao dịch vụ cho SV - 86,8%; Khai thác, sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để thực hiện các nội dung HĐGDNGCK - 84,9%; Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV - 80,2% các ý kiến được hỏi cho rằng ở mức độ trung bình. yếu, kém (Xem bảng 2.25).

Bảng 2.20. Đánh giá của CBQLGD
về các điều kiện bảo đảm cho công tác QLHĐGDNGCK của SV

Điều kiện bảo đảm cho QLHĐGDNGCK	**Tỷ lệ % đánh giá các mức độ**				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1. Tập hợp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về QL SV do cấp trên ban hành	4,4	39,3	38,3	17,6	0,5
2. Xây dựng và triển khai thực hiện các Quy định về công tác QL SV nội trú, ngoại trú của nhà trường	3,4	50,7	41,0	4,9	0
3. Tuyên truyền, GD pháp luật về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH theo chương trình, kế hoạch cụ thể.	0	52,7	45,4	2,0	0
4. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV	0	19,8	69,5	10,7	0
5. Xây dựng cơ chế phối hợp, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong và ngoài trường để QLHĐGDNGCK của SV	0	9,8	80,0	10,2	0
6. Duy trì hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV	0	1,5	49,3	48,3	1,0
7. Kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm, tệ nạn XH	0,7	25,4	47,6	19,5	2,4
8. Cung cấp nguồn lực cho tổ chức Đoàn - Hội chủ động trong hoạt động giáo dục lối sống cho SV	0	9,3	85,9	4,9	0
9. Đầu tư xây dựng, nâng cấp để tăng chỗ ở trong KTX cho SV	0,7	36,3	57,1	5,9	0
10. Xây dựng hệ thống thư viện điện tử	0	52,4	33,7	12,4	1,5
11. Đầu tư nâng cao dịch vụ cho SV: thể thao, giải trí, điện thoại công cộng, internet, căng tin, câu lạc bộ, nhà ăn	0	13,2	72,9	13,9	0
12. Trang bị giáo trình, tài liệu và phương tiện kỹ thuật phục vụ học tập	0,7	42,2	46,3	9,3	1,5
13. Khai thác, sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để thực hiện các nội dung HĐGDNGCK	0	15,1	79,5	5,4	0
14. Xây dựng và áp dụng tiêu chí đánh giá HĐGDNGCK	0	8,0	68,3	23,2	0,5

Đánh giá về việc tạo điều kiện bảo đảm QLHĐGDNGCK, ở một số nội dung SV có đánh giá tích cực so với CBQL, GV như: Ở nội dung xây dựng và triển khai thực hiện các quy định về công tác QLSV nội trú, ngoại trú của Nhà trường có 7,2% số SV được hỏi đánh giá rất tốt, 63,4% đánh giá tốt; việc tuyên truyền, GD pháp luật về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH theo chương trình, kế hoạch cụ thể có 58,6% SV đánh giá rất tốt và tốt; 60,7% SV cho rằng Nhà trường đã đầu tư xây dựng, nâng cấp để tăng chỗ ở trong KTX cho SV ở mức độ tốt và rất tốt; việc xây dựng hệ thống thư viện điện tử được 52,4% SV đánh giá tốt và rất tốt. Tuy trong và ngoài trường để QLHĐGDNGCK của SV bị 91,8% SV đánh giá là trung bình (80%) và yếu (10,2%); đa số SV đánh giá việc đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV ở mức trung bình (91,0%); 87% SV đánh giá việc đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV ở mức trung bình; Tương tự với các nội dung: Khai thác, sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để thực hiện các nội dung HĐGDNGCK - 77,6% đánh giá là trung bình và yếu; việc kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm, tệ nạn XH bị 75,1% SV đánh giá ở mức trung bình và yếu; 72,0% SV cũng đánh giá là trung bình và yếu cho việc đầu tư nâng cao dịch vụ cho SV (Xem bảng 2.26).

Bảng 2.21. Đánh giá của SV về các điều kiện bảo đảm cho công tác QLHĐGDNGCK của SV

Điều kiện bảo đảm cho QLHĐGDNGCK	**Tỷ lệ % đánh giá các mức độ**				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1. Xây dựng và triển khai thực hiện các Quy định về công tác QL SV nội trú, ngoại trú của nhà trường	7,2	63,4	27,2	0	0
2. Tuyên truyền, GD pháp luật về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH theo chương trình, kế hoạch cụ thể.	0,3	58,6	39	0	0
3. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV	1,7	9,0	87,2	0	0
4. Xây dựng cơ chế phối hợp, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong và ngoài trường để QLHĐGDNGCK của SV	0	6,9	91,0	0	0
5. Duy trì hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV	0	6,2	69,7	21,4	0
6. Kiện toàn và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm, tệ nạn XH	2,1	20,7	73,4	1,7	0,7
7. Cung cấp nguồn lực cho tổ chức Đoàn - Hội chủ động trong hoạt động giáo dục lối sống cho SV	2,1	35,5	60,3	0	0
8. Đầu tư xây dựng, nâng cấp để tăng chỗ ở trong KTX cho SV	4,1	56,6	36,9	0,3	0
9. Xây dựng hệ thống thư viện điện tử	4,1	48,3	23,4	17,9	0
10. Đầu tư nâng cao dịch vụ cho SV: thể thao, giải trí, điện thoại công cộng, internet, căng tin, câu lạc bộ, nhà ăn	7,9	17,9	67,9	4,1	0
11. Trang bị giáo trình, tài liệu và phương tiện kỹ thuật phục vụ học tập	4,1	48,6	39	0,3	5,9
12. Khai thác, sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để thực hiện các nội dung HĐGDNGCK	4,1	16,2	68,3	9,3	0

** Hỗ trợ kinh phí; đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ chế vật chất cho các HĐGDNGCK của SV nội, ngoại trú:*

Các trường ĐH đã quan tâm đến việc hỗ trợ kinh phí, đầu tư trang bị cơ sở vật chất cho các HĐGDNGCK của SV nội, ngoại trú như:

- Hỗ trợ kinh phí cho SV tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.

- Đầu tư xây dựng ký túc xá; thư viện; phòng tập thể thao; phòng sinh hoạt văn hóa; sách, báo.

- Nối mạng Internet, phòng máy tính, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ của SV...

Tuy nhiên do đa số các trường ĐH công lập hoạt động bằng nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp, nguồn lực tài chính có hạn nên mặc dù đã có cố gắng nhưng mức kinh phí hỗ trợ chưa đủ để tổ chức được nhiều HĐGDNGCK cho SV, chưa tổ chức được các hoạt động, phòng trào cho đông đảo SV tham gia.

Việc đầu tư xây dựng các công trình như nhà đa năng, phòng tập thể thao; phòng sinh hoạt văn hóa, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ của SV,.... Trang bị chương trình phần mềm quản lý SV, thiết lập được trang web phục vụ trao đổi thông tin với SV.... đòi hỏi một nguồn tài chính lớn nên nhiều trường có nguồn tài chính để xây dựng, trang bị những hạng mục này. Sinh viên không có chỗ để sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao cũng ảnh hưởng đến công tác QLHĐGDNGCK.

- Hầu hết các trường ĐH hiện nay chưa có quy định về việc hỗ trợ kinh phí để giải quyết chế độ chính sách cho CB làm công tác QLSV, SV tự quản...

* Tác động của vị trí địa lý Nhà trường ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng quản lý nhà trường trong đó có chất lượng HĐGDNGCK.

Trong điều kiện Nhà trường mới thành lập, các tổ chức, khoa phòng còn ở nhiều vị trí khác nhau nên việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên gặp

rất nhiều khó khăn, việc tập hợp toàn bộ sinh viên để tổ chức các hoạt động lớn rất khó khăn.

Qua tìm hiểu phân tích sự tác động của các yếu tố trên chúng ta thấy giữa các yếu tố có sự khác biệt trong đánh giá tác động của nó tới công tác QLHĐGDNGCK ở các khoa, phòng. Chúng ta nhận thấy xu hướng tác động của các yếu tố là: Các yếu tố có tác động thuận lợi thì ở khu vực thuận lợi càng thuận lợi hơn, các tác động khó khăn thì ở khu vực khó khăn các yếu tố này càng gây khó khăn hơn cho công tác QLHĐGDNGCK.

2.6. Thực trạng QLHĐGDNGCK của sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Với việc đổi mới sang học chế tín chỉ việc tổ chức và QLHĐGDNGCK cho sinh viên các trường luôn xác định nhiệm vụ chính trị hàng đầu của học sinh, sinh viên là học tập và tập sự nghiên cứu khoa học. Do đó, mọi hoạt động của Nhà trường đều hướng tới việc tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để giúp đỡ, hỗ trợ người học thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Đầu các khóa học và năm học, người học được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của sinh viên. Để tăng cường thêm thông tin và nhận thức của sinh viên về vấn đề học tập, Nhà trường đã biên soạn các tài liệu hướng dẫn, thông báo cụ thể đến sinh viên về các nội dung liên quan, đồng thời cung cấp các thông tin cập nhật trên hệ thống thông tin điện tử, Website của nhà trường nhằm mục đích tạo nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú cho người học.

Công tác quản lí học sinh sinh viên trong nhà trường được tăng cường và đổi mới nhằm tạo môi trường thân thiện, đảm bảo an ninh chính trị, tư tưởng cho người học, đảm bảo sinh hoạt dân chủ trong nhà trường. Người học có ý kiến tham gia xây dựng, phản biện các vấn đề xã hội và chính sách giáo

dục của Nhà trường. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của nhà trường với sinh viên, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm.

Hoạt động tập sự nghiên cứu khoa học được Nhà trường quan tâm đúng mức. Sinh viên đạt các điều kiện học tập đều được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, các sinh viên còn được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của trường.

Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo những tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện học tập, nghiên cứu của người học và người dạy. Hệ thống thư viện sách truyền thống được thiết kế và bố trí một cách khoa học, tiện dụng cho sinh viên tại trường, thông qua các tổ chức của thanh niên trong nhà trường như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, các hình thức hỗ trợ và phát triển giáo dục trong thanh niên được đầu tư đúng mức, đa dạng và phong phú.

Trong các hoạt động tập thể của thanh niên, sinh viên trường được chủ động tham gia và sinh hoạt trong môi trường năng động với nhiều hoạt động khác nhau như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng xã hội. Với các câu lạc bộ (CLB) sở thích sinh viên như: CLB Nữ sinh, CLB việc làm, CLB Khiêu vũ, CLB Võ thuật, CLB Bóng đá, cầu lông, bóng chuyền...người học được tham gia hoạt động văn hóa, rèn luyện thể chất và vui chơi giải trí sau thời gian học tập.

Các hoạt động giao lưu thanh niên, trao đổi sinh viên quốc tế được tổ chức thường xuyên.

Hoạt động thanh niên được các bạn trẻ đón nhận và tham gia nhiệt tình đó là các phong trào thanh niên tình nguyện được Đoàn thanh niên, Hội sinh

viên trường tổ chức liên tục. Những hoạt động trên thực sự là một môi trường trải nghiệm tốt nhất cho những bạn trẻ có khát vọng cống hiến, tìm hiểu và học hỏi những điều mới lạ từ thực tiễn hoạt động. Ở đó sinh viên có thể phát huy hết sức sáng tạo của mình trong các hoạt động giáo dục, môi trường, pháp luật và trau dồi kỹ năng tổ chức, kỹ năng xã hội mà ở môi trường khác không có được điều kiện tiếp xúc, tham gia.

2.7. Nhận xét đánh giá chung

2.7.1. Những kết quả đạt được của QLHĐGDNGCK

Trong những năm qua, nhận thức về vai trò, vị trí của công tác QLHĐGDNGCK của SV của Bộ GD&ĐT, Lãnh đạo các trường ĐH đã được nâng cao.

Các trường ĐH đã tổ chức các mặt HĐGDNGCK theo hướng phát huy tính tự quản của SV như: Tổ chức cho SV tự học, tự nguyện nghiên cứu khoa học; hoạt động văn hóa, thể thao; hoạt động chính trị, xã hội.

Các trường ĐH đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ phận chức năng làm công tác QLHĐGDNGCK của SV như: Tập hợp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về QLSV do cấp trên ban hành; Xây dựng và triển khai thực hiện các Quy định về công tác QLSV nội trú, ngoại trú của nhà trường, Tuyên truyền, GD pháp luật về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH theo chương trình, kế hoạch cụ thể; Xây dựng hệ thống thư viện điện tử; Trang bị giáo trình, tài liệu và phương tiện kỹ thuật phục vụ học tập. Một số trường ĐH đã thành lập và duy trì một số tổ chức tự quản SV như: Đội SV tự quản KTX; Đội SV tình nguyện, các Câu lạc bộ SV,…

Công tác giáo dục, tuy truyền thông qua các hoạt động ngoại khóa đã được tiến hành, có sự cố gắng thể hiện bằng nhiều hình thức sinh động, hấp dẫn để thu hút SV tham gia. Phong trào quần chúng bảo về an ninh tổ quốc, thi đua xây dựng đời sống văn hóa trong trường học được duy trì. Vai trò của

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong nhà trường được đề cao và là lực lượng chủ lực trong việc tạo ra những hoạt động, sân chơi lành mạnh cho HS, SV.

- Sự quan tâm giúp đỡ của các lực lượng xã hội, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, các cấp chính quyền địa phương tạo điều kiện hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần, giúp cho nhà trường tổ chức ngày càng tốt hơn HĐGDNGCK.

- Nội dung của chủ đề hoạt động rất đa dạng, phong phú đề cập nhiều vấn đề đời sống xã hội của đất nước và quốc tế. Qua đó nâng cao hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng của sinh viên. Chính vì vậy sinh viên ham thích tham gia các HĐGDNGCK và hưởng ứng rất sôi nổi.

- Khi tổ chức HĐGDNGCK sẽ làm cho mối quan hệ thầy trò thêm gắn bó, giảng viên và sinh viên có điều kiện quan tâm, hiểu biết nhau hơn, học sinh có cơ hội gần gũi, tìm hiểu giúp đỡ nhau học tập, trao đổi khoa học, mở rộng quan hệ giao lưu, hình thành kỹ năng giao tiếp. Tạo cơ hội cho học sinh được thư giãn, thoải mái sau những giờ học căng thẳng, kích thích sự ham hiểu biết tìm tòi, phát hiện năng khiếu sở trường của sinh viên. HĐGDNGCK làm cho không khí trường lớp sôi nổi, vui vẻ, mọi người cảm thấy gần gũi hoà đồng, gắn bó với nhau, phát huy ở học sinh tư tưởng tập thể, ý thức trách nhiệm, xây dựng bầu không khí đoàn kết, thân ái trong tập thể.

- Đoàn trường và Hội Sinh viên là những đơn vị mạnh trong tỉnh giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức HĐGDNGCK nên đã huy động các giáo viên trẻ là Cán bộ Đoàn, nhiệt tình tham gia các hoạt động, tổ chức thường xuyên cho sinh viên các hoạt động với nhiều ý tưởng mới lạ, phù hợp với đặc điểm của sinh viên trong trường.

- Trong hướng dẫn của Bộ giáo dục đào tạo và Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên chỉ đạo tổ chức các hoạt động cho sinh viên ứng với những nội dung, chương trình cụ thể cho nên Nhà trường đã có sự chỉ đạo lồng ghép chương trình HĐGDNGCK trong kế hoạch của các đơn vị có liên quan.

Tuy nhiên, trong khi QLHĐGDNGCK Nhà trường gặp không ít những khó khăn, vướng mắc, đòi hỏi phải có thời gian, có sự quyết tâm thống nhất hành động cao trong toàn thể Ban Giám hiệu, và trong đội ngũ giảng viên và sinh viên.

2.7.2. Những tồn tại và khó khăn trong HĐGDNGCK

- Một bộ phận CBQL, giảng viên và sinh viên, thậm chí cả Ban Giám hiệu chưa nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của HĐGDNGCK nên việc quản lý và tổ chức chưa đáp ứng được yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Dù vẫn thực hiện theo quy định của cấp trên song nhiều CBQL và giảng viên không hứng thú, trong việc tổ chức HĐGDNGCK như hiện nay là chưa thoả đáng. Khảo sát điều này tác giả nhận thầy rằng do Nhà trường chưa có những khuyến khích, những bồi dưỡng thỏa đáng đối với giảng viên, CBQL làm công tác tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK, phần lớn Giảng viên và CBQL phải chịu thiệt thòi bởi công việc mất nhiều thời gian, công sức trong khi chế độ thanh toán vẫn chưa được cải tiến sửa đổi phù hợp.

- Kinh phí tổ chức HĐGDNGCK cũng là một khó khăn đáng kể của Nhà trường, việc chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động mang tính bất ngờ của cấp trên. Mặt khác vẫn có nhiều học sinh sinh viên không tự giác, không tích cực tham gia vào các HĐGDNGCK với những lý do khách quan và chủ quan khác nhau. Điều đáng nói là HĐGDNGCK chưa thực sự được coi trọng và quan tâm đúng mức ở Nhà trường. Do đó việc tổ chức thực hiện có nơi có lúc thiếu khách quan, thiếu đồng bộ. Bên cạnh đó cơ sở vật chất của Nhà trường nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu lại quá thiếu thốn, phương tiện và điều kiện sinh hoạt đi lại rất khó khăn đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả của việc tổ chức hoạt động này trong nhà trường hiện nay.

- Hệ thống tổ chức và chỉ đạo công tác này chưa được kiện toàn. Trong các trường ĐH chưa có cơ cấu tổ chức thống nhất thực hiện công tác QLHĐGDNGCK của SV; nhiều trường ĐH chưa có văn bản quy định về QLHĐGDNGCK của SV chưa có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho Lãnh đạo trường phụ trách công tác QLHĐGDNGCK.

Hiện nay, hầu hết các trường ĐH chưa có bộ phận chuyên trách tự thực hiện công tác QLHĐGDNGCK;

Mặc dù các trường ĐH đã tổ chức các HĐGDNGCK cho SV, nhưng việc hướng dẫn cho SV thực hiện các mặt HĐGDNGCK lại chưa được quan tâm thích đáng. Đa số các trường ĐH chưa thường xuyên hướng dẫn SV thực hiện các mặt HĐGDNGCK: Hoạt động tự học, tự nghiên cứu; văn hóa, thể thao; hoạt động chính trị, xã hội; hoạt động lao động. Trong đó, CB, GV các trường ĐH gần như không hướng dẫn SV thực hiện các hoạt động lao động - sản xuất - dịch vụ; hoạt động chính trị, xã hội. Do vậy, hầu hết SV chưa có ý thức tốt với việc tham gia hoạt động chính trị, xã hội, nhất là đối với lao động. Từ đó, kết quả thực hiện các mặt HĐGDNGCK không có kết quả tốt, hầu hết chỉ đạt ở mức độ trung bình. Hầu hết, các trường ĐH có kết quả hoạt động lao động của SV đạt được ở mức độ kém.

Công tác quản lý các mặt HĐGDNGCK: Hoạt động tự học, tự nghiên cứu; văn hóa, thể thao; hoạt động chính trị - xã hội; hoạt động lao động chưa đạt hiệu quả cao, việc tổ chức các hoạt động còn nặng nề về hình thức.

- GV chưa tạo được hứng thú học tập cho SV. Việc tổ chức hoạt động tự học; hoạt động ngoại khóa; các câu lạc bộ học thuật, chuyên môn nghiệp vụ, văn hóa nghệ thuật; hoạt động thể dục thể thao cho SV tại các trường ĐH chưa được các CBQL, GV quan tâm hướng dẫn, cũng như tạo điều kiện cho SV tham gia hoạt động hiệu quả.

- Các hoạt động văn hóa - thể thao của SV tại phần lớp các trường ĐH chưa được tổ chức theo kế hoạch, chưa được duy trì thường xuyên, chưa tạo

được sân chơi lành mạnh, bổ ích để thu hút mọi thành phần SV tham gia. Hầu hết các trường ĐH chưa quan tâm đến việc đề ra biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao cho SV.

- Lãnh đạo các trường ĐH cũng chưa quan tâm thích đáng đến việc xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp thực hiện hoạt động chính trị - xã hội cũng như đảm bảo điều kiện cho SV thực hiện hoạt động chính trị - xã hội. Chưa quan tâm đến việc kiểm tra kết quả các thực hiện hoạt động chính trị - xã hội của SV.

- Công tác QL hoạt động lao động của SV rất ít được các trường ĐH quan tâm. Hầu hết các trường ĐH chưa đề ra các biện pháp giúp SV thực hiện hoạt động lao động.

- Công tác chỉ đạo thực hiện các mặt HĐGDNGCK của SV còn hạn chế.

- Công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV chưa được các trường ĐH quan tâm với tất cả các nội dung kiểm tra: Kiểm tra kế hoạch, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch HĐGDNGCK của SV. Tại phần lớn các trường ĐH, công tác này chưa được quan tâm thỏa đáng, đôi khi chưa tiến hành kiểm tra hay kiểm tra chỉ mang tính hình thức. Vì vậy, hiệu quả mang lại còn rất hạn chế.

- Các bộ phận và cá nhân có chức năng QLHĐGDNGCK của SV chưa được cung cấp đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ. Hầu hết các điều kiện đảm bảo cho công tác QLHĐGDNGCK của SV ở mức trung bình, yếu, kém. Nhiều trường ĐH chưa duy trì hoạt động của Trung tâm tư vấn và hỗ trợ SV; chưa xây dựng và áp dụng tiêu chí đánh giá HĐGDNGCK; Nguồn lực được cung cấp cho tổ chức Đoàn, Hội còn hạn hẹp, chưa đủ đáp ứng nhu cầu QL các mặt HĐGDNGCK của SV; Chưa xây dựng được cơ chế phối hợp, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong và ngoài trường để QLHĐGDNGCK của SV; chưa đầu tư nâng cao các loại dịch vụ cho SV; chưa quan tâm đến việc khai thác, sử dụng

có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để thực hiện các nội dung HĐGDNGCK; chưa đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền về phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV.

- Công tác quản lý SV vẫn chưa được các cấp ủy Đảng, Lãnh đạo Nhà trường và số đông cán bộ, giáo viên quan tâm thích đáng; phương thức tiến hành còn nhiều lúng túng, nặng về bề nổi, chưa có chiều sâu, chưa gắn chặt với thực tiễn cuộc sống. Việc gắn giảng dậy chuyên môn với công tác quản lý SV, giáo dục đạo đức cho SV chưa được tiến hành đồng bộ.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý SV còn thiếu và hạn chế về kiến thức. Nhìn chung năng lực còn bất cập, không được bồi dưỡng lý luận thường xuyên, chưa kịp yêu cầu của công tác quản lý SV, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho SV trong tình hình mới. Chưa quan tâm thích đáng đến việc huy động SV tham gia vào công tác QLSV.

- Mô hình tổ chức, tên gọi, chức năng của các tổ chức làm công tác QLSV ở các trường ĐH, CĐ chưa thống nhất: Có nơi là phòng công tác HS-SV, có nơi là phòng công tác chính trị và công tác SV, có nơi là Ban Công tác Chính trị và QLSV trực thuộc phòng Đào tạo hoặc Ban Giám hiệu.

- Chất lượng triển khai công tác QLHĐGDNGCK của SV ở một số nơi chưa cao, có trường còn mang tính hình thức, hô hào chung chung, chỉ mới phổ biến mà chưa có nội dung chương trình hành động cụ thể nào hoặc đề ra kế hoạch nhưng không tổ chức thực hiện, không có sự chỉ đạo kiên quyết.

- Một số trường chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong công tác tổ chức các HĐGDNGCK cho SV, phòng chống tội phạm và tệ nạn XH trong SV; Phân công trách nhiệm không rõ ràng cho các thành viên Ban chỉ đạo, cho các phòng, ban trong trường; Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm của trường thiếu kiểm tra đôn đốc,

đánh giá, hướng dẫn, uốn nắn lệch lạc hoặc động viên khen thưởng chưa kịp thời trong quá trình thực hiện nên chưa động việc được phong trào.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật, chấp hành quy chế, nội quy cho SV của một số Nhà trường chưa thường xuyên, đầy đủ và chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Hoạt động giáo dục ngoại khóa chưa được xây dựng có tính hệ thống, theo chương trình giáo dục cụ thể; hình thức tổ chức ở một số trường chưa sinh động, hấp dẫn, chưa thu hút được nhiều SV tham gia.

Còn những bất cập trong xác định cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị cũng như việc phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và XH.

- Sự phối hợp giữa giáo dục giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội ở một số địa phương chưa được chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên.

- Ngân sách giành cho tổ chức các HĐGDNGCK cho SV còn hết sức khó khăn. Hầu hết các trường chưa bố trí kinh phí dành cho công tác này thành một khoản riêng để các đơn vị chức năng chủ động triển khai công việc. Bên cạnh đó, các đơn vị được giao nhiệm vụ cũng chưa chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, dự trù kinh phí phù hợp để có thể triển khai các HĐGDNGCK cho SV đạt hiệu quả.

2.7.3. Những nguyên nhân của yếu kém

Có nhiều nguyên nhân của thực trạng đã phân tích ở trên, tuy nhiên theo tác giả thì có một số nguyên nhân chính sau:

2.7.3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên nhận thức chưa đúng về HĐGDNGCK, vì vậy chưa quan tâm đầu tư đúng mức cho quản lý và tổ chức hoạt động này trong Nhà trường. Mặt khác, CBQL và một số giảng viên được giao nhiệm vụ chưa phát huy hết năng lực của mình, chưa thực hiện được việc bàn bạc và thống nhất với hội đồng sư phạm Nhà trường để xây dựng chương

trình, kế hoạch tổ chức HĐGDNGCK cho các lớp trong phạm vi Nhà trường. Họ chưa có vai trò cố vấn cho Lãnh đạo Nhà trường trong việc lựa chọn nội dung và hình thức, phương thức tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên.

- Đa số giảng viên chưa được đào tạo nghiệp vụ tổ chức HĐGDNGCK trong Nhà trường, nên việc tổ chức hoạt động này chỉ trông chờ vào khả năng vốn có của một số giáo viên trong trường. Do đó hiệu quả của việc quản lý, tổ chức hoạt động này bị hạn chế.

- Trước hết, các cấp quản lý ngành GD&ĐT cũng như các cấp, ngành hữu quan chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của việc phát huy tính tự quản của SV trong HĐGDNGCK và trong QL quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho SV. Từ đó chưa có sự chỉ đạo, điều hành sát sao, phù hợp.

- Chưa có một mô hình thống nhất (trong đó cơ cấu tổ chức, các giá trị, mối quan hê, chức năng,.... được quy định rõ ràng, cụ thể) để có thể phát huy tinh thần tự quản của SV trong QL hiệu quả các mặt HĐGDNGCK của SV.

- Chưa quan tâm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch QLHĐGDNGCK theo quan điểm phát huy tự quản của SV, thiếu kiểm tra đôn đốc một cách thường xuyên, giao khoán cho Phòng công tác HS-SV chuyên lo việc QLSV nên hiệu quả công tác này còn thấp.

- Các trường ĐH quan tâm nhiều đến việc dạy chữ mà chưa quan tâm đúng mức đến việc dạy người; quan niệm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong Nhà trường là việc phụ, trách nhiệm chính của lực lượng công an, Nhà trường chỉ hỗ trợ, phối hợp. Từ đó dẫn đến phương pháp giáo dục nói chung và phương pháp giáo dục pháp luật, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội nói riêng còn chậm được đổi mới, nhiều khi còn thụ động.

- Trong công tác tổ chức HĐGDNGCK của SV hiện nay chưa phát huy được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tinh thần tự quản của SV và tập thể SV.

- Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính của các Nhà trường cũng góp phần hạn chế chất lượng QLHĐGDNGCK trong các Nhà trường.

2.7.3.2. Nguyên nhân khách quan

Do cách đánh giá Nhà trường, đánh giá giáo viên, đánh giá học sinh của ngành, của xã hội chủ yếu căn cứ vào kết quả của hoạt động Dạy-Học đã khiến các Nhà trường chỉ tập trung vào hoạt động này, ít quan tâm tới HĐGDNGCK. Mặt khác các công tác cho sinh viên trong Nhà trường còn chồng chéo giữa các bộ phận, các tổ chức đoàn thể nên việc tổ chức và quản lý các HĐGDNGCK chư có hiệu quả và khoa học.

- Sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự bùng nổ về công nghệ thông tin mang theo những mặt trái tiêu cực đã tác động không nhỏ đến tâm lý, tình cảm của SV và cán bộ, nhà giáo.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chưa triệt để, chưa đủ sức răn đe.

- Kinh phí dành cho GD tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Một số yêu cầu về điều kiện đời sống, vật chất và tinh thần của SV vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, chưa đáp ứng, từ đó việc cân đối kinh phí dành cho HĐGDNGCK của SV ở các cơ sở giáo dục ĐH gặp nhiều khó khăn (nhiều trường không có sân chơi, bãi tập; ký túc xá chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu của SV; nhiều trường không bố trí được kinh phí để triển khai các HĐGDNGCK của SV và giáo dục phòng chống tội phạm).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án đã nghiên cứu thực trạng QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các trường ĐH hiện nay trên cơ sở khung lý luận đã được trình bày trong chương 1.

Luận án đã nghiên cứu Tổng thực trạng các mặt hoạt động ngoài giờ chính khóa của SV trường ĐH.

Luận án cũng đã tiến hành khảo sát thực trạng thực hiện các nội dung QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các trường ĐH để làm cớ sở phân tích, đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác QLHĐGDNGCK tại các trường ĐH hiện nay. Bên cạnh việc nghiên cứu thực trạng QLHĐGDNGCK của SV hệ chính quy các Trường ĐH Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, để có thể nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK tại các trường ĐH hiện nay đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục thì cần phải tìm ra các giải pháp quản lý nhằm khắc phục những tồn tại về: Nhận thức của CBQL, GV về QLHĐGDNGCK; Công tác tổ chức QLHĐGDNGCK; Kế hoạch HĐGDNGCK của SV; Tổ chức thực hiện các nội dung HĐGDNGCK của SV; Chỉ đạo HĐGDNGCK của SV; QL việc kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV; Đồng thời phải có biện pháp khắc phục tồn tại trong phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội trong quản lý SV; trong chính sách, quy định, cơ chế QL liên quan đến HĐGDNGCK của SV.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Giải pháp QLHĐGDNGCK của SV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phải đảm bảo tính khoa học. Các giải pháp phải được nghiên cứu, đề xuất dựa trên cơ sở khoa học và tuân thủ qui định về QL SV, qui định về QL quá trình GD-ĐT của Bộ GD&ĐT, của các cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó, việc xây dựng giải pháp QLHĐGDNGCK của SV phải phù hợp với mục tiêu giáo dục, kế hoạch và phù hợp với điều kiện của các trường ĐH cũng như nhu cầu phát triển của XH.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, nhất quán

Các giải pháp được đề xuất phải giúp giải quyết và nâng cao chất lượng công tác QLHĐGDNGCK của SV tại các trường ĐH.

Các giải pháp phải đảm bảo không mâu thuẫn trong quá trình triển khai hỗ trợ, bổ sung cho nhau góp phần nâng cao chất lượng QLHĐGDNGCK của SV theo quan điểm tổng thể;

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Các giải pháp đề xuất phải dựa trên sự phân tích đánh giá đúng thực trạng QLGDNGCK của SV các trường ĐH, nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu cùng với những cơ hội và thách thức để lựa chọn các giải pháp phù hợp.

Các giải pháp đề xuất phải phù hợp với khả năng thực hiện của đội ngũ CBQL, GV và chuyên viên, nhân viên trong các trường ĐH. Trong quá trình đề xuất giải pháp phải dự báo được những biến động và khả năng thích ứng của hệ thống GD ĐH. Để đạt được những điều này, khi xây dựng hệ thống các giải pháp phải đảm bảo tính khoa học trong qui trình với các bước tiến hành cụ thể, chính xác.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo phát huy được vai trò của chủ thể và các yếu tố của QLHĐGDNGCK

GDNGCK tại trường ĐH là một quá trình phức tạp bị chi phối, chế ước bởi những yếu tố khách quan và chủ quan, đó là những quy luật của quá trình phát triển nhân cách; đó là những yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường, mục tiêu giáo dục chung của thời kỳ CNH, HĐH; đó là quy luật của quá trình nhận thức, sự vận động có ý thức của các chủ thể tham gia vào quá trình GDNGCK trong và ngoài Nhà trường ĐH. QLHĐGDNGCK phụ thuộc vào rất nhiều các thành tố. Vì vậy, QLHĐGDNGCK phải có một hệ thống giải pháp tác động vào các yếu tố, trước hết là các chủ thể tham gia. Các giải pháp phải phát huy tính tích cực, nhu cầu, hứng thú…của SV; phải nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ CBQL, GV; phát triển mối quan hệ với địa phương, với các tổ chức XH và các cơ quan kinh tế, văn hóa đóng trên địa bàn thì quá trình GDNGCK mới thực sự có hiệu quả bền vững.

Trong QLHĐGDNGCK cần tăng cường tuyên truyền, vận động giáo dục nâng cao nhận thức cho tất cả mọi người, chỉ chừng nào mọi người nhận thấy ý nghĩa của việc làm, có ý thức trách nhiệm cao…thì mới có sáng tạo, tự nguyện, tự giác tham gia vào công tác QLHĐGDNGCK của SV.

3.1.5. QLHĐGDNGCK phải đảm bảo tính đồng bộ, tác động vào các khâu của quá trình rèn luyện của SV

Nguyên tắc này yêu cầu phải đảm bảo sự thống nhất và sự kết hợp giữa các quá trình dạy học và giáo dục, giáo dục trong Nhà trường và ngoài Nhà trường, trong đó Nhà trường phải đóng vai trò trung tâm. Quá trình GDNGCK phải gắn với hoạt động chính trị - xã hội, với thực tế cuộc sống của địa phương, của đất nước.

Giải pháp quản lý phải tác động vào các khâu của quá trình giáo dục: Nhận thức; hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin; hình thành thói quen hành vi. Ba khâu này có liên quan chặt chẽ với nhau, không thể tách rời nhau, có quan hệ biện chứng với nhau.

3.2. Các biện pháp QLHĐGDNGCK của sinh viên các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

3.2.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm làm cho cán bộ giáo viên và sinh viên nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của HĐGDNGCK. Từ đó ý thức được trách nhiệm của mình đối với HĐGDNGCK.

** Nội dung và cách thực hiện:*

Phân tích thực trạng cho thấy, một số bộ phận không nhỏ CBQL và giảng viên chưa nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của HĐGDNGCK, dẫn đến thái độ thờ ơ, lẩn tránh việc tham gia tổ chức hoạt động, đặc biệt có CB giảng viên ngăn cản không cho sinh viên tham gia. Muốn quản lý tốt tổ chức HĐGDNGCK thì Lãnh đạo Nhà trường phải tổ chức tuyên truyền giải thích cho cán bộ, giảng viên hiểu một cách sâu sắc về HĐGDNGCK, từ đó thay đổi hoạt động của họ đối với HĐGDNGCK. Cần phải làm cho họ hiểu rằng, việc tổ chức hoạt động không phải việc riêng của Đoàn - Hội mà là việc làm của cả tập thể Cán bộ trong Nhà trường, bên cạnh nhiệm vụ dạy học trên lớp. Bên cạnh việc tuyên truyền, Lãnh đạo nhà trường cần đưa vào tiêu chuẩn thi đua việc tham gia tổ chức HĐGDNGCK đối với giảng viên và CBQL để hỗ trợ cho việc tuyên truyền. Chỉ khi nào có sự tham gia tích cực của tập thể CBGV của Nhà trường thì HĐGDNGCK mới đạt được chất lượng và hiệu quả cao.

Qua thực tiễn và kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức của CBQL, GV các trường ĐH về QLHĐGDNGCK chưa thật phù hợp với vai trò, vị trí của công tác này. Họ chưa nhận thức rõ ràng vai trò của QLHĐGDNGCK, đặc biệt chưa thấy rõ, quan tâm đúng mức tới việc phát huy tính độc lập, tích cực của SV trong thực hiện và QLHĐGDNGCK. Vì vậy, cần phải tổ chức tuyên truyền để CBQL, GV thấy được tầm quan trọng của công tác QLHĐGDNGCK trong

quá trình dạy học - giáo dục ở trường, từ đó phát huy tinh thần cộng đồng trách nhiệm trong việc QLHĐGDNGCK của SV. Bởi lẽ, nhận thức đúng mới có hành động đúng.

Cần tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho CBQL, GV; từ các cấp ủy Đảng, Chính quyền cho đến các đoàn thể trong toàn trường và các tổ chức xã hội, làm cho họ hiểu rõ vị trí, vai trò của GDNGCK trong trường ĐH đối với giáo dục toàn diện SV, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay; nhận thức được trách nhiệm của mọi người, của cả xã hội trong QLHĐGDNGCK cũng nhằm đạt được sự nhất quán trong nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện và cách thức huy động tiềm năng của xã hội thực hiện công tác GDNGCK cho SV. Đồng thời làm cho bản thân từng SV và tập thể SV nhận thức được và có ý thức tự quản trong thực hiện các mặt GDNGCK và tích cực, chủ động tham gia QLHĐGDNGCK.

Đầu mỗi năm học, sau khi xây dựng kế hoạch năm học Lãnh đạo Nhà trường tổ chức quán triệt cho toàn thể CBQL và giảng viên trong Nhà trường về nhiệm vụ năm học trong đó có nội dung về HĐGDNGCK (có thể cung cấp tài liệu về HĐGDNGCK và tổ chức thảo luận trong các khoa, phòng ban). Trong những cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý Lãnh đạo Nhà trường cần phổ biến mục đích yêu cầu, nội dung của chủ điểm hoạt động trong tháng cho các bộ phận và cá nhân cụ thể. Như vậy CBQL và giảng viên của Nhà trường sẽ hiểu rõ được mục đích yêu cầu và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động này.

- Khi tổ chức các HĐGDNGCK của SV, Lãnh đạo trường ĐH cần tuyên truyền, phổ biến để mọi thành viên trong Nhà trường hiểu rõ rằng trong xu thế phát triển của GD&ĐT ngày nay, cần nghiên cứu và áp dụng các giải pháp để biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Đó là nhiệm vụ của toàn thể các thành viên trong nhà trường.

- Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận chức năng tập hợp những chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT về công tác QLSV và văn bản liên quan đến QLHĐGDNGCK của SV theo hướng tăng cường tự quản của SV để tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong toàn trường; chỉ đạo việc biên soạn, phát hành Sổ tay sinh viên của trường. Những văn bản về QLSV, về QLHĐGDNGCK của SV có thể đưa vào sổ tay sinh viên.

Hiệu trưởng quán triệt việc thực hiện nghiêm túc những chủ trương, chính sách, văn bản quy định về QLSV, về QLHĐGDNGCK của SV trong những buổi hội nghị, buổi họp chung toàn trường. Tập hợp những văn bản quy định QLSV, QLHĐGDNGCK của SV được đưa lên website của trường và được in, đóng quyển gửi tới từng đơn vị, tập thể lớp SV để toàn thể CBQL, GV, nhân viên, SV nghiên cứu triển khai thực hiện.

Nhà trường phổ biến tới các đơn vị trong trường, các khoa, bộ môn những nội dung liên quan đến công tác QLHĐGDNGCK của SV theo chương trình, kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường như: Các phong trào văn hóa - văn nghệ, y tế, thể thao; sinh hoạt CLB, chương trình đào tạo - bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV, chương trình tư vấn hướng nghiệp, việc làm cho SV; kế hoạch của các đội, nhóm SV tự quản giữ gìn an ninh trật tự trong KTX và trong khu giảng đường…; cơ chế phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ…

Trong suốt năm học, qua các cuộc hội nghị, cuộc họp Hiệu trưởng cần thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc các bộ phận chức năng thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ đã được quy định và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận khác trong QLHĐGDNGCK của SV; đồng thời quán triệt quan điểm khuyến khích tinh thần tự quản của SV, tập thể SV trong các HĐGDNGCK.

- Các bộ phận chức năng liên quan đến QLSV, QLHĐGDNGCK của SV thường xuyên tập hợp thông tin về tình hình QLHĐGDNGCK của SV để báo

cáo Lãnh đạo trường. Thông qua việc thường xuyên giám sát quá trình QLHĐGDNGCK trong năm học, Lãnh đạo trường kịp thời ban hành những quyết định QL về những nội dung QLHĐGDNGCK; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động QLHĐGDNGCK của SV theo quan điểm tăng cường tự quản.

- Tuyên truyền, vận động thông qua các phong trào thi đua bằng nhiều hình thức khác nhau như: Băng roll, áp phích, khẩu hiệu, tờ rơi…

** Điều kiện thực hiện*

Để đạt được mục tiêu trên, điều trước tiên là Lãnh đạo các cấp trong và ngoài ngành GD&ĐT, Lãnh đạo trường ĐH phải nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác QLHĐGDNGCK; từ đó quá trình thay đổi nhận thức con người vô cùng khó khăn, phức tạp. Muốn thực hiện thành công quá trình biến đổi nhận thức của con người cần có sự kiên trì, bền bỉ, quyết tâm; sự tác động từ nhiều phía, bằng nhiều hoạt động đa dạng, linh hoạt; đồng thời cần sự ủng hộ, phối hợp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong và ngoài trường cả về chủ trương lẫn đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí.

3.2.2.Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK.

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm giúp Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tốt kế hoạch HĐGDNGCK của Nhà trường, kiểm tra đánh giá được HĐGDNGCK, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng trong Nhà trường, tránh các hoạt động ở trong Nhà trường chồng chéo lên nhau.

** Nội dung và cách thực hiện:*

Qua phân tích, khảo sát ở chương thực trạng, chúng tôi thấy ở các trường đại học chưa thành lập ban chỉ đạo HĐGDNGCK, việc chỉ đạo chủ yếu là giao cho cán bộ Đoàn - Hội và phòng công tác chính trị - học sinh sinh viên phụ trách cho nên công tác quản lý chưa khoa học và hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng QLHĐGDNGCK, trước tiên Nhà trường cần thành lập ban chỉ đạo HĐGDNGCK, Ban chỉ đạo HĐGDNGCK phải cố gắng tổ

chức và hoạt động theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung ương Đoàn: "Mỗi trường thành lập ban chỉ đạo (hay điều hành) các HĐGDNGCK dưới sự chủ trì của Hiệu trưởng (hay Phó Hiệu trưởng) với sự tham gia của Bí thư Đoàn trường và một số giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm phụ trách các hoạt động". Theo thông tư 32, nhiệm vụ cơ bản của ban chỉ đạo là giúp Hiệu trưởng QLHĐGDNGCK, cụ thể là: "Ban chỉ đạo có nhiệm vụ"

1. Giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chương trình hoạt động hàng năm và chỉ đạo thực hiện chương trình kế hoạch đó.

2. Tổ chức thực hiện những hoạt động lớn, quy mô trường và thực hiện sự phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn, các lực lượng giáo dục khác ngoài Nhà trường trong các hoạt động.

3. Tổ chức hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm lớp và các cán bộ Đoàn, lớp tiến hành các hoạt động ở đơn vị mình có hiệu quả.

4. Giúp Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả giáo dục của hoạt động".

Trên cơ sở thông tư 32, kết hợp với yêu cầu của thực tiễn giáo dục hiện nay, chúng tôi xin đề xuất việc tổ chức ban chỉ đạo HĐGDNGCK như sau:

Thành phần bao gồm:

+ Trưởng ban: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng.

+ Các thành viên: Phòng công tác CT-HSSV, Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên, Lãnh đạo các khoa phòng ban trong Nhà trường, đại diện BCH Công đoàn, một số giáo viên có năng lực trong các lĩnh vực hoạt động.

Ban chỉ đạo HĐGDNGCK sẽ trực tiếp chỉ đạo 6 tiểu ban ứng với 6 nội dung hoạt động:

1. Tiểu ban tổ chức hoạt động chính trị - xã hội.

2. Tiểu ban tìm hiểu hoạt động nghiên cứu khoa học sáng tạo trẻ.

3. Tiểu ban tổ chức hoạt động văn nghệ, TDTT.

4. Tiểu ban tổ chức các hoạt động xã hội nhân đạo từ thiện.

5. Tiểu ban tổ chức cắm trại, tham quan du lịch, giao lưu văn nghệ.

6. Tiểu ban tổ chức giáo dục môi trường, dân số, phòng chống ma tuý.

Đây là mô hình đề xuất, số lượng tiểu ban do điều kiện cụ thể của nhà trường quyết định. Điều quan trọng là chọn được các trưởng tiểu ban là những người có năng lực và có tâm huyết với nghề nghiệp và yêu thích với các hoạt động tổ chức cho SV.

Sau khi đã thành lập hoặc củng cố ban chỉ đạo, điều quan trọng là phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của ban. Phối hợp chặt chẽ các hoạt động giữa các tiểu ban. Duy trì đều đặn chế độ giao ban hàng tháng để định kế hoạch tháng và tổng kết rút kinh nghiệm việc tổ chức hoạt động tháng trước.

Điều kiện thực hiện

Để thực hiện được biện pháp này thì chúng ta cần phải:

1. Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giảng viên và ban chỉ đạo HĐGDNGCK.

2. Nhà trường hết sức chú ý tạo điều kiện, quan tâm giúp đỡ về kinh phí và quỹ thời gian để các ban này có điều kiện hoạt động.

3.2.3. Kế hoạch hoá HĐGDNGCK

** Mục tiêu của biện pháp:*

Nhằm đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống và tính hướng đích của các hoạt động, xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK vào trong kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường, và QLHĐGDNGCK cũng phải bắt đầu từ việc xây dựng kế hoạch, kế hoạch HĐGDNGCK phải được đưa vào kế hoạch chung của nhà trường, được hội đồng trường bàn bạc và thông qua vào đầu năm học. Qua phân tích, đánh giá công tác QLHĐGDNGCK ở chương thực trạng cho thấy, Nhà trường chưa xây dựng riêng kế hoạch của HĐGDNGCK cho sinh viên, chỉ xây dựng một số chỉ tiêu cần đạt cho một vài hoạt động và thông qua các tổ chức Đoàn thể và các phòng ban liên quan.Vì vậy Nhà trường cần xây dựng kế hoạch năm cho mảng HĐGDNGCK.

Xây dựng được kế hoạh chiến lược và kế hoạch cụ thể về QL HĐGDNGCK của SV cho từng năm học, từng học kỳ của toàn trường cũng như của từng khoa thống nhất với kế hoạch GD-ĐT và các HĐ khác trong trường ĐH sẽ định hướng HĐGDNGCK trong các trường ĐH và đảm bảo cho kế hoạch vừa có tính thực tiễn, vừa có tính khả thi. Việc xây dựng các loại kế hoạch có sự tham gia của SV, các lực lượng XH vào việc xây dựng các kế hoạch hoạt động cũng là một yếu tố góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của SV và các lực lượng XH trong công tác QL HĐGDNGCK và nâng cao hiệu quả của công tác này.

** Nội dung và cách thực hiện*

+ Yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch HĐGDNGCK:

1. Trong kế hoạch cần chọn lọc các hoạt động phù hợp, xác định các chủ điểm cho từng thời gian.

2. Kế hoạch phải được xây dựng phù hợp với điều kiện của Nhà trường, đáp ứng nhiệm vụ giáo dục của năm học và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Phải có kế hoạch, lịch hoạt động cho toàn trường, cho từng khối lớp, cho từng thời kỳ tiến tới ổn định thành nề nếp.

4. Có kế hoạch hoạt động đều đặn, cân đối từ đầu năm cho đến cuối năm học và trong hè.

5. Có lịch hoạt động hàng ngày, hàng tuần, tháng, học kỳ.

6. Kế hoạch HĐGDNGCK phải được xây dựng trên cơ sở kế hoạch Nhà trường, trong mối quan hệ với các hoạt động khác của Nhà trường như: Kế hoạch dạy - học, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất…

Để có thể QL HĐGDNGCK của SV có kết quả, nhà trường cần quan tâm xây dựng kế hoạch QL HĐGDNGCK của SV đồng bộ với kế hoạch hoạt động của các đơn vị chức năng trong trường.

Căn cứ vào chủ trương, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như của chính quyền địa phương về kinh tế- xã hội, về giáo dục Hiệu trưởng cần

quan tâm chỉ đạo việc xây dựng chiến lược công tác QL HĐGDNGCK của SV và kế hoạch hoạt động cụ thể, ở từng khoảng thời gian, giai đoạn cho QL HĐGDNGCK. Đồng thời đề ra biện pháp cụ thể để thực hiện các loại kế hoạch;

Việc xây dựng chiến lược và kế hoạch cho các mặt HĐGDNGCK của SV phải tuân theo quy trình khoa học. Các mục tiêu, kế hoạch phải được xem xét dựa trên các căn cứ: Cơ sở pháp lý; cơ sở thực tiễn; thực trạng phát triển các mặt hoạt động nói chung và HĐGDNGCK của từng trường ĐH, Học viện; khả năng đáp ứng về các nguồn lực.Kế hoạch HĐGDNGCK của SV phải được xây dựng và triển khai thực hiện thống nhất với kế hoạch của các mặt hoạt động khác trong trường, đặc biệt là theo kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Trong mỗi bản kế hoạch HĐGDNGCK của SV cần cố gắng làm rõ các công việc cần tiến hành, thời gian, địa điểm thực hiện, các nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc.

Trung tâm Hỗ trợ SV phối hợp với Phòng Công tác HS-SV, Phòng Đào tạo, các phòng, các khoa, trung tâm,…có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ SV, kế hoạch HĐGDNGCK cho SV theo học kỳ, năm học, chuẩn bị cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, HĐGDNGCK.

Hiệu trưởng cần quyết định kế hoạch dựa trên thái độ thực tế sau khi đã trao đổi, bàn bạc dân chủ công khai với các cán bộ, giảng viên trong trường. Khi xây dựng chiến lược và các kế hoạch cần huy động được sự tham gia của các cán bộ, giảng viên; có thăm dò, khảo sát ý kiến về nhu cầu của SV trong học tập và đời sống…

Sau khi hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, cần phổ biến những bản kế hoạch HĐGDNGCK của SV tới toàn thể các đơn vị và cá nhân trong trường để họ thực hiện và phối hợp thực hiện. Trong mỗi bản kế hoạch HĐGDNGCK của SV phải thể hiện được tiến trình thực hiện, phương án thực hiện, thời gian thực hiện cụ thể với các hoạt động; cần quy định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, từng cá nhân với từng hoạt động cụ thể. Với những

hoạt động cần có sự phối hợp của nhiều người, nhiều bộ phận cũng phải xác định trách nhiệm của từng người, từng bộ phận và quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các bộ phận, cá nhân trong quá trình thực hiện hoạt động.

Nhà trường cần cung cấp đủ nguồn lực đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ và tổ chức thực hiện HĐGDNGCK của SV có hiệu quả nhất góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt mục tiêu GD& ĐT đã đề ra.

Xây dựng kế hoạch, đồng thời chỉ đạo thực hiện các nội dung của công tác QLHĐGDNGCK; phối kết hợp với công tác QL SV đối với SV năm thứ nhất từ khâu đón SV, làm thủ tục nhập học. Đối với SV năm thứ hai, nhà trường chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ SV phối hợp với các phòng ban chức năng khác trong trường, đặc biệt là GV chủ nhiệm, người tư vấn học tập tổ chức cho sinh viên HĐGDNGCKL đúng kế hoạch

Phối hợp với GV chủ nhiệm, người tư vấn học tập đôn đốc SV thực hiện kế hoạch HĐGDNGLL theo kế hoạch của nhà trường, của Trung tâm Hỗ trợ SV

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động cả năm giúp cho Lãnh đạo Nhà trường có cái nhìn bao quát về HĐGDNGCK diễn ra trong một năm và có sự phân phối các nguồn lực cho hoạt động này một cách hợp lý, các bộ phận và cá nhân chủ động trong việc chuẩn bị cho các hoạt động đã dự kiến ngay từ đầu năm học.

Điều kiện thực hiện

Các đơn vị, bộ phận trong trường phải nắm chắc tình hình của đơn vị mình, nghiêm chỉnh thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

Đảm bảo sự phân công nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền giữa các phòng, khoa và các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và tổ chức tự quản của SV một cách hợp lý, đúng đắn, có hiệu quả, có điều kiện đáp ứng với yêu cầu thực hiện kế hoạch. Kế hoạch được xây dựng theo quy trình khoa học, tuân theo trình tự các bước tiến hành.

3.2.4. Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường

** Mục tiêu của biện pháp*

Các trường đại học có rất nhiều khoa và mỗi khoa có đặc thù riêng do đó nội dung và hình thức HĐGDNGCK rất phong phú và đa dạng. Các khoa; Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên có quyền tự chủ trong việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên. Nhằm đảm bảo tính phong phú, đa dạng của nội dung và hình thức hoạt động, Lãnh đạo Nhà trường cần tăng cường chỉ đạo các bộ phận trong trường đặc biệt là các phòng ban chức năng tham gia tổ chức HĐGDNGCK.

**Nội dung và cách thực hiện*

Trên cơ sở kế hoạch HĐGDNGCK đã được thông qua, đầu năm học Lãnh đạo Nhà trường phân công trách nhiệm cho các khoa, phòng ban các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường tổ chức các HĐGDNGCK phù hợp với đặc thù của từng năm học. Trong kế hoạch năm học khoa , phòng ban và các tổ chức Đoàn thể phải xây dựng kế hoạch tổ chức HĐGDNGCK thống nhất với kế hoạch HĐGDNGCK của Nhà trường.

Ngoài ra các bộ phận khác trong Nhà trường cũng góp phần không nhỏ vào việc tổ chức và nâng cao chất lượng của hoạt động như: Thư viện chuẩn bị tài liệu tham khảo cho các hoạt động, thiết bị phải đảm bảo các điều kiện về máy móc và phương tiện kỹ thuật cho hoạt động, bảo vệ đảm bảo an toàn cho các hoạt động… Đầu năm học, Lãnh đạo Nhà trường cần giao trách nhiệm cho từng bộ phận trong trường. Cán bộ phải có trách nhiệm tham gia tổ chức các HĐGDNGCK trong kế hoạch năm của mình.

Như vậy để QLHĐGDNGCK, Lãnh đạo Nhà trường nhất thiết phải chỉ đạo các bộ phận, các khoa, phòng tham gia tổ chức để tạo nên sức mạnh tổng hợp của lực lượng giáo dục và sự phong phú, đa dạng của nội dung, hình thức hoạt động.

Giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò chính trong tổ chức HĐGDNGCK cho học sinh lớp chủ nhiệm, tuy nhiên ở các cơ sở giáo dục Đại học giáo viên chủ nhiệm có vai trò rất mờ nhạt, do đó nếu giao cho lực lượng này đảm nhiệm chính tổ chức các hoạt động cho lớp sẽ kém hiệu quả rất nhiều. Trong thực trạng đã phân tích ở chương 2, hoạt động của GV chủ nhiệm chủ yếu duy trì nề nếp học tập và kỷ luật của lớp học, chưa đi sâu vào nội dung HĐGDNGCK.

Như vậy để cho HĐGDNGCK phù hợp với tâm lý lứa tuổi, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của sinh viên Lãnh đạo Nhà trường cần chỉ đạo khoa phòng ban liên quan tăng cường sinh hoạt, trao đổi thống nhất nội dung, hình thức hoạt động theo chủ đề hàng tháng phù hợp với từng khoa trong Nhà trường. Mặt khác, hàng tháng hoặc học kỳ, các khoa có kế hoạch tổ chức hoạt động trong khoa để học tập kinh nghiệm, qua đó bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động cho giáo viên chủ nhiệm và cho sinh viên trong khoa.

Qua phân tích, và điều tra khảo sát. Lãnh đạo Nhà trường cần chỉ đạo cho các khoa cải tiến nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của hoạt động sinh viên. Căn cứ vào kế hoạch chủ nhiệm tháng, các khoa xây dựng nội dung và hình thức cho khoa mình để làm cơ sở cho giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động tập thể lành mạnh, bổ ích trong giờ sinh hoạt cho lớp chủ nhiệm, tránh biến giờ sinh hoạt lớp thành giờ làm những việc không đúng trọng tâm.

**Điều kiện thực hiện*

Để thực hiện được biện pháp này thì các tổ chuyên môn, các ban hoạt động trong Nhà trường phải có sự phối kết hợp chặt chẽ. Đặc biệt, Hiệu trưởng cần tăng cường chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện kế hoạch mà các khoa đã đề ra.

Khác với hoạt động dạy trên lớp, HĐGDNGCK đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức, trong một số lĩnh vực hoạt động (như văn nghệ, các bộ môn thể thao…) giáo viên là người tổ chức hoạt động nhưng không được đào tạo đôi khi năng lực còn hạn chế về lĩnh vực phải tổ chức hoạt động. Vì vậy,

để đảm bảo tính đa dạng, phong phú của nội dung và hình thức hoạt động, Nhà trường phải phối hợp với lực lượng xã hội, đặc biệt là các tổ chức, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Đồng thời thông qua sự phối hợp đó, các lực lượng xã hội hỗ trợ Nhà trường về phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính để tổ chức tốt HĐGDNGCK.

Tuỳ theo chức năng hoạt động của các ban ngành, đoàn thể, nhà máy, đơn vị bộ đội, cơ quan doanh nghiệp… ở địa phương. Lãnh đạo Nhà trường cần đặt vấn đề với các tổ chức ngoài Nhà trường, hỗ trợ Nhà trường tổ chức HĐGDNGCK, đặc biệt là các hoạt động ngoài nhà trường như: Hội trại, tham quan du lịch, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, lao động công ích, các hoạt động xã hội, các hội thi được tổ chức quy mô lớn.

Qua phân tích ở chương 2 cho thấy, ở những khu vực khó khăn sẽ gặp nhiều khó khăn trong phối hợp các lực lượng xã hội để tổ chức HĐGDNGCK. Nhưng dù ở khu vực nào, các nhà trường cần phải tìm thấy thấy thế mạnh tiềm ẩn trong mỗi lực lượng xã hội để khai thác phục vụ hoạt động giáo dục của Nhà trường. Đây là một biện pháp mà Lãnh đạo Nhà trường cần phải thực hiện nhằm quản lý Nhà trường nói chung và QLHĐGDNGCK nói riêng.

Tổ chức Đoàn và Hội sinh viên trong Nhà trường nơi gặp gỡ của thanh niên sinh viên. Hoạt động của Đoàn diễn ra ngoài giờ học trên lớp, vì vậy Đoàn là lực lượng nòng cốt trong HĐGDNGCK. Trong thực tiễn, trường nào Đoàn hoạt động mạnh thì nơi đó có HĐGDNGCK cũng diễn ra sôi nổi trong suốt năm học. Tuy nhiên, tổ chức Đoàn chỉ phát huy được vai trò nòng cốt khi có sự phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện từ Nhà trường, cụ thể là BGH và đội ngũ giảng viên, sự phối hợp thể hiện qua sự giao ban hàng tháng của Nhà trường, qua việc đưa chương trình kế hoạch hoạt động của Đoàn vào kế hoạch tháng, lịch hoạt động hàng tuần của Nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm xây dựng chi đoàn lớp học trở thành lực lượng nòng cốt của lớp học…

Phân tích ở chương thực trạng cho thấy, Nhà trường đã thực hiện tốt việc phối hợp, tạo điều kiện cho hoạt động tổ chức Đoàn. Công tác lựa chọn cán bộ chủ chốt làm rất tốt nên mặc dù chưa thành lập ban chỉ đạo nhưng các hoạt động ngoài giờ lên lớp được thể hiện rất tốt ở các nội dung khác nhau, nhiều hình thức phong phú lôi cuốn được rất nhiều sinh viên tham gia.

Để quản lý tốt HĐGDNGCK thì các Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Đoàn, tạo mọi điều kiện cho hoạt động của Đoàn. Đồng thời lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất vào vị trí phụ trách công tác Đoàn của trường, có chế độ đãi ngộ xứng đáng để họ yên tâm công tác.

3.2.5. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK

**Mục tiêu của biện pháp*

Hiệu quả của giáo dục là sự tổng hợp của nhiều yếu tố mà cơ sở vật chất là yếu tố có tầm quan trọng không nhỏ. Tiềm năng của xã hội rất phong phú mà chúng ta chưa khai thác hết. Nếu trường ĐH có những giải pháp tăng cường đầu tư trang bị cơ sở vật chất đáp ứng với nhu cầu giảng dạy, QL và tạo điều kiện cho các hoạt động tự quản của SV; đồng thời có cơ chế phù hợp để các lực lượng XH chủ động, tích cực tham gia cùng Nhà trường trong việc tổ chức các HĐGDNGCK cho SV thì sẽ tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi để các HĐGDNGCK của SV có thể tiến hành với chất lượng và hiệu quả mong muốn.

**Nội dung và cách thực hiện*

- Để có thể QLHĐGDNGCK của SV Hiệu trưởng trường ĐH cần tập trung, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo quy mô của các trường; tiếp tục xây dựng và kết nối hệ thống thư viện điện tử để tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Xây dựng tiêu chuẩn, định mức, quy trình đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo.

Chuẩn hóa các tiêu chuẩn đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện cho phòng học, thư viện, giảng đường một cách thiết thực, hiệu quả. Đầu tư xây dựng phòng học, phòng thực hành, sân thể thao và phòng học chuyên dụng mang tính đặc thù của ngành…nhưng phải đảm bảo tính hệ thống, tính đồng bộ, liên hoàn của hệ thống phục vụ cho toàn bộ quá trình đào tạo trong Nhà trường.

- Xác định trách nhiệm và thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục cho đội ngũ CB làm công tác quản trị, thiết bị, hậu cần và đời sống trong Nhà trường để mỗi cán bộ làm công tác hậu cần đời sống đều phải quan tâm đến việc bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị, đáp ứng các điều kiện tối đa trong khả năng cho phép để phục vụ hoạt động GD&ĐT và QLSV.

- Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất trong Nhà trường phải được đi trước một bước; chuẩn bị theo quy hoạch tổng thể về đầu tư cơ sở hạ tầng và đảm bảo các điều kiện dạy và học.

- Hàng năm cần có kế hoạch mua sắm phương tiện thiết bị dạy học đồng bộ phục vụ lớp học, khóa học. Mọi sự đầu tư trang bị đều phải tính toán đến cả yêu cầu trước mắt, lâu dài và yêu cầu của toàn hệ thống.

- Đầu tư xây dựng cảnh quan môi trường mang tính văn hóa, giáo dục cao trong các trường ĐH, Học viện.

- Chuẩn bị phòng học cho SV: Các trường căn cứ vào kế hoạch đào tạo hàng năm đã được duyệt từ cuối năm học trước để có kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất, phòng ở, phòng sinh hoạt văn hóa, trang thiết bị phục vụ các hoạt động ngoài giờ chính khóa của SV và thực hiện kế hoạch mua sắm, trang bị. Tùy theo điều kiện của từng trường để đầu tư xây dựng, trang bị các loại phòng học như phòng học ngoại ngữ, phòng học tin học, phòng hội thảo, phòng sinh hoạt văn hóa của SV với các phương tiện kỹ thuật CNTT phù hợp. Ngoài ra, các trường cần tích cực chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất khác như phòng học thực hành, sân thể thao đủ điều kiện học tập, sinh hoạt cho SV.

- Chuẩn bị nơi ở cho SV: Căn cứ vào kế hoạch chiêu sinh của năm học mới, các trường chuẩn bị chỗ ở theo tỷ lệ nhất định cho SV theo định mức quy định của Bộ GD&ĐT về số m^2/SV.

- Chuẩn bị thư viện phòng đọc: Đây cũng là yêu cầu cần thiết trong công tác chuẩn bị cơ sở vật chất nhằm đảm bảo cho SV có điều kiện học tập, nghiên cứu, mở rộng kiến thức; tăng cường tự quản, tạo điều kiện cho công tác QLHĐGDNGCK của SV có hiệu quả.

- Cải thiện điều kiện dịch vụ, chỗ ăn ở cho SV ở KTX. KTX SV cần có sân tập thể thao, dụng cụ tập thể thao, sân bóng đá, bóng chuyền, bể bơi…có phòng giải trí xem tivi, hệ thống dịch vụ điện thoại công cộng; mỗi nhà cao tầng có các cán bộ trực nhà và hệ thống camera quản lý sinh viên nội trú 24/24 để hạn chế các hiện tượng kẻ gian xâm nhập vào ký túc xá SV, giờ tự quản của SV cần được quy định đến 23h30 hàng ngày.

- Cùng với việc tăng cường cơ sở vật chất, các trường ĐH còn cần có chính sách trong việc hỗ trợ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cấp khoa. Hàng năm, mỗi khoa cần được hỗ trợ kinh phí 30 - 40 triệu đồng để tổ chức các hoạt động cho SV cấp khoa. Các hoạt động tập trung cấp trường hàng năm được chi để tổ chức từ 500- 700 triệu đồng (chưa kể các kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng).

* Xã hội hóa nguồn lực cho các HĐGDNGCK của SV và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ XHH:

Hiện nay, phần lớn các trường ĐH công lập Việt Nam hoạt động bằng nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp. Nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp chỉ có giới hạn, không thể đáp ứng đủ cho tất cả các mặt hoạt động của trường. Vì vậy, các trường cần quan tâm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để có thêm kinh phí tổ chức các HĐGDNGCK cho SV.

- Nhà trường cần tăng cường nguồn lực cho tổ chức các hoạt động văn hóa của SV trong trường ĐH thông qua xã hội hóa - kêu gọi sự hỗ trợ của các

tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội, đặc biệt là từ sự hỗ trợ, tài trợ của các doanh nghiệp với một số biện pháp cụ thể:

+ Dựa vào kế hoạch năm học, các nội quy, quy chế của Bộ GD& ĐT, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với các lực lượng tham gia đóng góp, ủng hộ cho các HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK của SV. Khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội và các cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho SV, theo chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước; tài trợ cho các HĐGDNGCK của SV.

+ Chọn loại hình hoạt động văn hóa để xã hội hóa: Các hoạt động văn hóa của SV có thể xã hội hóa là những hoạt động thu hút, tập hợp đông đảo SV tham gia luôn được các doanh nghiệp, các đơn vị quan tâm như: lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa, hội thao SV, các cuộc thi học thuật và đặc biệt là các mô hình hoạt động mới, các hoạt động quy mô liên trường, khối trường, cấp khu vực và toàn quốc.

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng: Xây dựng kế hoạch đảm bảo cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin và không cần cầu kỳ. Thông qua kế hoạch, nhà doanh nghiệp sẽ tìm hiểu về quy mô tổ chức, sự quan tâm và tham gia hưởng ứng của các SV đối với hoạt động, kinh phí tổ chức, quyền lợi của nhà tài trợ.

+ Tận dụng tối đa các cơ hội: Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt ngày nay, các doanh nghiệp đều xác định các trường ĐH, CĐ là nhà cung cấp nguồn nhân lực quan trọng cho doanh nghiệp mình. Vì vậy, các trường cần coi đây là một cơ hội để tạo mối quan hệ và thông qua đó mời gọi sự hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho các hoạt động văn hóa của SV trường.

Nhà trường kêu gọi các cơ sở sản xuất kinh doanh quan tâm đến các hoạt động của SV bằng hiện vật và tham gia cùng Nhà trường phát thưởng trao học bổng, tuyên dương khen thưởng SV có thành tích trong học tập và rèn luyện…

Xây dựng quỹ "khuyến học" thông qua sự đóng góp của các đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh giao cho Hội SV phụ trách;

Huy động kinh phí từ các đoàn thể, cơ quan, xí nghiệp, các tổ chức cá nhân trong và ngoài Nhà trường để xây dựng phòng truyền thống, mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và HĐGDNGCK của SV.

Ngoài ra, các trường cần tạo mối quan hệ thông qua cựu SV đang làm việc tại các doanh nghiệp và các quan hệ sẵn có của thầy cô giáo đối với các doanh nghiệp, với các tổ chức.

* Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và các nguồn

Điều quan trọng là sau khi nhận kinh phí tài trợ thì Nhà trường phải tổ chức tốt các hoạt động theo đúng kế hoạch và đặc biệt là việc sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí tài trợ, đó chính là việc tạo uy tín lâu dài đối với các doanh nghiệp và cũng là vấn đề các doanh nghiệp hết sức quan tâm khi tham gia tài trợ cho các hoạt động của SV hiện nay.

- Để tạo điều kiện tốt cho SV trong các hoạt động về văn hóa, Lãnh đạo các trường ĐH cần quan tâm, tạo mọi điều kiện để tổ chức tốt các hoạt động văn hóa cho SV. Cùng với việc tăng cường đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, vui chơi giải trí và quản lý các HĐGDNGCK của SV thì cần tổ chức sử dụng, khai thác có hiệu quả trang thiết bị hiện có; hệ thống phòng học cần được sắp xếp có kế hoạch để vừa đảm bảo việc học tập, vừa tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho SV tổ chức các hoạt động ngoài trời như tọa đàm, gặp mặt, giao lưu. Các phòng học lớn, hội trường, nhà thi đấu thể dục thể thao, sân vận động cần được tận dụng tối đa công suất sử dụng để phục vụ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của SV. Cần có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát để có thể tổ chức được cùng lúc nhiều tụ điểm sinh hoạt văn hóa khác nhau khi cần thiết khi tổ chức một lễ hội lớn cho SV toàn trường, tổ chức Hội trợ SV. Ngoài ra, để có thể tổ chức được những sinh hoạt văn hóa lớn, Nhà trường cần đầu tư để có các màn hình lớn (6m x 6m) ở những địa

điểm trung tâm trong trường để từ nhiều địa điểm khác nhau, SV có thể thưởng thức được các sinh hoạt văn hóa lớn được tổ chức tại các sinh hoạt ngoài trời.

* Ứng dụng công nghệ thông tin vào QLHĐGDNGCK của SV.

Để QLHĐGDNGCK của SV theo quan điểm tăng cường tính tự quản có hiệu quả, trường ĐH cần chú trọng việc đổi mới phương pháp QL SV theo hướng áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

Để có thể ứng dụng CNTT vào công tác QLSV, QLHĐGDNGCK của SV, Hiệu trưởng cần chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện những nội dung hoạt động:

- Thành lập tổ quản lý mạng, xây dựng, duy trì và phát triển website của Nhà trường; cập nhật thường xuyên các thông tin của Nhà trường trên trang web để Cán bộ, GV, SV truy cập, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Nhà trường nhanh chóng, thuận tiện.

- Phòng công tác HS-SV quản lý các thông tin của SV từ khi nhập trường đến khi tốt nghiệp ra trường. Thông qua website của Nhà trường SV có thể truy cập tìm kiếm thông tin về quá trình học tập cũng như thông tin cá nhân của SV.

Trang bị, hoàn thiện, phát triển chương trình phần mềm QLSV sao cho có chương trình có thể quản lý đầy đủ các thông tin về cá nhân SV như: Sở thích, năng khiếu, gia đình, chỗ ở, chỗ trọ (địa chỉ, số điện thoại nhà trọ, chủ nhà trọ…,), kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các HĐGDNGCK; chấp hành nội quy, quy chế, các chế độ chính sách SV được hưởng.

- Trung tâm Hỗ trợ SV làm đầu mối xây dựng chuyên mục hỗ trợ, tư vấn cho SV; chuyên mục diễn đàn SV; chuyên mục của Hội SV; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về các HĐGDNGCK của SV trên website.

Phân công Cán bộ, GV, nghiên cứu viên thuộc các đơn vị chức năng như: Công nghệ thông tin, công tác SV, các khoa, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV phụ trách các chuyên mục trên.

- Trung tâm Hỗ trợ SV làm đầu mối xây dựng kênh thông tin cho phụ huynh SV về tình hình học tập, rèn luyện của SV qua tin nhắn tới số điện thoại di động của phụ huynh SV.

Những nội dung hoạt động trên được thực hiện bằng những cách thức:

- Nhà trường kết hợp với các đơn vị trong và ngoài trường xây dựng, phát triển website, cùng với các chuyên mục về QLSV, QLHĐGDNGCK của SV nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân Cán bộ, GV, SV trong trường có thể quản lý và thực hiện tốt việc QLHĐGDNGCK của SV cụ thể:

- Phòng ĐT, Phòng QL KH, các khoa sẽ có thông tin đầy đủ, chính xác trong việc theo dõi, xét kết quả học tập, rèn luyện cuối năm học. Căn cứ vào các dữ liệu thống kê trên phần mềm QLSV cho thông tin báo cáo về: Danh sách SV nhập học theo chuyên ngành, lớp; danh sách SV đăng ký các môn học theo tín chỉ; danh sách SV bảo lưu kết quả học tập; danh sách SV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, SV tốt nghiệp.

- Phòng Công tác HS-SV có thông tin đầy đủ, chính xác về các nội dung có liên quan đến cá nhân SV như: Danh sách SV các lớp, Ban Cán sự lớp, BCH chi đoàn, bảo hiểm, chế độ chính sách, kết quả học tập và rèn luyện của SV trong trường.

- Đầu tư xây dựng, trang bị chuyên mục cung cấp tài liệu, công cụ học tập trực tuyến trên website của trường; xây dựng và phát triển website về công tác SV; tạo diễn đàn cho SV trong trường. Qua website về công tác SV và diễn đàn SV nhà trường có thể trao đổi, cung cấp thông tin hỗ trợ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học; tư vấn tâm lý, tình cảm, tư vấn hướng nghiệp…cho SV đồng thời tiếp thu các ý kiến của SV trong việc ngăn chặn tình trạng vi phạm trong HS, SV.

- Phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông thuê bao đầu số nhắn tin để Nhà trường, khoa nhắn tin tới số điện thoại di động của phụ huynh SV thông báo về tình hình học tập, rèn luyện của SV; thuê bao đầu số nhắn tin

để trường, khoa nhắn tin tới số điện thoại di động của SV thông báo về thời khóa biểu học tập, kế hoạch các mặt HĐGDNGCK, điểm số…

**Điều kiện thực hiện*

Nhà trường cần phải thấy vai trò quan trọng của các lực lượng xã hội đối với công tác này. Phải tăng cường tuyên truyền đến các lực lượng xã hội, phải tranh thủ mọi khả năng, cơ hội để đảm bảo sự phối kết hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội. Tăng cường các hoạt động thúc đẩy sự tham gia của các lực lượng xã hội trong việc hỗ trợ kinh phí cũng như các nguồn lực khác cho công tác QLHĐGDNGCK của SV. Thường xuyên tổ chức họp giao ban, kiểm tra những công việc đã làm được và chưa làm được để có những biện pháp hữu hiệu hơn.

3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV.

**Mục tiêu của biện pháp*

- Công tác kiểm tra, đánh giá giữ một vai trò quan trọng trong quá trình dạy học - giáo dục ở trường ĐH nói chung và trong QLHĐGDNGCK nói riêng. Thực hiện tốt công tác kiểm tra sẽ góp phần đánh giá chính xác kết quả HĐGDNGCK của SV trên cơ sở xem xét tình hình thực hiện hoạt động và đối chiếu với yêu cầu đề ra. Do vậy, kiểm tra là công cụ để điều khiển các HĐGDNGCK và QLHĐGDNGCK trong trường ĐH. Kiểm tra để đánh giá chính xác và từ đó có sự điều chỉnh và uốn nắn kịp thời. Kiểm tra để có cơ sở làm tốt công tác thi đua khen thưởng tạo động lực thúc đẩy HĐGDNGCK đạt kết quả cao.

- Công tác thi đua, khen thưởng đóng vai trò quan trọng, là động lực khuyến khích, thúc đẩy SV nỗ lực cố gắng, phấn đấu học tập, rèn luyện để đạt kết quả cao. Đồng thời công tác này cũng khuyến khích các cá nhân, tổ chức phục vụ công tác QLSV luôn có ý thức trách nhiệm và đầu tư suy nghĩ, đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý để thực hiện công tác

QLSV ngày càng tốt hơn. Vì vậy công tác thi đua khen thưởng cần trở thành một biện pháp quản lý, giáo dục và thường xuyên được đổi mới một cách phù hợp để thực sự động viên, khuyến khích SV và các cá nhân, tổ chức làm công tác QLSV nỗ lực, tích cực để đạt kết quả cao trong các hoạt động.

**Nội dung và cách thực hiện*

Để các thành viên trong trường nỗ lực cố gắng, phấn đấu làm tốt công tác QLHĐGDNGCK của SV thì công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng có vai trò quan trọng; cùng với đó, việc xây dựng về thực hiện chính sách, chế độ phù hợp đủ để tạo động lực cho những người tham gia vào công tác QLHĐGDNGCK của SV được thực hiện tốt thì sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK của SV.

* Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra công tác QLHĐGDNGCK của SV

- Nghiên cứu đề xuất thành lập hệ thống thanh tra, kiểm tra GD và khảo thí kiểm định chất lượng QLSV.

- Kiểm tra HĐGDNGCK của SV và công tác QLHĐGDNGCK của SV bao gồm các nội dung: Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch hoạt động của các khoa, trung tâm, phân hiệu…đối chiếu với mục tiêu GD, kế hoạch của Nhà trường; kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của các đơn vị trong trường, đối chiếu với nội dung, yêu cầu HĐGDNGCK của SV Nhà trường; kiểm tra các điều kiện về nhân lực, vật lực, tài chính, cơ chế chính sách…đảm bảo cho việc thực hiện các nội dung HĐGDNGCK của SV nội trú, ngoại trú; kiểm tra, đánh giá kết quả HĐGDNGCK của SV.

Lãnh đạo trường cần chỉ đạo xây dựng tiêu chí cụ thể về công tác QLHĐGDNGCK để làm cơ sở kiểm tra; xây dựng quy định cụ thể về cách đánh giá, cho điểm, việc sử dụng kết quả đánh giá HĐGDNGCK của SV; có kế hoạch kiểm tra cụ thể với các nội dung HĐGDNGCK, các khâu của quy trình QLHĐGDNGCK của SV và vào những thời gian cụ thể.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, Lãnh đạo Nhà trường cần phân tích nguyên nhân của những hạn chế của HĐGDNGCK của SV, nắm bắt những thông tin phản hồi từ phía SV và cán bộ làm công tác QLSV để xử lý kịp thời. Kết quả kiểm tra cần được sử dụng làm căn cứ để khen thưởng, phê bình đúng người, đúng việc, đồng thời để biết những nội dung, hoạt động nào đạt hiệu quả cao và những nội dung, hoạt động nào chưa tốt, có sai lệch, có những vấn đề chưa hợp lý.

Khi kiểm tra, đánh giá cần phù hợp, theo phương châm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cần xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả HĐGDNGCK đối với mỗi tập thể, cá nhân trong trường để tìm ra "thước đo" hợp lý đối với từng loại hoạt động. Nên áp dụng các phương pháp quan sát, đối thoại, thu thập ý kiến bằng phiếu hỏi; kiểm tra, đánh giá HĐGDNGCK của SV cần được tiến hành bằng các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất và được thực hiện từ đơn vị lớp, khoa, trung tâm, phân hiệu đến toàn trường. Các Trưởng khoa, GĐ phân hiệu, Giám đốc trung tâm chịu trách nhiệm kiểm tra HĐGDNGCK của SV thuộc đơn vị mình phụ trách. Các cán bộ làm công tác QLSV có trách nhiệm kiểm tra hoạt động của mỗi tập thể lớp và cá nhân trong phạm vi được phân công.

Trong kiểm tra cần phối hợp chặt chẽ với những cá nhân, tập thể hữu quan như: GV bộ môn, GV chủ nhiệm, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV trường, chính quyền địa phương nơi SV cư trú…

CBQL SV của các khoa, phân hiệu, trung tâm có nhiệm vụ tiếp nhận những ý kiến phản hồi từ phía SV để báo cáo với trưởng khoa, GĐ phân hiệu, GĐ trung tâm giải quyết; kết hợp với kiểm tra, đánh giá trong Nhà trường và ngoài Nhà trường. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV ngoại trú theo tiêu chí của Bộ GD& ĐT được khách quan, ngoài việc đánh giá từ phía nhà trường, mỗi SV ngoại trú cần có ý kiến nhận xét của công an địa phương về việc chấp hành pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú thông qua sổ QLSV theo từng học kỳ.

* Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng cho SV và cá nhân, tổ chức làm tốt công tác QLHĐGDNGCK của SV

Để công tác thi đua, khen thưởng có tác dụng tích cực và hiệu quả đối với công tác QLSV và QLHĐGDNGCK của SV, Nhà trường cần triển khai tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng quy định cụ thể về tiêu chí thi đua, khen thưởng, ký luật đối với SV và các tổ chức, cá nhân làm công tác QLSV. Xây dựng các quy định cụ thể về các tiêu chí thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với SV trong từng mặt HĐGDNGCK, trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, lao động và tham gia các phong trào. Dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, theo yêu cầu của từng giai đoạn xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn cho phù hợp thực tế của trường.

Triển khai phổ biến rộng rãi quy định này đến các đối tượng liên quan. Định kỳ bổ sung, điều chỉnh quy định cho phù hợp, kịp thời.

- Kiện toàn hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật các cấp vào đầu mỗi năm học, xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Xây dựng kế hoạch, tiêu chí và phát động các đợt thi đua định kỳ hoặc theo chuyên đề đến toàn thể SV trong từng năm học như: thi đua lập thành tích chào mừng ngày 20/11, 26/3, xây dựng tập thể lớp tiên tiến, phòng ở kiểu mẫu..

- Đầu năm Nhà trường tổ chức phát động thi đua, ký cam kết thực hiện phong trào thi đua của Nhà trường đối với các phòng ban chức năng, các tổ bộ môn trong việc QLSV, QLHĐGDNGCK của SV; các lớp đăng ký thi đua tập thể lớp và cá nhân đăng ký thi đua về học tập, rèn luyện.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa Trung tâm Hỗ trợ SV, Phòng Công tác HSSV với các khoa, phòng, ban, tổ bộ môn; cán bộ chuyên trách thực hiện QL các mặt HĐGDNGCK của SV, GV chủ nhiệm, GV tư vấn học tập phải thường xuyên, liên tục kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập, rèn luyện, tình hình HĐGDNGCK của SV, tập thể SV và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng.

- Đối với cá nhân SV, việc xem xét khen thưởng định kỳ căn cứ vào kết quả rèn luyện của SV sau mỗi học kỳ, năm học, cụ thể căn cứ vào các tiêu chí như: ý thức và kết quả học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường; ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện an toàn giao thông; kết quả chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương, ý thức trách nhiệm tham gia các hoạt động cộng đồng; ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, đoàn, hội.

- Kết quả thi đua, khen thưởng đúng, các thành tích đạt được có ý nghĩa giáo dục SV. Kiểm tra tìm hiểu thực tế việc thực hiện thi đua của các cá nhân, tổ chức để có những điều chỉnh thích hợp, tránh tình trạng chỉ hô hào mà không thực hiện; các báo cáo không sát thực tế.

- Căn cứ vào kết quả rèn luyện của SV để đánh giá khen thưởng SV. Cụ thể căn cứ vào các tiêu chí sau:

+ Chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, tham gia đầy đủ, tích cực trong các đợt tuyên truyền, vận động.

+ Ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường cũng như ngoài xã hội, mối quan hệ cộng đồng nơi cư trú.

+ Ý thức thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ học tập, các cuộc thi tìm hiểu do ngành, Nhà trường tổ chức phát động.

+ Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tự học, hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, lao động - sản xuất, phòng chống các tệ nạn xã hội.

+ Ý thức và kết quả tham gia công tác QL lớp học, Đoàn, Hội và tổ chức tự quản của SV trong trường; ý thức và kết quả tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa trong Nhà trường và trên địa bàn dân cư.

+ Thông qua kết quả rèn luyện để khen thưởng SV có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và HĐGDNGCK.

- Danh hiệu của cá nhân SV được ghi vào hồ sơ SV.

- Không xét khen thưởng đối với SV bị kỷ luật hoặc có điểm thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất trong học kỳ hoặc năm học đó dưới mức trung bình.

* Đối với tập thể lớp SV

- Danh hiệu tập thể lớp SV gồm 2 loại: Lớp SV tiên tiến và lớp SV xuất sắc

- Đạt danh hiệu lớp SV tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 25% SV đạt SV khá trở lên

+ Có cá nhân đạt danh hiệu SV giỏi trở lên

+ Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong Nhà trường.

- Đạt danh hiệu lớp SV xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp SV tiên tiến và có từ 10% SV đạt danh hiệu SV giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu SV xuất sắc.

- Kết thúc các đợt thi đua hoặc theo định kỳ khi thi kết thúc học kỳ, năm học tổ chức đánh giá, bình xét thi đua một cách chính xác, công bằng, bám sát các tiêu chí thi đua đã đề ra, khen thưởng đúng người, đúng việc, đảm bảo ý nghĩa tôn vinh của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

- Khen thưởng các đơn vị làm tốt công tác QLSV, QLHĐGDNGCK của SV như: lớp, khoa, phòng, đoàn thể, công an, chính quyền địa phương… Khen thưởng các cá nhân phối hợp làm tốt công tác QLSV như: trợ lý khoa, GV chủ nhiệm, chủ nhà trọ, cán bộ nhân viên phòng chức năng, giáo viên…

- Đối với các tập thể cá nhân tiêu biểu, được khen thưởng trong công tác QLSV cần được tuyên truyền, nhân rộng.

- Nhà trường cần tích cực nghiên cứu các nguồn giải thưởng, học bổng của Trung ương và địa phương để tuyên truyền, triển khai và hướng dẫn, thực hiện thủ tục cho SV đủ điều kiện tham gia xét duyệt, đồng thời tiếp tục vận

động để huy động nguồn kinh phí cho quỹ khuyến học của Đoàn trường, quỹ hỗ trợ học tập của Hội SV nhằm tạo nhiều nguồn lực để làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, góp phần động viên SV, tổ chức và cá nhân làm tốt công tác QLSV nỗ lực, phát huy kết quả đã đạt được và tiếp tục phấn đấu đạt được thành tích cao hơn.

**Điều kiện thực hiện*

Lãnh đạo trường ĐH phải thật sự quan tâm, chỉ đạo sát công tác kiểm tra đánh giá HĐGDNGCK. Phải được sự thống nhất cao, sự phối hợp giữa các bộ phận chức năng trong toàn trường; sự hưởng ứng tham gia nhiệt tình của các lực lượng giáo dục và của đông đảo SV toàn trường; phải đầu tư kinh phí, huy động mọi nguồn lực vào việc kiểm tra, đánh giá và thi đua, khen thưởng HĐGDNGCK; cụ thể hóa được các mặt rèn luyện của SV để tạo điều kiện cho việc đánh giá được khách quan, công bằng, chính xác.

Công tác thanh tra, kiểm tra và duy trì phong trào thi đua, khen thưởng công tác QLHĐGDNGCK của SV phải được duy trì thường xuyên. Toàn thể đoàn viên, SV Nhà trường thực hiện nghiêm túc nội dung của phong trào thi đua. Ban chấp hành Liên chi đoàn các khoa, Ban chấp hành các chi đoàn phối hợp với ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó, nhóm trưởng học tập), các tổ chức tự quản SV phổ biến, nhắc nhở, theo dõi chính xác, công bằng để làm cơ sở xét khen thưởng, kỷ luật trong đợt sơ kết phong trào thi đua và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện SV cuối năm học.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp QLHĐGDNGCK của SV ĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Để thực hiện tốt biện pháp quản lý HĐGDNGCK cho sinh viên ở các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục cần phải tiến hành đồng thời các biện pháp. Trong khuôn khổ luận án tác giả đưa ra 6 biện pháp cơ bản nhất, các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo điều kiện để nâng cao hoạt động quản lý HĐGDNGCK ở trường Đại học.

Để thực hiện việc nâng cao hoạt động quản lý HĐGDNGCK cần phải nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của HĐGDNGCK trong giáo dục toàn diện cho sinh viên . Bên cạnh đó phải Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK để việc tổ chức các hoạt động được diễn ra đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Một trong những yếu tố rất quan trọng để quản lý được hoạt động NGCK cho sinh viên đó là kế hoạch hóa các hoạt động dựa trên những nội dung chỉ đạo, chương trình hành động của nhà trường và những ý tưởng của cán bộ làm công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cho sinh viên. Để tránh chồng chéo trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động nhà trường phải thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường , việc tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK là yếu tố rất quan trọng trong việc thực hiện chương trình nội dung của HĐGDNGCK cuối cùng Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ giáo viên tham gia . Như vậy các biện pháp trên sẽ có tác động qua lại , hỗ trợ lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau và có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng có chung một nhiệm vụ là để thực hiện tốt việc quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho sinh viên ở trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

3.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Từ lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, từ thực trạng công tác QL HĐGDNGCK của SV các trường ĐH công lập Việt Nam hiện nay, luận án đã đề xuất 6 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK của SV tại các trường ĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Để có thêm cơ sở đánh giá tính cần thiết, tính khả thi của các giải pháp đề xuất, chúng tôi đã tiến hành tham khảo ý kiến của 800 SV và 300 CBQL, GV, SV; 40 Cán bộ chính quyền địa phương, công an, phụ huynh SV ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Huế, Quy Nhơn bằng các phiếu hỏi. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Số liệu khảo sát cho thấy:

Về mức độ cần thiết của các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK của SV tại các trường ĐH:

Hầu hết CBQL, GV, SV; Cán bộ chính quyền địa phương, công an và phụ huynh SV được hỏi ý kiến đều nhất trí cao về tính cần thiết của 20 nội dung cụ thể về các giải pháp nhằm thực hiện QLHĐGDNGCK của SV. Gần 100% số người được hỏi cho rằng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLHĐGDNGCK của SV là rất cần thiết và cần thiết, rất ít ý kiến cho là không cần thiết.

Trong đó, ý kiến đánh giá của CBQL, GV, SV; CB chính quyền địa phương, công an, phụ huynh SV về mức độ rất cần thiết được tập trung cao ở các nội dung:

Bảng 3.1: Kết quả kiểm chứng về mức độ cần thiết của các biện pháp

TT	Tên biện pháp	Tính cần thiết				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Giá trị T.bình	Thứ bậc
		3	2	1	$\overline{X}$	Xi
3.2.1	Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.	138	162	0	2.46	3
3.2.2	Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK	115	185		2.38	4
3.2.3	Kế hoạch hoá HĐGDNGCK	69	231		2.23	6
3.2.4	Thực hiện phân cấp,QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường	162	138		2.54	1
3.2.5	Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK	92	208		2.31	5
3.2.6	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV	138	162		2.52	2

Qua kết quả khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đề xuất đề được đánh giá là cần thiết. Điểm trung bình của các biện pháp tương đối cao từ 2.31 đến 2.54 trong đó có hai biện pháp: "Kế hoạch hoá HĐGDNGCK", "Tăng cường phối hợp với các lực lượng xã hội; Đoàn thanh niên và hội sinh viên trong việc tổ chức các HĐGDNGCK cho SV" có trên 50% số người được hỏi đánh giá là rất cần thiết. Các biện pháp còn lại được đánh giá là cần thiết.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.

Bảng 3.2: Kết quả kiểm chứng về tính khả thi của các biện pháp

TT	Tên biện pháp	Tính cần thiết				
		Khả thi cao	Khả thi	Không khả thi	Giá trị T.bình	Thứ bậc
		3	2	1	$\overline{Y}$	Yi
3.2.1	Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.	92	208	0	2.31	5
3.2.2	Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK	115	185	0	2.38	4
3.2.3	Kế hoạch hoá HĐGDNGCK	138	162		2.46	3
3.2.4	Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường	162	138		2.54	1
3.2.5	Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK	69	231		2.23	6
3.2.6	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV	162	138		2.52	2

Bảng 3.3: Tổng hợp khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.

	Biện pháp	Tính cần thiết		Tính khả thi		Hiệu số	
		$\overline{X}$	Xi	$\overline{Y}$	Yi	di	di^2
3.3.1	Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.	2.46	4	2.31	6	-2	4
3.3.2	Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK	2.38	5	2.38	5	0	0
3.3.3	Kế hoạch hoá HĐGDNGCK	2.23	7	2.46	4	3	9
3.3.4	Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường	2.54	2	2.54	2	0	0
3.3.5	Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK	2.31	6	2.23	7	-1	1
3.3.6	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV	2.52	3	2.52	3	0	0

Với kết quả tổng hợp trong bảng 3.3, ta có được hệ số tương quan thứ bậc Spearman giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp…

$$R = 1 - \frac{6\sum di^2}{n(n^2 - 1)}$$

Trong đó: di: Hệ số các giá trị thứ tự

n : Số các đề xuất

Thay các giá trị vào công thức:

$$\mathrm{R} = 1 - \frac{6x14}{7\,(49 - 1)} \approx 0.8$$

Từ kết quả khảo nghiệm cho thấy hệ số tương quan R = 0,8 thể hiện tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp có quan hệ chặt chẽ với nhau.

3.5. Thử nghiệm biện pháp

Chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm biện pháp 3.2.4 - Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Nhằm kiểm tra tính khả thi của biện pháp thử nghiệm và tác dụng của biện pháp tới việc QLHĐGDNGCK; thông qua đó chứng minh việc QLHĐGDNGCK một cách hiệu quả sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho Sinh viên.

3.5.2. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm

- Phạm vi thử nghiệm: Tại Đoàn Thanh niên trường đại học Phạm Văn Đồng

- Đối tượng thử nghiệm: Sinh viên Lào học tại trường, Đoàn viên thanh niên tiêu biểu.

+ Thời gian thử nghiệm:

Thời gian thử nghiệm được tiến hành trong năm học 2014 - 2015, từ tháng 2/2014 đến tháng 4/2015.

+ Lực lượng tham gia thử nghiệm:

Bao gồm Lãnh đạo HVQLGD; Sở Ngoại vụ Tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Công tác HSSV, các Khoa, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Ban Quản lý KTX.

3.5.3. Nội dung thử nghiệm

- Phổ biến, tuyên truyền, trao đổi với các tổ chức Đoàn thể các lực lượng xã hội về lý luận HĐGDNGCK.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể các hoạt động ngoài giờ chính khóa cho sinh viên qua việc kiểm tra kế hoạch của Đoàn - Hội của các phòng ban liên quan.

- Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, chỉ đạo các tổ chức Đoàn thể, các đơn vị có trách nhiệm tranh thủ các mối quan hệ của nhà trường để làm việc với các lực lượng xã hội, doanh nghiệp để tài trợ cho các HĐGDNGCK.

3.5.4. Quy trình thử nghiệm

Bước 1: Đầu tháng 2/2014, Tác giả làm việc với Hiệu trưởng Nhà trường để thống nhất về mục đích, yêu cầu, nội dung thử nghiệm, cách thức tiến hành thử nghiệm.

Bước 2: Từ trung tuần tháng 4/2014 triển khai thử nghiệm trong trường

- Người nghiên cứu làm việc với BGH trường về mục đích, yêu cầu, nội dung thử nghiệm.

- Xây dựng nội dung hoạt động trong tháng tư của tổ chức Đoàn thanh niên.

- Chọn một nội dung để tiến hành khảo nghiệm:

Tác giả chọn chương trình giao lưu: "***Tết Lào trên đất Quảng***" Do Đoàn TNCS Hồ chí Minh nhà trường Phối hợp với Sở ngoại vụ tổ chức cho sinh viên Lào đang học tại trường và các đồng chí CB Đoàn Hội trong nhà trường nhân dịp tết Lào.

- Làm việc với các doanh nghiệp trong tỉnh để xin tài trợ

- Xây dựng chương trình, nội dung cho hoạt động

- Tổ chức chương trình

3.5.5. Kết quả thử nghiệm

- Qua hoạt động giao lưu tác giả nhận thấy đây là nội dung rất có hiệu quả về giáo dục, tăng cường tình đoàn kết giữa sinh viên hai dân tộc Việt -

Lào, mặt khác đấy là hoạt động đã nhận được nguồn kinh phí tài trợ của rất nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn Tỉnh.

SV nhóm thử nghiệm nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của các HĐGDNGCK , mức độ tham gia các HĐGDNGCK của SV tăng lên đáng kể. Số lượng SV thường xuyên tham gia các nội dung HĐGDNGCK tử 51,0% đến 77,6% so với trước thử nghiệm; (Trước khi thử nghiệm thì mức độ thường xuyên tham gia các nội dung HĐGDNGCK của nhóm thử nghiệm là 0% đến 6%); Số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể so với trước thử nghiệm: Trước thử nghiệm tỷ lệ SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK là từ 18% đến 80%; sau thử nghiệm tỷ lệ SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể còn từ 2,0% đến18,40% tùy theo từng nội dung.

Đối với SV nhóm đối chứng: Những SV không được tác động giải pháp có mức độ tham gia các HĐGDNGCK của SV gần như không thay đổi so với trước thử nghiệm. Số lượng SV thường xuyên tham gia các nội dung HĐGDNGCK sau thử nghiệm là 2,0% đến 8,0%; trước khi thử nghiệm thì mức độ thường xuyên tham gia các nội dung HĐGDNGCK của nhóm thử nghiệm là 0% với các nội dung HĐGDNGCK. Số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi không đáng kể so với trước thử nghiệm: Trước thử nghiệm tỷ lệ số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK là từ 16% đến 84%; sau thử nghiệm tỷ lệ số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK vẫn còn từ 16,0% đến 76,0% tùy theo từng nội dung.

* So sánh về thái độ khi tham gia các HĐGDNGCK của SV:

- SV nhóm thử nghiệm: Thái độ khi tham gia các HĐGDNGCK của SV nhóm thử nghiệm tăng lên đáng kể theo chiều hướng tích cực. Sau thử nghiệm, số lượng SV rất tích cực và tích cực tham gia các nội dung HĐGDNGCK tăng lên là 28,6% đến 49,0% với từng nội dung hoạt động; trước khi thử nghiệm thì số SV có thái độ rất tích cực và tích cực tham gia các

nội dung HĐGDNGCK chỉ 0,0% đến 6,1%; số SV không tích cực và không tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể so với trước thử nghiệm: Trước thử nghiệm tỷ lệ số SV không tích cực và không tham gia các nội dung HĐGDNGCK là 8,2% đến 77,6%; sau thử nghiệm tỷ lệ số SV không tích cực và không tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể còn từ 2,0% đến 12,5% tùy theo từng nội dung.

- Đối với SV nhóm đối chứng: Sau thử nghiệm, những SV không được tác đông giải pháp có thái độ tham gia các HĐGDNGCK của SV thay đổi không đáng kể. Số lượng SV rất tích cực và tích cực tham gia các nội dung HĐGDNGCK sau thử nghiệm chỉ từ 2,0% đến 10,2%; Trước khi thử nghiệm thì tỷ lệ SV nhóm đối chứng có thái độ rất tích cực và tích cực tham gia các nội dung HĐGDNGCK là 0% so với các nội dung HĐGDNGCK. Số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi không đáng kể so với trước thử nghiệm: Trước thử nghiệm tỷ lệ SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK là từ 6,1% đến 53,1%; sau thử nghiệm tỷ lệ SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK vẫn còn là 8,2% đến 55,1% tùy theo từng nội dung.

* So sánh về mức độ hứng thú khi tham gia các HĐGDNGCK của SV:

- SV nhóm thử nghiệm: Sau khi được tác động giải pháp, tỷ lệ SV tham gia thử nghiệm rất hứng thú và hứng thú khi tham gia các HĐGDNGCK tăng cao: từ 14,3% đến 55,1%; trước khi thử nghiệm thì tỷ lệ SV rất hứng thú và hứng thú khi tham gia các HĐGDNGCK là 0% đến 4%; số SV không hứng thú và chán khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể so với trước thử nghiệm: Trước thử nghiệm tỷ lệ số SV không hứng thú và chán khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK là từ 4,0% đến 84,8%; sau thử nghiệm tỷ lệ số SV không bao giờ tham gia các nội dung HĐGDNGCK giảm đi đáng kể còn từ 0% đến 10,4% tùy theo từng nội dung.

- Đối với SV nhóm đối chứng: Sự hứng thú của những SV không được tác động giải pháp gần như không thay đổi. Số lượng SV rất hứng thú và hứng thú khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK sau thử nghiệm là 0% đến 10%; trước khi thử nghiệm số SV rất hứng thú và hứng thú khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK đều là 0% với các nội dung HĐGDNGCK. Số SV không hứng thú và chán khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK gần như không giảm so với trước thử nghiệm. Trước thử nghiệm tỷ lệ SV không hứng thú và chán khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK là từ 4,0% đến 84,8%; Sau thử nghiệm tỷ lệ SV không hứng thú và chán khi tham gia các nội dung HĐGDNGCK vẫn còn từ 4,0% đến 80,4% tùy theo từng nội dung.

Tương tự như trên, tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học để kiểm định giả thiết về sự khác biệt giữa hai số trung bình của hai tổng thể.

Ta sẽ lần lượt xem xét: Sự khác biệt của lớp đối chứng trước và sau khi thực hiện giải pháp; sự khác biệt của lớp thử nghiệm trước và sau khi thực hiện giải pháp và sự khác biệt giữa lớp đối chứng và lớp thử nghiệm sau khi thực hiện giải pháp.

Qua hoạt động này sinh viên trong nhà trường rất hào hứng, đặc biệt là hiệu ứng xã hội đánh giá rất cao hoạt động này thông qua truyền hình và báo đài.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

GDNGCK tại trường ĐH là một quá trình phức tạp bị chi phối, chế ước bởi những yếu tố khách quan và chủ quan, đó là những quy luật của quá trình phát triển nhân cách; đó là những yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường, mục tiêu giáo dục chung của thời kỳ CNH, HĐH; đó là quy luật của quá trình nhận thức, sự vận động có ý thức của các chủ thể tham gia vào quá trình GDNGCK trong và ngoài Nhà trường ĐH. QLHĐGDNGCK phụ thuộc vào rất nhiều các

thành tố. Vì vậy, QLHĐGDNGCK phải có một hệ thống giải pháp tác động vào các yếu tố, trước hết là các chủ thể tham gia. Các biện pháp phải phát huy tính tích cực, nhu cầu, hứng thú…của SV; phải nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ CBQL, GV; phát triển mối quan hệ với địa phương, với các tổ chức XH và các cơ quan kinh tế, văn hóa đóng trên địa bàn thì quá trình GDNGCK mới thực sự có hiệu quả bền vững.

Để nâng cao chất lượng hoạt động GDNGCK của nhà trường, lãnh đạo nhà trường phải kết hợp nhiều biện pháp, nhưng biện pháp chủ đạo, có ý nghĩa quyết định là tăng cường quản lý hoạt động GDNGCK.

Việc nghiên cứu phần lý luận đầy đủ và có hệ thống đã giúp tác giả có cơ sở khoa học để nghiên cứu thực trạng chất lượng quản lý hoạt động GDNGCK của nhà trường, từ đó đề ra một số biện pháp có tính khả thi nhằm tăng cường quản lý hoạt động GDNGCK của nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Chương 3 đã đề xuất một hệ thống 6 biện pháp quản lý nhằm tăng cường quản lý hoạt động GDNGCK góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục cao với thực tiễn yếu kém trong công tác giáo dục hiện nay.

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.

Biện pháp 2: Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK

Biện pháp 3: Kế hoạch hoá HĐGDNGCK

Biện pháp 4: Thực hiện phân cấp QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chức năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường.

Biện pháp 5: Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK

Biện pháp 6: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo là vấn đề có tính cấp thiết đối với mỗi cơ sở giáo dục đặc biệt là GDĐH. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" cho quê hương đất nước .

Nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng tự chủ, năng động, sáng tạo là tài nguyên, là sức mạnh của mỗi quốc gia trong xây dựng và phát triển đất nước; đặc biệt là trong thời đại hợp tác, cạnh tranh và toàn cầu hóa hiện nay.

Công tác QLHĐGDNGCK của SV có vai trò hết sức quan trọng trong giáo dục toàn diện SV để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường ĐH, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với nhận thức đó, luận án đã tập trung nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn nhằm đề ra được những biện pháp cần thiết, có tính khả thi trong quá trình QLHĐGDNGCK. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án phù hợp với mục đích nghiên cứu đã đề ra và các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án đã được triển khai đầu đủ và hoàn thành.

Về lý luận: Luận án đã nghiên cứu một cách có hệ thống lý luận quản lý, quản lý giáo dục và quản lý Nhà trường. Đồng thời luận án tập trung nghiên cứu những quy định về nội dung QLHĐGDNGCK của trường Đại học, những yếu tố ảnh hưởng đến việc QLHĐGDNGCK của Nhà trường. Từ đó xác định được luận cứ khoa học và các cách tiếp cận phù hợp cho QLHĐGDNGCK trong các trường ĐH ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Việc nghiên cứu phần lý luận đầy đủ và có hệ thống đã giúp tác giả có cơ sở lý luận vững chắc để nghiên cứu thực trạng QLHĐGDNGCK trong các

trường ĐH ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Từ đó rút ra được các luận chứng, luận cứ khoa học cho vấn đề nghiên cứu.

Về thực tiễn: Luận án đã đánh giá khá đầy đủ về thực trạng chất lượng QLHĐGDNGCK của các trường đại học khu vực Miền Trung, luận án đã khảo sát và thu thập ý kiến đánh giá về các biện pháp QLHĐGDNGCK mà các trường đang thực hiện. Qua kết quả khảo sát cho thấy: các cán bộ quản lý ở các nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc QLHĐGDNGCK, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tuy nhiên thực tế công tác QLHĐGDNGCK ở trường chưa được đầu tư một cách thích đáng. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý cho thấy hầu hết các biện pháp quản lý đều thực hiện ở mức trung bình và khá, ý kiến của giáo viên các trường cũng khá đồng nhất với ý kiến tự đánh giá của cán bộ quản lý về việc thực hiện các biện pháp QLHĐGDNGCK. Ý kiến tự đánh giá của giáo viên chủ nhiệm và cán bộ Đoàn thống nhất với ý kiến của cán bộ quản lý về hoạt động về hoạt động của GVCN và hoạt động của Đoàn trường trong việc tham gia tổ chức HĐGDNGCK cũng chỉ ở mức trung bình và khá.

Để minh chứng cho những nhận định về thực trạng, luận án sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi với một số lượng khá lớn để có được các kết quả khách quan. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy những nỗ lực của CBQL, đội ngũ giảng viên, SV các trường ĐH trong QLHĐGDNGCK. Tuy nhiên, còn một số hạn chế trong QLHĐGDNGCK ở các Trường ĐH do những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Về kết quả nghiên cứu

- Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận về trong QLHĐGDNGCK ở bậc đại học. Từ đó xác định được luận cứ khoa học và cách tiếp cận phù hợp cho QLHĐGDNGCK trong các trường ĐH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

- Đưa ra được các nguyên tắc để xây dựng biện pháp trong QLHĐGDNGCK trên cơ sở lý luận về các chức năng quản lý nhằm giúp các trường ĐH ở Việt Nam triển khai các giải pháp QLHĐGDNGCK.

- Xây dựng hệ thống các biện pháp QLHĐGDNGCK có khả năng ứng dụng trong thực tiễn nhằm giúp các trường ĐH Việt Nam phát huy được tính chủ động, tích cực, tự giác của SV; tiến tới đạt mục tiêu giáo dục toàn diện SV.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn khảo sát, tác giả đã mạnh dạn đề xuất hệ thống 6 biện pháp quản lý HĐGDNGCK phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của HĐGDNGCK ở bậc ĐH.

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên về HĐGDNGCK.

Biện pháp 2: Kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy QLHĐGDNGCK

Biện pháp 3: Kế hoạch hoá HĐGDNGCK

Biện pháp 4: Thực hiện phân cấp,QLHĐGDNGCK cho các khoa, phòng ban chuwac năng và các tổ chức Đoàn thể trong nhà

Biện pháp 5: Đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ các HĐGDNGCK

Biện pháp 6: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm trong QLHĐGDNGCK của SV.

Kết quả nghiên cứu của luận án đã được thực nghiệm và kiểm chứng. Như vậy giả thuyết khoa học của luận án đã được chứng minh. Chúng tôi hy vọng rằng trong thời gian tới, các biện pháp quản lý mà luận án đề xuất được các Lãnh đạo ngành GD & ĐT, Lãnh đạo các trường ĐH nghiên cứu sử dụng, góp phần thực hiện mục tiêu GDĐH, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT.

Các biện pháp được xây dựng trên cơ sở phát huy năng lực tiềm tàng của người cán bộ quản lý, cùng với sự vận dụng các chức năng quản lý và những nguồn lực sẵn có của các trường.

2. Khuyến nghị

Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các HĐGDNGCK của các trường đại học chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

2.1. Bộ Giáo dục và đào tạo

Cần có các văn bản hướng dẫn HĐGDNGCK ở các cơ sở Đại học để tạo cơ sở pháp lý cho các trường hoạt động có hiệu quả.

- Thành lập Ban hỗ trợ SV thuộc Vụ công tác HS, SV

- Tạo những điều kiện về cơ sở pháp lý, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính cho các trường ĐH áp dụng các giải pháp QLHĐGDNGCK cuả SV:

+ Tăng cường sự phối kết hợp giữa các cấp, đoàn thể trong việc triển khai phong trào vừa có chiều rộng, vừa có chiều sâu, tránh phô trương hình thức; ra văn bản hoặc có quy định cụ thể trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong quản lý SV và QLHĐGDNGCK của SV.

+ Thường xuyên cập nhật, cung cấp hệ thống các văn bản quy định về công tác QLHĐGDNGCK cho các trường ĐH, CĐ và kiểm tra, đôn đốc công tác QLHĐGDNGCK của SV theo đúng quy định.

+ Nghiên cứu xây dựng và đề xuất kịp thời những chủ trương, chính sách phù hợp để khuyến khích CBQLSV, SV tự quản.

+ Tăng cường kinh phí cho công tác QLHĐGDNGK của SV, cho việc duy trì, phát triển các HĐNGCKcủa SV.

+ Ban hành quy định tối thiểu về cơ sở vật chất (về phòng học, KTX,..) tương ứng với quy định về GV cơ hữu, về số lượng SV; khi có đủ các điều kiện dạy và học mới cho phép thành lập trường; quy định cụ thể về KTX SV là tiêu chuẩn bắt buộc trong hồ sơ xin thành lập trường.

+ Ban hành sổ tay QLSV gồm tập hợp hệ thống các văn bản quy định về QL, GD SV nội trú, ngoại trú; hướng dẫn những kĩ năng công tác QLSV, tổ chức HĐGDNGCK cho SV.

+ Duy trì việc định kỳ tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác quản lý SV, lưu ý tập huấn đúng đối tượng, có chất lượng.

+ Quan tâm đến các đề án phát triển kĩ năng cho đội ngũ GV, CBQL SV để hỗ trợ tích cực về chuyên môn cho các Học viện, Trường ĐH nâng cao năng lực và chất lượng QLHĐGDNGCK của SV.

- Tăng cường kiểm tra kế hoạch và kết quả thực hiện QLHĐGDNGCK của SV tại các trường ĐH.

- Sau khi tổ chức áp dụng các giải pháp QLHĐGDNGCK tại các trường ĐH một thời gian nhất định sẽ tổ chức rút kinh nghiệm để hoàn thiện các giải pháp, từ đó nghiên cứu xây dựng mô hình QLHĐGDNGCK phù hợp.

- Đề nghị Bộ Nội vụ, UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung Ương, các trường nghiên cứu, bổ sung thêm biên chế, cán bộ làm công tác HS, SV ở các trường ĐH, CĐ; cán bộ làm công tác QL KTX để tăng hiệu quả công tác GD, QL SV.

2.2. Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Cần có những nội dung cụ thể khi xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm và có kế hoạch liên tịch giữa Bộ Giáo dục đào tạo và Trung ương Đoàn để tránh sự chồng chéo trong công tác chỉ đạo và tổ chức

Đối với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên:

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch về công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm phù hợp với địa phương đơn vị.

- Tích cực, chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền đơn vị quan tâm để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm.

- Đánh giá công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm gắn với việc sơ kết, tổng kết công tác Đoàn TN, Hội SV và phong trào sinh viên trong từng năm học.

2.3. Đối với UBND các tỉnh nơi các trường đại học đóng trên địa bàn

Tạo điều kiện hơn nữa về cơ sở vật chất trong Nhà trường, đặc biệt là xây dựng các khu vui chơi giả trí cho sinh viên, xây dựng và nâng cấp ký túc xá…

Đề nghị Ủy ban các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung Ương ban hành Quy chế quản lý HS, SV trên địa bàn để làm cơ sở cho chính quyền, công an và nhân dân cùng nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục làm tốt công tác phòng, chống tội phạm, ma túy và tệ nạn xã hội góp phần QLHĐGDNGCK của SV.

Chính quyền địa phương và các đoàn thể xã hội cần quan tâm hơn nữa đến điều kiện sinh hoạt của SV đặc biệt là SV ngoại tỉnh. Cụ thể là quản lý số lượng SV tạm trú, tình hình chất lượng nhà trọ, tình hình an ninh khu trọ…

2.4. Hiệu trưởng trường đại học

Cần nhận thức đúng đắn hơn nữa về HĐGDNGCK nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên của Nhà trường.

Cần chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo HĐGDNGCK của Nhà trường

Hỗ trợ về cơ chế chính sách, kinh phí hoạt động, điều kiện cho các hoạt động cho sinh viên.

Chủ động xây dựng kế hoạch công tác, chỉ đạo các phòng ban liên quan xây dựng kế hoach tổ chức HĐGDNGCK cho sinh viên.

CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thanh Hải (2012) " *Một số biện pháp quản lý HĐGDNGLL ở Trường Đại họ*c" Tạp chí giáo dục số 286 tr 8-10.
2. Nguyễn Thanh Hải (2012) " *Vị Trí, vai trò, ý nghĩa của HĐGDNGLL đối với sự phát triển nhân cách của sinh viên*" Tạp chí giáo dục số 290 tr 14-15.
3. Nguyễn Thanh Hải (2016) *"Nhận thức về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên trường Đại học Phạm Văn Đồng*" Tạp chí giáo dục số đặc biệt T 7 tr 15-19.
4. Nguyễn Thanh Hải (2017) "*Đổi mới giáo dục và những vấn đề đặt ra với công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho sinh viên*" Tap chí giáo dục số đặc biệt T 04

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo (2002), *Lời bàn về giáo dục và học tập (ST&TT)*, Hà Nội.
2. Đặng Quốc Bảo, *Tập bài giảng lớp thạc sĩ nữ 2002.*
3. Các văn bản chỉ đạo HĐGDNGLL của Bộ GD&ĐT.
4. Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1996/2004), *Bài giảng cơ sở khoa học quản lý.*
5. Nguyễn Thị Doan (1996), *Các học thuyết quản lý,* Nxb Chính trị Quốc gia.
6. Harol Koontz (1988)*, Những vấn đề cốt yếu của quản lý,* Nxb Giáo dục.
7. Phạm Minh Hạc (1990), *Phương pháp tiếp cận hoạt động nhân cách và giáo dục hiện đại* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Phạm Minh Hạc (1997), *Xã hội hóa công tác giáo dục* Nxb Giáo dục.
9. Đặng Vũ Hoạt (1988), *HĐGDNGLL ở Trường THCS*, Nxb Giáo Dục.
10. Nguyễn Hữu Hợp, Nguyễn Dục Quang, (1995), "Công tác GDNGLL ở Trường tiểu học", Trường ĐHSP Hà Nội 1.
11. Gilbert Highe (1991), *Nghệ thuật giáo dục*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
12. Kônđakôp M.I.(1984), *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý Giáo dục*, Trường cán bộ quản lý Giáo dục - Viện khoa học giáo dục.
13. Macarencô A.S. (1984), *Giáo dục người công dân,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Macarencô A.S. (1984), *Tuyển tập các tác phẩm SP tập 1,* NXBGiáo dục.
15. Mác, Anghen, Lênin, Stalin (1978), *Về Giáo dục,* Nxb Sự thật, Hà Nội.
16. Hồ Chí Minh (1990), *Vấn đề giáo dục,* NXBGiáo dục Hà Nội.
17. Hồ Chí Minh (1977), *Về giáo dục thanh niên,* Nxb Giáo dục Hà Nội.
18. Phùng Đình Mẫn (chủ biên); Trần Văn Hiếu - Thiều Thị Hường (2005), *Tổ chức hoạt động GDNDLL ở trường trung học phổ thông*, Nxb Giáo dục.
19. Võ Quang Phúc (1992), "Nói chuyện giáo dục thế giới đời xưa", Sở Giáo dục - Đào tạo TP.HCM, câu lạc bộ Quản lý giáo dục.

20. P.V.Zimin (1985), *Những vấn đề quản lý trường học,* Trường cán bộ quản lý giáo dục - Bộ Giáo dục.
21. Nguyễn Ngọc Quang (1990), *Những khái niệm cơ bản lý luận về quản lý giáo dục,* Trường cán bộ quản lý giáo dục - Đào tạo, Hà Nội.
22. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1993), *Quy chế Công tác học sinh sinh viên trong các trường đào tạo,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Những vấn đề chiến lược phát triển giáo dục trong thời kỳ CNH,HĐH,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học* (Ban hành theo quyết định số 14/2001/QĐ – BGD&ĐT ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Chương trình HĐGDNGLL trường THPT*
26. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Chương trình (thí điểm) HĐGDNGLL trường THPT*
27. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.*
28. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tìm hiểu luật giáo dục 2005,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
29. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Các văn bản hiện hành về giáo dục và đào tạo.*
30. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy* (Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
31. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

32. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy* (Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ – BGDĐT ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

33. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp* (Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2007/QĐ – BGDĐt ngày 29/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

34. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an (2008), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2002/TTLT/BGDĐT – BCA về công tác bảo vệ an ninh, trật tự trong trường học giai đoạn 2002 – 2008.*

35. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Chỉ thị số 71/2008/CT – BGDĐT ngày 23/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên.*

36. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục HS, SV các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.*

37. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008) ,*Quy định tổ chức hoạt động văn hóa cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp* (Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2008/QĐ – BGDĐT ngày 5/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

38. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về công tác hướng nghiệp tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp* (Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /2008/QĐ – BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

39. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư số 31/2009/TT – BGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2009 ban hành quy định về công tác phòng chống tệ nạn ma túy tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*
40. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Báo cáo Một số vấn đề về đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên.*
41. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Thông tư số 39/2010/TT – BGDĐT ngày 23/12/2010 của ban hành quy định về việc đánh giá công tác học sinh, sinh viên của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.*
42. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), "*Thống kê Giáo dục"* các năm từ 2007 – 2008 đến 2012 – 2013.
43. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Báo cáo tổng kết chương trình công tác học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2009 – 2012.*
44. Các Mác – Ăng Ghen, *Toàn tập,* tập 25, Phần II.
45. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1996), *Lý luận đại cương về quản lý* (Bài giảng), Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo, Hà Nội.
46. Hoàn Chúng (1998), *Phương pháp thông kê toán học trọng khoa học giáo dục,* Nxb giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Đức Chính (2000) "Nghiên cứu XD bộ tiêu chí đánh giá chất lượng ĐT dùng cho các trường ĐH VN, Công trình nghiên cứu cấp Nhà nước.
48. Cruchetxki V.A (1980), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm* Tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
49. Dan Waters (1998), *Thế kỉ 21 – Phương thức quản ly vượt trên cả người Nhật Bản và người Trung Quốc,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ II, Ban Chấp hành TW khóa VIII,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
52. Đặng Thị Kim Dung(2015) *Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của sinh viên các trường Đại học theo quan điểm tăng cường tính tự quản.*
53. Nguyễn Mạnh Dũng (2007), *Tổng quan tình hình sinh viên, công tác Hội sinh viên và phong trào sinh viên nhiệm kỳ 2003 – 2008,* (Mã số: KTN 2007-01).
54. Nguyễn Tiến Đạt (2006), *Kinh nghiệm và thành tựu phát triển GD và DDT trên thế giới,* Tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Nguyễn Tiến Đạt (2007), *Kinh nghiệm và thành tựu phát triển GD và ĐT trên thế giới,* Tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
56. Nguyễn Minh Đường – Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế,* Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX – 05, đề tài KX – 05, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
57. Phạm Minh Hạc, (2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
58. Phạm Minh Hạc và cộng sự (2001), *Chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước,* chương trình KHCN – KHXH, ma số 04 – 04, Hà Nội.
59. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
60. Vũ Ngọc Hải (2003), *Các mô hình về quản lý giáo dục,*Nxb Giáo dục, Hà Nội.
61. Vũ Ngọc Hải – Chủ biên (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỉ XXI,* NxbGiáo dục, Hà Nội

62. Nguyễn Xuân Hải (2010), *Mô hình quản lý dựa vào nhà trường của Hoa Kỳ và bào học tạo lập sự tham gia trong nhà trưởng,* Tạp chí Giáo dục (203, kỳ 2).

63. Đỗ Nguyên Hạnh, *Một vài hình thức giáo dục học sinh NGLL có hiệu quả,* Tạp chí NCGD số 2 – 1998.

64. Nguyễn Thanh Hoàn – Chủ nhiệm đề tài, *Mô hình nhà trường phổ thông tự quản ở một số nước và những yêu cầu đối với năng lực QL của người hiệu trưởng,* Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục chủ trì, Mã số: C16 – 2003.

65. Đặng Vũ Hoạt (1996), *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS,* NXBGD.

66. Đặng Vũ Hoạt – Hà Nhật Thăng (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm ly học sư phạm –* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

67. Lê Văn Hồng (Chủ biên) (1999), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm –* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

68. Nguyễn Lan Hương (2010), *Tìm hiểu về mô hình trường học ưu việt ở Singapore,* Tạp chí Giáo dục, (231, Kỳ 1).

69. Kavataleys – *Nghiên cứu về giáo dục nhân cách cho sinh viên*

70. Phan Văn Kha (2007), *Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

71. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

72. Vũ Văn Lân (2010), *Những biện pháp tăng cường hiệu quả QL HĐGDNGLL của SV Học viện cảnh sát nhân dân,* Luận văn Thạc sỹ QLGD.

73. Khoa Sư phạm – Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo dục học đại học,* tài liệu bồi dưỡng dùng cho các lớp Giáo dục học ĐH và nghiệp vụ sư phạm ĐH), Hà Nội.
74. Đặng Bá Lãm (2003), *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI chiến lược phát triển,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
75. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Lam Quang Thiệp (2004), *Một số vấn đề về giáo dục đại học.* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
76. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2008), *Lý luận quản lý giáo dục, Tài liệu giảng dậy các lớp cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục* – Khoa sư phạm.
77. Hồ Chí Minh (1972), *Bàn về công tác giáo dục,* Nxb Sự thật.
78. Hồ Chí Minh (1980), *Về Giáo dục thanh niên,* Nxb Thanh niên, Hà Nội
79. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề giáo dục,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 9,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 12,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
82. Nghị quyết liên tịch giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung ương Đoàn TNCS HCM về chương trình phối hợp hoạt động giai đoạn 1993 – 1997 – Ký ngày 15/10/1993.
83. Nghị quyết giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung ương Đoàn TNCSHCM về tăng cường công tác giáo dục thanh thiếu nhi và xây dựng Đoàn, Hội, Đội trong trường học giai đoạn 1998 – 2002 – Ký ngày 29/5/1998.
84. Nghị quyết liên tịch số 12/2008/NQLT – BGDĐT – TWĐTN của Bộ giáo dục và đào tạo và Trung ương Đoàn Thanh niên về tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên và xây dựng tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong nhà trường giai đoạn 2008 – 2012 – Ký ngày 8/3/2008.
85. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (2001), *Văn bản pháp luật về quản lý học sinh, sinh viên,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
86. Nhà xuất bản Thanh niên (2004), *Điều lệ Hội Sinh viên Việt Nam,* Nxb Thanh niên, Hà Nội.

87. Philip Yeo, *Tương lai mới – Nền kinh tế mới – Nhà trường mới – Người Quản lý mới,* Bài phát biểu tại Hội nghị Đại học công nghệ Nam Yang, Viện Giáo dục Quốc gia Singapore ngày 07/7/2000 (khai thác và biên dịch của Vũ Văn Tảo).

88. Nguyễn Dục Quang (1996), *Những phương hướng và biện pháp hình thành kỹ năng tự quản hoạt động tập thể cho học sinh các lớp 4 -5,* Hà Nội.

89. Nguyễn Ngọc Quang (1996), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục và đào tạo.*

90. Quyết định số 44/2007/QĐ BGD& ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo *về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

91. Quyết định số 72/2008/QĐ – BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo ban hành *quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.*

92. Quyết định số 61/2005/QĐ – TT Ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ *về chế độ chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông.*

93. Subir Chowdhury (2006), *Quản lý trong thế ky 21,* Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.

94. Nguyễn Thị Thành (2005), *Các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh trung học phổ thông,* Luận án tiến sĩ giáo dục học, Hà Nội.

95. Hà Nhật Thăng (1998), *Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục,* Nxb Giáo dục.

96. Hà Nhật Thăng (2010), *Tính giao thoa của các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục, phát triển nhân cách trong thời đại hiện nay – Cơ sở phương pháp luận của nghiên cứu khoa học giáo dục và hoạt động thực tiễn giáo dục,* Tạp chí Khoa học Giáo dục (63).

97. Thông tư liên tịch của Bộ giáo dục và đào tạo – Bộ công an số 34/2009/TTLT – BGDĐT – BCA ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ Công an hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

98.Trần Trọng Thủy, *Mô hình nhân cách của người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa,* Tạp chí thông tin KHGD số 77/2000/

99.Nguyễn Cảnh Toàn – Chủ Biên, Nguyễn Kỳ, Vũ Văn Tảo, Bùi Tường (1998), *Quá trình dạy – tự học,* Nxb Giáo dục.

100. Nguyễn Cảnh Toàn (2001), *Tuyển tập tác phẩm tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu,* tập 1, tập 2, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Trung tâm văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây

101. Nguyễn Đức Trí (1999), *Giáo trình "Quản lý quá trình giáo dục – đào tạo",* Viện Nghiên cứu phát triển Giáo dục, Hà Nội

102. Nguyễn Đức Trí (1999) *Lý luận dạy học, đề cương bài giảng Cao học –* Viện Nghiên cứu phát triển Giáo dục, Hà Nội.

103. Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2013), *Tổng quan tình hình sinh viên, công tác hội sinh viên Việt Nam và phong trào sinh viên giai đoạn 2009 – 2013,* Nxb Thanh Niên.

104. Trần Văn Tùng (2001), *Nền kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam,* Nxb Thế giới.

105. Thái Duy Tuyên (chủ biên) – *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường* – Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX07, Hà Nội (194).

106. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ điển tiếng Việt,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

107. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI kinh nghiệm của các Quốc Gia,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

108. Viện nghiên cứu thanh niên (2009), *Báo cáo tình hình thanh niên năm 2009.*

109. Nguyễn Đắc Vinh (2012), *Báo cáo Tổng quan Tình hình thanh niên, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn 2007 – 2012, xây dựng phương hướng, hệ thống giải pháp triển khai công tác công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn 2012 – 2017* (Mã số : KTN 2012 – 02).

110. Xavier Roegiers (1996), *Khoa học sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (Đào Trọng Quang – Nguyễn Ngọc Nhị dịch), Nxb Giáo dục.

111. XuKhômlinxki (1981), *Giáo dục con người chân chính như thế nào,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tài Liệu tiếng Anh

112. Dobson, K.S & Block, L. *(1988). Lịch sử và triết học dựa trên liệu pháp nhận thức – hành vi. Trong K.S Dobson (Ed), Sổ tay của nhận thức hành vi liệu pháp 3 – 38).* New York: Guilford.

113. Douglas Mauson Insitue of Tape Adelaide – South Australia (1999), *Training and assestment based on capacity.*

114. Kanar, C. C. (2001) *The confident student* (4th ed). New York: Houghton Mifflin Company.
115. Lingenfelter, P.E (2005), *The National Commission on Acountability in Higher Education,* American Council on Education.
116. Manuanal for the use of *"Objective – oriented intervention planning (OOIP) at BADC"* (1991), Brussels..
117. .Nyborg, P.(2003), *Institutional Autonomy and Higher Education Governance* Presented at Council ò Erope Conference, Strasbourg 2 – 3 December 2003. Implication of the Bologna Process In South Easr Europe.
118. Pauk, W. (1997). *How to study in college* (6thed). New York: Houghton Mifflin Company.
119. Payne, E., & Walker, L. (2000). *Developing essential study skills.* Harlow: Financial Times/Prentice Hall.
120. Peter Mortimore (1999), *Understanding Pedagogy and its impact on learning,* PCP.

Tài liệu trang Web

121. www.fwia.com
122. www.howtostudy.org
123. www.sidney.edu.au
124. www.studygs.net
125. www.trinity.edu
126. www.uchicago.edu

PHỤ LỤC

1PL

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 04/2014/TT-BGDĐT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ
Ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Hiển

Nơi nhận:
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBVHGD-TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa bao gồm: điều kiện; thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục cấp phép, xác nhận đăng ký hoạt động, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động; trách nhiệm quản lý; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Văn bản này áp dụng đối với:

a) Các nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non; trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu, trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học, và trung tâm học tập cộng đồng (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục) có liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

b) Các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; các trung tâm thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp (sau đây gọi chung là

các đơn vị) có liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục.

Điều 2. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

1. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong quy định này được hiểu là hoạt động giáo dục giúp cho người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống.

2. Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trong quy định này được hiểu là hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu người học không thuộc chương trình, kế hoạch giáo dục do các cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

1. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, giáo dục nhân cách cho người học; có nội dung phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý người học, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về các nội dung giáo dục, chất lượng giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa.

3. Không vi phạm Quy định về dạy thêm, học thêm.

4. Người học tham gia trên tinh thần tự nguyện.

Chương II
ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA

Điều 4. Cơ sở vật chất

1. Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định.

2. Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học.

Điều 5. Giáo viên, báo cáo viên, huấn luyện viên

1. Có đủ điều kiện về sức khoẻ.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan.

Điều 6. Giáo trình, tài liệu

Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.

Chương III

THẨM QUYỀN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP PHÉP, XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ, ĐÌNH CHỈ, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA

Điều 7. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động

1. Thẩm quyền cấp phép hoạt động:

a) Giám đốc sở giáo dục và đào tạo cấp phép hoạt động đối với các đơn vị quy định tại mục b, khoản 2, Điều 1 Quy định này;

b) Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng cấp phép cho các đơn vị thuộc trường hoạt động trong khuôn viên của trường.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung tờ trình nêu rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, tổ chức bộ máy, tài chính và các nguồn lực khác; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp quản lý nơi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

b) Giấy phép đăng ký kinh doanh;

c) Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

d) Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.

3. Trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động:

a) Đơn vị lập hồ sơ xin cấp phép gửi cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra các điều kiện hoạt động để quyết định cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không đồng ý cấp phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động

1. Thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động:

a) Giám đốc sở giáo dục và đào tạo xác nhận đăng ký hoạt động đối với các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông, trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học và các đơn vị thuộc trường đại học, cao đẳng đặt ngoài khuôn viên của trường.

b) Trưởng phòng giáo dục và đào tạo quận, huyện xác nhận đăng ký hoạt động đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú và trung tâm học tập cộng đồng.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động của các cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

b) Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

c) Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.

3. Trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động:

a) Cơ sở giáo dục lập hồ sơ gửi cho cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động vào công văn đăng ký của cơ sở giáo dục với nội dung: xác nhận đã đăng ký hoạt động và gửi trả lại cho cơ sở giáo dục. Nếu không đồng ý cho hoạt động, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Đình chỉ hoạt động

1. Cơ sở giáo dục, đơn vị hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Không thực hiện đúng các nội dung đã cam kết, đăng ký với cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp phép, xác nhận đăng ký hoạt động;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

c) Người cấp phép không đúng thẩm quyền;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục đình chỉ hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa được thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền cấp phép hoặc xác nhận đăng ký hoạt động thành lập đoàn thanh tra đánh giá tình trạng thực tế của cơ sở giáo dục, đơn vị và lập phương án đề xuất xử lý;

b) Căn cứ kết quả thanh tra, người có thẩm quyền cấp phép hoặc xác nhận đăng ký hoạt động ra quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Trong quyết định đình chỉ hoạt động phải xác định rõ lý do đình chỉ, quy định rõ thời hạn đình chỉ; các biện pháp đảm bảo quyền lợi người học. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Sau thời gian đình chỉ hoạt động, nếu các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép hoạt động trở lại. Trong trường hợp chưa cho phép hoạt động trở lại, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo rõ lý do và hướng giải quyết.

3. Người có thẩm quyền cấp phép, xác nhận đăng ký hoạt động có thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

4. Trong trường hợp khẩn cấp, khi phát hiện cơ sở giáo dục, đơn vị vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, người có thẩm quyền cấp phép hoạt động, xác nhận đăng ký hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật quyết định đình chỉ ngay hoạt động của cơ sở giáo dục, đơn vị, sau đó thực hiện các trình tự, thủ tục để đình chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục hoặc đơn vị.

Điều 10. Thu hồi giấy phép

1. Đơn vị bị thu hồi giấy phép hoạt động trong các trường hợp:

a) Không triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trong thời gian 12 tháng liên tục;

b) Có hành vi gian lận để được cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

2. Người có thẩm quyền cấp phép hoạt động có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA

Điều 11. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trên địa bàn;

b) Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo, các đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

2. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh

a) Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trên địa bàn;

b) Chỉ đạo phòng giáo dục đào tạo và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Điều 12. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo

1. Tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trên địa bàn.

2. Cấp phép hoạt động và xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

5. Tổng hợp kết quả, báo cáo ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Điều 13. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo

1. Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

4. Tổng hợp kết quả, báo cáo ủy ban nhân dân cấp huyện và sở giáo dục và đào tạo khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

2. Khi tổ chức các hoạt động phải đảm bảo an toàn về tính mạng và các quyền lợi hợp pháp về vật chất, tinh thần cho người học, người dạy; đồng thời phải chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi tham gia bảo hiểm rủi ro cho người học.

3. Quản lý, lưu giữ hồ sơ, bao gồm: hồ sơ đăng ký; danh sách người dạy; danh sách người học; kế hoạch, tài liệu; hồ sơ tài chính theo quy định hiện hành.

4. Khi các cơ sở giáo dục liên kết với các đơn vị để tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phải có hợp

đồng giữa hai bên. Hợp đồng phải quy định rõ về nội dung dạy học, kinh phí, đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, địa điểm tổ chức và trách nhiệm của mỗi bên. Sau khi ký kết hợp đồng phải báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục các cấp; thực hiện báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

1. Thực hiện nghiêm túc Quy định này và các quy định khác có liên quan. Nếu tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động phải báo cáo cơ quan cấp phép trước 10 ngày và thông báo công khai cho người học biết, đồng thời hoàn trả các khoản tiền đã thu của người học tương ứng với các nội dung, thời lượng chưa được thực hiện do tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

2. Bảo đảm chất lượng giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

3. Khi tổ chức các hoạt động phải đảm bảo an toàn về tính mạng và các quyền lợi hợp pháp về vật chất, tinh thần cho người học, người dạy; đồng thời phải chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi tham gia bảo hiểm rủi ro cho người học.

4. Quản lý, lưu giữ hồ sơ, bao gồm: hồ sơ cấp phép hoạt động; danh sách người dạy; danh sách người học; kế hoạch, tài liệu; hồ sơ tài chính theo quy định hiện hành.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục các cấp; thực hiện báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục.

Điều 16. Quản lý tài chính đối với hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

1. Cơ sở giáo dục, đơn vị được thu học phí để chi trả thù lao cho giáo viên, báo cáo viên, công tác quản lý, khấu khao tài sản cố định, chi thường xuyên khác.

2. Cơ sở giáo dục, đơn vị phải xây dựng mức thu học phí theo nguyên tắc lấy thu bù đắp chi phí hoạt động; báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên.

3. Cơ sở giáo dục, đơn vị có trách nhiệm:

a) Thực hiện 3 công khai theo quy định hiện hành;

b) Tổ chức hoạt động kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán;

c) Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Tổ chức thanh tra, kiểm tra

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý giáo dục, của các cơ quan thanh tra Nhà nước, thanh tra chuyên ngành có liên quan, của chính quyền các cấp.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Cơ sở giáo dục, đơn vị vi phạm quy định về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa thì bị xử lý kỷ luật theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Hiển

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(*Dành cho Cán bộ quản lý)*

Để giúp chúng tôi nghiên cứu thực trạng để tìm ra các biện pháp quản lý công tác giáo dục hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (HĐGDNGCK) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên trong nhà trường, kính xin quý Thầy (Cô) vui lòng cộng tác và cho biết ý kiến về một số vấn đề sau đây:

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác và giúp đỡ của quý Thầy (Cô)!

(Thầy (Cô) đồng ý với nội dung nào, xin đánh dấu x vào ô vuông (□) tương ứng bên cạnh; nếu có ý khác xin Thầy (Cô) vui lòng ghi hộ cho ý kiến (ở phần ý kiến khác) để chúng tôi tham khảo học tập)

Câu 1: Theo thầy (cô) việc tổ chức cho sinh viên tham gia các HĐGDNGCK có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển nhân cách?

a. □ Rất quan trọng b. □ Quan trọng

c. □ Bình thường d. □ Không quan trọng

Lý do: (Có thể chọn nhiều lý do)

□ Biết vận dụng tri thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tế

□ Giúp sinh viên hiểu thêm về truyền thống dân tộc,về quê hương về Đảng, về Bác Hồ.

□ Có hiểu biết về các vấn đề thời đại, quốc tế

□ Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kỹ năng sống và ứng xử có văn hóa.

□ Rèn luyện kĩ năng tự tổ chức, điều khiển và thực hiện một hoạt động có hiệu quả.

□ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự giáo dục, tự điều chỉnh bản thân.

□ Bồi dưỡng tính tích cực, năng động sáng tạo

□ Mở rộng các mối quan hệ xã hội.

 Tạo điều kiện cho sinh viên bộc lộ và phát triển năng khiếu cá nhân.

 Tận dụng và phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục khác trong công tác giáo dục toàn diện sinh viên.

 Là hoạt động không cần thiết làm mất nhiều thời gian.

Lý do khác: .....

Câu 2. Lực lượng chủ đạo đứng ra lập kế hoạch và chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức, các HĐGDNGCK ở trường thầy (cô) là:

a. Ban giám hiệu nhà trường

b. Phòng công tác chính trị- HSSV

c. Đoàn trường

d. Hội sinh viên

e. Ban Quản lý KTX

c. Giáo viên chủ nhiệm

d. Chi đoàn sinh viên

e. Sinh viên tự tổ chức

Ý kiến khác: .....

Câu 3: Nhà trường đã tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên với những nội dung và hình thức nào trong các nội dung và hình thức sau:

a. Hoạt động giáo dục chính trị xã hội

b. Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ

c. Hoạt động lao động, hướng nghiệp

b. Hoạt động văn hóa nghệ thuật

c. Hoạt động TDTT

d. Hoạt động nhân đạo từ thiện

e. Hoạt động tình nguyện

f. Hoạt động tham quan dã ngoại về nguồn

g. □ Hoạt động giao lưu với bạn bè quốc tế đang học tại trường

Hình thức khác: .....

Câu 4: Xin Thầy (cô) cho biết vai trò của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên đối với việc thực hiện các HĐGDNGCK của nhà trường?

Số từ 5 đến 1 tương ứng với 5 mức độ: Tốt , khá, Trung bình, yếu,kém

Thầy cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô trống:

TT	Biện pháp, hoạt động	Tốt (5)	Khá (4)	Trung bình (3)	Yếu (2)	Kém (1)
1	Đoàn, Hội có kế hoạch, hoạt động công tác hàng năm , hàng quý , hàng tháng gắn với kế hoạch Nhà trường.					
2	Lựa chọn đề cử CB Đoàn ,Hội chủ chốt					
3	Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, chế độ chính sách cho CB Đoàn, Hội					
4	Nội dung và hình thức hoạt động của Đoàn -Hội trong Nhà trường.					
5	Chủ động tổ chức các phong trào					
6	Lôi cuốn được đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia hoạt động					
7	Phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn-Hội trong mọi hoạt động					
8	Hiệu quả các hoạt động của Đoàn - Hội.					

Câu 5. Thầy cô cho biết ý kiến của mình về các biện pháp quản lý công tác giáo dục HĐGDNGCK của nhà trường được đề xuất sau đây.

TT	Tên các biện pháp	Rất hợp lí	Hợp lí	Không hợp lí
1	Nâng cao nhận thức của CB quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của HĐGDNGCK.			
2	Thành lập và phát huy có hiệu quả ban chỉ đạo các HĐGDNGCK.			
3	Kế hoạch hoá nội dung và hình thức HĐGDNGCK			
4	Chỉ đạo các khoa, các tổ chức đoàn thể, giáo viên chủ nhiệm tổ chức các HĐGDNGCK cho SV.			
5	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong xã hội , các doanh nghiệp trên địa bàn để sinh viên có điều kiện trao đổi, giao lưu học tập			
6	Xây dựng điều kiện hỗ trợ, tạo động lực khuyến khích cho HĐGDNGCK			
7	Tăng cường kiểm tra cơ sở vật chất, tài chính cho HĐGDNGCK.			

* Biện pháp của Thầy (Cô) đề xuất thêm.....

Câu 6: Thầy cô vui lòng cho biết những khó khăn, thuận lợi trong chỉ đạo HĐGDNGCK của Nhà trường

Thầy cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô trống:

TT	Khó khăn, thuận lợi	Rất thuận lợi	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn	Rất khó khăn
1	Cơ chế, chính sách và sự tạo điều của lãnh đạo nhà trường về các HĐGDNGCK					
2	Trình độ tổ chức, quản lý của các đơn vị có trách nhiệm tổ chức các HĐGDNGCK					
3	Nhận thức của các lực lượng xã hội, của đội ngũ giảng viên, của sinh viên về HĐGDNGCK					
4	Năng lực tổ chức của các đơn vị tổ chức các HĐGDNGCK					
5	Điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính					

Thầy cô vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân

Chức vụ: Hiệu Trưởng □,Phó hiệu trưởng □,Trưởng phòng □,Phó trưởng phòng □,Trưởng khoa □,Phó trưởng khoa □,Cán bộ □,giảng viên □.

Trình độ đào tạo: Tiến sỹ □ Thạc sỹ □ cử nhân □

Đối với HĐGDNGCK, Thầy (cô):

Đã từng chỉ đạo □ đang chỉ đạo □ chưa từng chỉ đạo □

Thời gian làm công tác quản lý:

19PL

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên)

Các em thân mến!

Để giúp Nhà trường có những cơ sở để xây dựng các biện pháp quản lý về các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (HĐGDNGCK) của sinh viên, bạn hãy vui lòng cho biết ý kiến bằng cách trả lời một số câu hỏi dưới đây. Đánh dấu X vào ô mà bạn cho là đúng. Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của bạn.

Câu 1: Theo bạn việc tổ chức cho sinh viên tham gia các HĐGDNGCK có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển nhân cách?

a. □ Rất quan trọng b. □ Quan trọng

c. □ Bình thường d. □ Không quan trọng

Lý do: (Có thể chọn nhiều lý do)

□ Biết vận dụng tri thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tế

□ Giúp sinh viên hiểu thêm về truyền thống dân tộc, về Đảng về Bác Hồ.

□ Có hiểu biết về các vấn đề thời đại, quốc tế

□ Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kỹ năng sống và ứng xử có văn hóa.

□ Rèn luyện kĩ năng tự tổ chức, điều khiển và thực hiện một hoạt động có hiệu quả.

□ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự giáo dục, tự điều chỉnh bản thân.

□ Bồi dưỡng tính tích cực, năng động sáng tạo

□ Mở rộng các mối quan hệ xã hội.

□ Phát hiện hứng thú sở trường của sinh viên.

□ Tận dụng và phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục khác trong công tác giáo dục toàn diện sinh viên.

□ Là hoạt động không cần thiết làm mất nhiều thời gian.

□ Làm ảnh hưởng nhiều đến việc học tập.

Lý do khác: .....

Câu 2: Khi tham gia vào các HĐGDNGCK bạn thường:

a. □ Rất tích cực

b. □ Tích cực

c. □ Ít tham gia

d. □ Không tham gia

Lý do: (Có thể chọn nhiều lý do)

□ Sợ bị trừ điểm rèn luyện

□ Tham gia theo bạn bè

□ Sự hứng thú, hấp dẫn của hoạt động.

□ Ý thức được vai trò, vị trí của HĐGDNGCK.

□ Do hứng thú nhu cầu của bản thân

□ Do yêu cầu bắt buộc của nhà trường

□ Kể thêm một số lý do khác .....

Câu 3: Những hình thức mà trường bạn thường sử dụng để tổ chức HĐGDNGCK là (có thể chọn nhiều ý kiến)

a. □ Qua Tuần sinh hoạt công dân.

b. □ Qua các hoạt động giáo dục truyền thống, các cuộc vận động của các tổ chức, đoàn thể.

b. □ Qua các cuộc giao lưu, hoạt động văn hoá- văn nghệ, TDTT, vui chơi, giải trí.

c. □ Thông qua việc tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

f. □ Thông qua việc tổ chức các hội thao, hội diễn, các cuộc thi

g. Ý kiến khác .....

Câu 4: Hãy cho biết ý kiến của bạn về mức độ tổ chức, mức độ tham gia của sinh viên và hiệu quả của nội dung và hình thức các hoạt động được tổ chức tại trường

Mức độ tổ chức: Rất thường xuyên 3đ- Thường xuyên 2 đ - ít tổ chức 1đ

Mức độ tham gia: Rất tích cực 3đ- tích cực 2 đ- ít tham gia 1 đ

Tính hiệu quả: Rất có hiệu quả 3 đ- Có hiệu quả 2 đ- ít có hiệu quả

Các hoạt động	**Mức độ tổ chức**			**Mức độ tham gia**			**Tính hiệu quả**		
	3	***2***	***1***	***3***	***2***	***1***	***3***	***2***	***1***
Giáo dục chính trị xã hội, ý thức pháp luật									
Hoạt động chuyên môn,nghiệp vụ, phong trào sáng tạo trẻ									
Hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT									
Hoạt động Nhân đạo từ thiện									
Hoat động tình nguyện									
Các cuộc thi: Tìm hiểu, sân khấu hoá									
Hoạt động giao lưu dã ngoại, cắm trại. về nguồn									

Câu 5: Lực lượng đứng ra tổ chức các HĐGDNGCK ở trường bạn là:

a. □ Ban giám hiệu nhà trường

b. □ Ban chỉ đạo HĐGDNGCK

c. □ Phòng công tác chính trị- HSSV

d. □ Đoàn trường

e. □ Hội sinh viên

f. □ Ban Quản lý KTX

g. □ Giáo viên chủ nhiệm

h. □ Chi đoàn

i. □ Tự phát của sinh viên

Ý kiến khác: .....

Câu 6: Nhà trường đã tổ chức các HĐGDNGCK cho sinh viên với những nội dung và hình thức nào trong các hình thức sau:

a. □ Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng

b. □ Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ

c. □ Hoạt động lao động hướng nghiệp

b. □ Hoạt động văn hóa nghệ thuật

c. □ Hoạt động TDTT

d. □ Hoạt động tình nguyện

e. □ Hoạt động tham quan dã ngoại về nguồn

f. □ Hoạt động giao lưu với bạn bè quốc tế đang học tại trường

Hình thức khác: .....

Câu 7: Hãy cho biết ý kiến nhận xét của em về hiệu quả của các hoạt động được tổ chức tại trường theo 5 mức độ từ cao đến thấp:

5: Tốt, 4: khá, 3 Trung bình, 2: yếu, 1: kém

TT	Các hoạt động	Tốt 5	Khá 4	Trung bình 3	Yếu 2	Kém 1
1	Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng					
2	Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ					
3	Hoạt động lao động hướng nghiệp					
4	Hoạt động văn hóa nghệ thuật					
5	Hoạt động TDTT					
6	Giáo dục kỹ năng sống					
7	Hoạt động tình nguyện					
8	Hoạt động tham quan dã ngoại về nguồn					
9	Hoạt động giao lưu với bạn bè quốc tế đang học tại trường					

Các hoạt động khác mà nhà trường có tổ chức (Ghi cụ thể)

Bạn vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân mình

Là sinh viên năm thứ mấy: nhất □ , hai □ ba □ tư □

Khoa:

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP CỦA SINH VIÊN

Hân hoan chiến thắng tại Đà Nẵng ngày 05/4/2009

Đội Robocon của Nhà trường thi đấu tại Huế

Tiết mục dự thi tiếng hát học sinh - sinh viên toàn quốc

Sinh hoạt cộng đồng múa hát tập thể

Đêm giao lưu chào bạn mới

Thăm đơn vị kết nghĩa nhân ngày 22/12

Một số hình ảnh tình nguyện

28PL

HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ND TỈNH QUẢNG NGÃI
NG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
LỄ RA QUÂN
CHIẾN DỊCH TÌNH NGUYỆN HÈ 2008
NEW LIFE

29PL